

Tác Giả và Tác Phẩm

Hoàng Đạo

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Tường Long.
Quê Quảng Nam, sinh năm 1907 ở phố huyện Cẩm Giàng, Hải Dương.
Mất năm 1948 tại Quảng Châu, Trung Hoa

Tác phẩm

Trước vành móng ngựa (1938), Bùn lầy nước đọng (1939),
Mười điều tâm niệm (1939), Con đường sáng (1940), Tiếng đàn (1941).



Mục Lục

Hoàng Đạo, tiểu sử và sự nghiệp văn hóa – Đặng Thơ Thơ - 2
Sắc không – 5
Cây óc – Đặng Thơ Thơ - 8
Hoa thủy tiên – 20
Lịch sử nhìn từ âm bản – Đặng Thơ Thơ – 22
Bà Hoàng Đạo – Từ Dung - 26
Người trí thức dân thân – Thụy Khuê – 31
Hoàng Đạo và một tên hậu học – Nguyễn Mạnh Côn – 40
Tinh thần hậu hiện đại trong những tác phẩm của Hoàng Đạo – Đặng Thơ Thơ - 48
Độc lại Hoàng Đạo – Nguyễn Mộng Giác – 57
Ký ức về ba tôi – Ng Tuyên - 62

Phụ đính:

Ánh sáng – Một gia đình – Dưới làn sóng
Tiếng đàn – Chán nản – Tiếng pháo xuân

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Hoàng Đạo, tiểu sử và sự nghiệp văn hóa **Đặng Thơ Thơ** (Nhà văn Đặng Thơ Thơ là cháu ngoại Hoàng Đạo)



Hoàng Đạo khi bị mật thám Pháp bắt năm 1941

Tiểu sử

Hoàng Đạo tên thật là Nguyễn Tường Long. Ông sinh ngày 11/10 năm Đinh Mùi tức 16/11/1907, tại làng Hàn Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Nguyên quán làng Cẩm Phô, xã Hội An, tỉnh Quảng Nam. Bút hiệu khác: Tứ Ly, Tường Vân. Trong hoạt động cách mạng đôi khi ký tên Phúc Vân... Dòng họ Nguyễn Tường gốc ở Bình Định: Nguyễn Tường Vân, người Bình Định, làm Binh bộ Thượng thư, có hai con trai nhập tịch Cẩm Phô, Hội An, là Nguyễn Tường Vĩnh, phó bảng, tuần vũ Vĩnh Long và Nguyễn Tường Phổ, tiến sĩ, dạy học và nhà thơ. Nguyễn Tường Phổ sinh ra Nguyễn Tường Tiếp, tri huyện Cẩm Giàng, nổi tiếng hay chữ, và là ông nội của Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo là con thứ tư trong một gia đình bảy anh chị em: Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Thị Thế, Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), và Nguyễn Tường Bách. Cha là Nguyễn Tường Nhu (1881-1918), một nhà nho không thành đạt (mất ngày 23/10/ năm Mậu Ngọ), mẹ là bà Lê Thị Sâm, tần tảo buôn bán nuôi bảy người con. Khi các con đã trưởng thành, bà đi tu và mất năm 1963 tại Sài Gòn.

Thuở nhỏ học trường huyện, tên là Nguyễn Tường Tư (chính ra là Tứ, nhưng vì trùng tên một người bạn của cha, nên đổi là Tư), sau không đủ tuổi để đi thi, gia đình khai thêm bốn tuổi đổi tên thành Nguyễn Tường Long, và đổi ngày sinh (trên giấy khai sinh) thành 3/4/1903.

Sau bậc tiểu học, Tường Long bị ốm nên tự học tại nhà. Năm 1924, đậu bằng Cao đẳng tiểu học Pháp, và liền đó đỗ vào trường Luật Đông Dương tại Hà Nội. Tốt nghiệp năm 1927, ông vào làm tham tá Ngân khố Hà Nội. Tiếp tục học thêm, đậu tú tài Pháp và chuyển sang ngạch Tư pháp, làm tham tá lục sự từ năm 1929, trong các toà "Tây án" ở các tỉnh Trung, Nam, Bắc. Trong thời gian này, có lần đã được bổ tri huyện, nhưng ông từ chối.

Năm 1932, Nguyễn Tường Long đang làm việc ở Sài Gòn, được đổi về Hà Nội, Nhất Linh mua lại tờ Phong Hoá của Phạm Hữu Ninh và ngày 22/9/1932 báo Phong Hoá tái bản với nội dung và ê-kíp mới. Năm 1933, thành lập Tự Lực Văn Đoàn, cùng năm ấy, Nguyễn Tường Long lập gia đình với cô Marie Nguyễn Bình (1913-1975), được bốn người con: ba gái, một trai.

Trên Phong Hoá, Nguyễn Tường Long lấy bút hiệu là Tứ Ly (giờ xấu nhất trong ngày), viết những bài đả kích châm biếm toàn bộ hệ thống quan lại của chính quyền thuộc địa và Triều đình Huế, bài trừ hủ tục trong xã hội Việt Nam. Năm 1936, Phong Hoá bị đóng cửa. Tờ Ngày Nay -trước đã ra kèm với Phong Hoá, trong 18 số đầu, chuyên về hình ảnh- từ số 19 trở đi chuyển sang văn nghệ. Trên tuần báo Ngày Nay, từ 1937 đến 1939, Hoàng Đạo hoàn tất những hồ sơ lớn về *Vấn đề thuộc địa*, *Vấn đề cần lao*, *Công dân giáo dục*, và phụ trách những mục: *Người và Việc* (cùng với những cây bút khác của Tự Lực Văn Đoàn), *Trước vành móng ngựa* (ghi lại những tình cảnh bi hài của dân nghèo trước toà tiểu hình Hà Nội).

Năm 1939, Nhất Linh thành lập đảng Hưng Việt, sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. Vì đảng chủ trương công khai chống Pháp và lật đổ triều đình Huế, cuối năm 1940, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt, bị đi an trí tại Vụ Bản thuộc Châu Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình, mãi đến năm 1943 mới được giải về quản thúc tại Hà Nội. Trong thời gian đó, Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách tiếp tục quản trị tờ Ngày Nay đến cuối năm 1941, mới bị đóng cửa. Năm 1942, Nhất Linh chạy sang Quảng Châu, Thạch Lam mất tại Hà Nội. Hoàng Đạo và Nguyễn Tường Bách tiếp tục lãnh đạo phong trào. Theo lệnh của Nhất Linh từ Trung Quốc gửi về, báo Ngày Nay tục bản ngày 5/3/1945, với Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách, Khái Hưng và Nguyễn Gia Trí.

19/8/1945. Việt Minh nắm chính quyền. 25/8/1945 Bảo Đại thoái vị. 2/9/1945 Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập. Trong khi ba thành phần Việt Minh, Việt Quốc và Việt Cách đang điều đình để thành lập chính phủ liên hiệp, ngày 13/1/1946, Vệ Quốc Quân tấn công bộ đội Việt Quốc tại Việt Trì.

2/3/1946 Chính phủ liên hiệp ra đời, nhưng các lực lượng quốc gia và cộng sản chia rẽ trầm trọng. Chủ trương của chính quyền thực dân không thay đổi: Hội nghị Đà Lạt thất bại. Sự đổ vỡ và chiến cuộc xảy ra giữa hai phe quốc gia và cộng sản.

Cuối tháng 7 năm 1946, Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách và 6 bạn đồng hành đến Hà Khẩu, lên Côn Minh rồi sang Quảng Châu. Ngày 19/12/1946, Khái Hưng bị Việt Minh bắt và bị thủ tiêu năm 1947.

Hoàng Đạo mất đột ngột ngày 22/7/1948 (16/6 năm Mậu Tý), trên chuyến xe lửa từ Hương Cảng về Quảng Châu, thi hài ông được an táng tại thị trấn Thạch Long.

Tác phẩm đã in: *Trước vành móng ngựa* (phóng sự, Đời Nay, Hà Nội, 1938), *Bùn lầy nước đọng* (Đời Nay, 1938, vừa xuất bản đã bị chính quyền thuộc địa cấm lưu hành), *Mười điều tâm niệm* (tiểu luận, Đời Nay, 1939), *Con đường sáng* (tiểu thuyết, Đời Nay, 1940) và *Tiếng đàn* (truyện ngắn, Đời Nay, 1941).

Sự nghiệp văn hóa

Năm 1932, sau khi đã hoàn toàn dẹp xong cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, thống trị Pháp mở một cuộc chuyển lớn trong hàng ngũ viên chức bản xứ nhằm gián đoạn liên lạc giữa những người trí thức Việt Nam yêu nước. Nhưng đối với Nguyễn Tường Long, việc đổi từ Sài Gòn ra Hà Nội lại là một dịp may để ông cùng với anh em hoạt động. Nghiên cứu những kinh nghiệm mang lại do cuộc khởi nghĩa thất bại của Nguyễn Thái Học và tổ chức V.N.Q.D.Đ, ông cùng với anh ruột là ông Nguyễn Tường Tam và một người bạn là ông Trần Khánh Giu tức Khái Hưng tự vạch ra một con đường chiến đấu trường kỳ đi tới giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp.

Đó là con đường huấn luyện quần chúng bằng báo chí. Năm 1933 bộ ba này nhận lại một tờ báo sắp chết là tờ Phong Hóa của một người bạn là ông Phạm Hữu Ninh. Bằng một kỹ thuật học được của báo chí tiến bộ Âu Châu, bằng một lối hành văn mới và nhất là bằng giọng hài hước, họ đã làm cho tờ Phong Hóa sống lại và truyền bá rất mau. Chủ trương của bộ ba này lúc đầu là dùng nghệ thuật, văn chương để thu hút quần chúng, dùng cái cười làm khí giới để

chen vào cuộc xung đột giữa hai khuynh hướng “theo mới” và “tồn cổ” mà họ đứng hẳn vào khuynh hướng triệt để theo mới. Khi đã thu hút được quần chúng rồi, họ bắt đầu chuyển sang việc truyền bá những tư tưởng cách mạng dân tộc và cách mạng xã hội nhịp theo trào lưu tiến hóa của thế giới. Thanh thế của tờ báo càng lớn thì những người có tâm huyết có tài năng tìm đến hợp tác mỗi ngày một đông, và nổi bật nhất là Tú Mỡ tức Hồ Trọng Hiếu, Thế Lữ tức Nguyễn Thứ Lễ...

Trong báo Phong Hóa, Nguyễn Tường Long lấy bút hiệu là Tú Ly. Sở dĩ ông chọn bút hiệu này là vì muốn đả phá thói mê tín bốc phệ, ông đã chọn giờ xấu nhất trong ngày là giờ Tú Ly làm tên hiệu. Thời kỳ này Tú Ly rất ít khi viết những bài nghị luận chính trị, kinh tế hoặc xã hội mà chỉ chuyên về mặt đả kích. Bằng một lối văn hài hước khi thì nhẹ nhàng thâm thúy kiểu nhà nho, khi thì sâu cay độc địa kiểu những cây bút đả kích Tây phương, Tú Ly đả kích tất cả những người và những việc mà ông cho là tiêu cực, là hủ bại, là cản đường tiến của xã hội. Bất cứ một chuyện nhỏ hay một chuyện lớn, ảnh hưởng quan trọng hay thoảng qua, tất cả đều có thể là những đầu đề cho Tú Ly đả kích để đưa chủ trương “theo mới” những tư tưởng tiến bộ của mình ra: một vụ kiện tranh ngôi thứ, một biện pháp hành chính mới của thống trị Pháp, một thay đổi chức vị trong triều đình Huế, một viên quan bị tố cáo ăn hối lộ, một câu văn viết không rõ ý của một tờ báo khác, một tư tưởng nhai lại, thậm chí một nét mặt, một kiểu phục sức như cái mũ dô của Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, cái búi tóc củ hành của Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố... tất cả đều bị Tú Ly đưa lên mặt báo, bóc trần, mổ xẻ để đả kích bằng cả lý luận lẫn giọng cười. Báo Phong Hóa càng ngày càng có ảnh hưởng càng lớn, Mật thám Pháp dò biết Tú Ly là linh hồn của cơ quan này nên đã ra lệnh đổi viên tham tá lục sự Nguyễn Tường Long từ Hà Nội vào Đà Nẵng nhằm tách rời ông khỏi bộ tham mưu. Nhưng trở lại miền Trung là Tú Ly lại có thêm một dịp để đả kích chế độ cai trị cực kỳ khắc nghiệt của thực dân với những tay sai đắc lực của chúng trong hàng ngũ quan lại Nam Triều. Vì thế, thực dân Pháp không còn cách nào khác là hạ lệnh đóng cửa tuần báo Phong Hóa. Lúc đó vào năm 1937.

Nhưng báo Phong Hóa chết, nhóm của ông có sẵn nhà Xuất Bản Đời Nay để làm cầu liên lạc với người đọc qua những tác phẩm văn nghệ đã đăng trong báo đó. Thời kỳ này Tú Ly không có một văn phẩm nào để xuất bản. Ít lâu sau người anh thứ hai của ông là Nguyễn Tường Cẩm xin được ra một tờ báo khác là tuần báo Ngày Nay. Trong 18 số đầu, tờ Ngày Nay chuyên về hình ảnh và phóng sự với mục đích tránh sự rình rập của thực dân Pháp. Từ số 19, tờ Ngày Nay bắt đầu đổi thể tài, chuyên về văn nghệ và Tú Ly đổi tên là Hoàng Đạo để thỉnh thoảng viết một vài bài đả kích nhẹ nhàng. Ngược lại với bút hiệu chọn lần trước, với tờ Ngày Nay, Nguyễn Tường Long lấy giờ Hoàng Đạo là giờ tốt nhất trong ngày để thay tên Tú Ly. Chính trong thời gian bắt đầu xây dựng tờ Ngày Nay, tác giả đã ghi chép một số những vụ xử án điển hình tại tòa Tiểu hình Hà Nội trong khi ông ngồi ghế lục sự tại tòa này và đăng trong mục “TRƯỚC VÀNH MÓNG NGỰA”. Dụng ý của ông khi viết mục này là vẽ lại cảnh sống cơ cực, trình độ thấp kém của người dân Việt Nam dưới chế độ thống trị của thực dân Pháp qua sự xét định của tòa án của Pháp, theo luật lệ của Pháp, thứ luật lệ mà người Pháp vẫn tự hào là nhất thế giới.

Qua nhiều lần thay đổi thể tài, phần nghị luận chính trị /kinh tế/ xã hội được tăng cường tùy theo tình hình chính trị và sự canh chừng của thực dân lúc đó; phần văn nghệ dần dần được giới hạn và đưa từ trang đầu vào trang giữa rồi chuyển về những trang cuối của tờ báo. Cây bút nghị luận Hoàng Đạo càng ngày viết càng nhiều và không ngừng đưa ra những tư tưởng tiến bộ, giới thiệu những khuynh hướng chính trị và cách mạng trên thế giới, khảo cứu thực trạng của xã hội Việt-Nam để dẫn dắt người đọc đi tới con đường cách mạng. Ông đã viết từng loạt bài nối tiếp từ *Mười Điều Tâm Niệm* mà ông coi như kim chỉ nam cho thanh niên thời ấy, đến *Công Dân Giáo Dục* để giới thiệu các chế độ chính trị, khuynh hướng dân chủ ở nước ngoài, cùng các chủ nghĩa chính trị, các đảng phái, từ chủ nghĩa vô chính phủ, đến chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa Cộng-sản. Các vấn đề xã hội trong nước được ông khảo xét một cách minh bạch từ đời sống nông dân sau lũy tre xanh đến những cảnh vật lộn cực khổ của lao động

thợ thuyền ở thành thị với những loạt bài “*Bùn Lầy Nước Động*” và “*Vấn Đề Cần Lao*”. Trong thời kỳ Mặt Trận Bình Dân lên cầm quyền ở Pháp, ông đã có hoàn cảnh lên án cực kỳ nghiêm khắc chủ nghĩa thực dân xâm chiếm thuộc địa với loạt bài khảo sát nhan đề “*Vấn Đề Thuộc Địa*”.

Trong báo Ngày Nay ông cũng có viết một truyện dài nhan đề *Con Đường Sáng* và một số truyện ngắn, nhưng ông chưa tìm ra được một lối viết truyện thích hợp. Sau này ông có để riêng một thời gian để nghiên cứu kỹ thuật về tiểu thuyết và ông đã xây dựng một số tác phẩm nhưng đều phải bỏ dở vì những hoạt động cách mạng.

Có thể nói rằng sự nghiệp văn chương của Hoàng Đạo ngừng lại cùng với tuần báo Ngày Nay bị đóng cửa năm 1940 sau khi nước Pháp bị Đức chiếm đóng. Và từ đó ông chuyên về các hoạt động cách mạng. Cuối năm 1940 vì tổ chức đảng Đại Việt Dân Chính chủ trương xây dựng lực lượng, lợi dụng các biến cố quốc tế để đánh đuổi thực dân Pháp, lật đổ triều đình Huế xây dựng một nước Việt Nam độc lập và dân chủ; nên ông cùng các đồng chí bị Pháp bắt giam và đưa đi đày tại trại an trí Vụ Bản thuộc châu Lạc Sơn tỉnh Hòa Bình. Năm 1943 thực dân Pháp giải ông về quản thúc tại Hà Nội. Tháng 6 năm 1946 sau khi lực lượng cách mạng dân tộc bị kiệt quệ trong một cuộc nội chiến chống Việt Minh cộng sản, ông cùng các chiến sĩ Quốc Dân rút sang Trung Quốc. Trú ở Côn Minh rồi sang Quảng Châu, thời gian này ông tập trung nghiên cứu tìm một chính thể và mô hình xã hội thích hợp để áp dụng tại Việt Nam. Ông qua đời đột ngột trên chuyến xe lửa Hương Cảng – Quảng Châu ngày 22 /7/1948, thi hài an táng tại trấn Thạch Long. Sau này dưới thời kỳ cải cách ruộng đất Trung Quốc giải tỏa nghĩa trang làm khu dân sinh và mộ phần của ông bị san bằng không còn dấu vết.

(do gia đình soạn thảo, với phần bổ sung của nhà phê bình Thụy Khuê)

Sắc không

Hai người đã đến cửa Tam quan. Cương đứng lại, dựa mình vào gốc đại, nhìn cảnh chùa yên lặng trong cảnh chiều và nói:

- Tôi nghiệm ra rằng các nhà tu hành, theo tôn giáo vùng nào cũng vậy, đều có một vẻ mặt riêng. Nhà sư ta vừa gặp, tôi thấy hao hao giống nhiều vị cổ đạo tôi quen; họ đều có một khuôn mặt khắc khổ, không sao lẫn được.

- Tôi không dám chắc. Đời các nhà sư bình tĩnh, phẳng lặng như ao tù thì họ còn đau đớn gì mà nét mặt khắc khổ được. Theo ý tôi...

Cương ngắt lời bạn. Chàng nói bằng một giọng trầm, như chứa chất một tin tưởng rất chắc chắn:

- Anh lầm.

Cương ngừng một giây, nhìn ánh mặt trời yếu ớt chiếu ngang vào gác chuông, thủng thỉnh nhắc lại:

- Anh lầm. Anh có quan sát mặt biển cả bao giờ không? Những buổi chiều sắp có giông bão, mặt biển yên lặng lạ lùng. Nhưng chính lúc ấy, những làn sóng ngầm rất bạo liệt đương chuyển động cả đáy biển. Đời nhà sư cũng vậy, anh ạ, chỉ phẳng lặng ở bên ngoài.

Thái cười mai mỉa:

- Và cả ở bên trong nữa!

Cương không trả lời, mắt lơ đãng nhìn vào quăng không. Sự tịch mịch chung quanh tăng lên dần với bóng chiều. Thái nhìn bạn:

- Anh nghĩ gì mà thờ thần cả người ra thế?

- Tôi nghĩ đến một câu chuyện xảy ra cách đây đã lâu, và vai chủ động là một nhà sư sống một đời phăng lạng như anh vừa nói. Đến mãi bây giờ, tôi vẫn không quên được. Câu chuyện người khác cho là rất tầm thường nhưng tôi thấy hàm một ý nghĩa rất sâu xa. Anh biết chùa N... ở vùng Bắc đẩu chứ? Nhưng có lẽ anh không biết: anh có hay vãn cảnh chùa chiền đâu! Một ngôi chùa hẻo lánh vắng vẻ gấp trăm cảnh chùa này. Chùa làm trên sườn đồi, trong đám thông gió, mặt nhìn xuống một con sông nhỏ. Chung quanh là đồng ruộng chạy mãi đến tận chân trời. Mênh mông êm tĩnh, anh ạ. Chiều chiều, lúc mặt trời lặn, nghe chuông chùa thông thả rơi từng tiếng một, đến anh cũng phải cảm thấy tâm hồn tiêu tan vào sự buồn nản vô cùng của hư không. Mỗi tiếng ngân vang đi rất xa, lắng tai như nghe thấy sự rung chuyển của không khí trong êm lặng. Tôi chưa thấy một ngôi chùa nào tĩnh mịch hơn: dấu linh hồn đương xúc động mạnh đến đâu, ở đấy cũng phải trở lại bình tĩnh với sự bình tĩnh vô cùng của cảnh chùa.

Trụ trì chùa N... là một vị sư ông ngoài ba mươi tuổi, ít nói, ít cười, vẻ mặt lạnh lùng, và một chút tiểu ngậy thơ, mộc mạc. Sư ông không biết ở đâu đến, nhưng thật là một vị sư cần mẫn, lúc nào cũng tụng kinh, niệm Phật. ở vùng ấy, ai cũng mến phục, có lẽ kính nể sư ông nữa; thấy sư ông bao giờ cũng trịnh trọng nghiêm trang, người ta thì thầm bảo nhau rằng sư ông là một vị chân tu đã đến cõi Nát bàn ngay trong thời hiện tại.

Cuộc đời của sư ông êm ả quá, ngày này sang ngày khác trong sự tĩnh mịch phăng lạng. Mặt ao tù, như anh bảo. Nhưng thật ra là mặt biển khi lặng sóng.

Một mùa xuân kia, mơn mớn như má cô gái dậy thì. Hai cây đào trồng cạnh ngôi chùa và mấy cụm mấu đơn thi nhau nở hoa; mùi hoa cam, hoa bưởi ở ngoài vườn, gió đưa vào chùa, pha trộn với mùi hương trầm; những chòm lộc non xanh rờn chung quanh chùa; tất cả sắc và hương của cỏ cây gặp tiết mới nở giã ra, đầm ấm, say sưa như men rượu.

Thiện nam tín nữ rập đến chùa lễ bái và vãn cảnh. Trong mưa phùn, những mẩu quần áo rực rỡ làm tươi hẳn cảnh chùa vốn lạnh lẽo quanh hiu, khiến cho ai nấy đều có cái cảm tưởng là cả đến ngôi chùa cũng sống lại với mùa xuân.

Trong những ngày vui vẻ ấy, dễ thường chỉ có sư ông là vẫn thản nhiên lãnh đạm, không cười nói, tâm trí bận theo đuổi một giấc mộng xa xôi huyền bí. Đời của sư ông về bề ngoài, vẫn bình tĩnh một cách dị thường. Ai có tinh ý lắm mới nhận thấy sư ông gầy đi, mắt sâu hơn, má hóp thêm. Người ta bảo đó là vì sư ông thức khuya nhiều quá, và kể chuyện với nhau rằng có đêm, những đêm hương thơm của cỏ hoa nồng nàn quá, trong làng đã đổ canh tư rồi mà vẫn còn nghe tiếng mõ đều đều vọng ra ngoài đồng vắng.

Một ngày về cuối xuân, trời mưa bụi, không khí ẩm và nóng như báo trước những ngày hè sắp tới; một ngày người ta thấy chân tay rời rã, máu đọng lại trong các mạch. Khách thập phương đến lễ đông, nên sư ông bận trên chùa từ sớm, hương trầm nghi ngút xông lên suốt cả buổi.

Mãi đến quá Ngọ, sư ông mới xuống nghỉ dưới gian nhà tổ. Sư ông ngồi yên, hai tay mỗi một đặt lên cặp đùi gầy, mắt mở to nhưng không trông thấy gì hết.

Bống chú tiểu ở ngoài chạy vào, vừa thờ vừa nói:

- Bạch cụ... hai người đến vắng cảnh chùa ban nãy ạ... Họ đem nhau đến sau tháp, bầm cái tháp lớn ạ...

- Thật thế à? Gọi ông Lý mau!

Sư ông đứng phất dậy, mắt sáng quắc, mặt tái đi, và chân tay run bật lên.

ở ngoài, mưa đã tạnh. Một mảnh trời lộ ra sau những đám mây xám. Một ngọn gió êm, lơi lả đưa lại hương thơm nhẹ của cỏ hoa. Nhưng sư ông không còn vẻ thản nhiên lúc thường; trong khi đợi lý dịch, sư ông cuống lên như một con thú dữ; đi đi lại lại trong phòng một cách nặng nề hấp tấp.

Vừa thoáng thấy Lý trưởng, sư ông chạy xốc ra:

- Mô phật! Nhờ chư ông bắt giùm. Thật họ làm dơ bẩn cả nhà chùa.

Sư ông hồi chú tiểu dẫn đường đi ngay để bắt cặp gian phu dâm phụ. Những nét bình thản trên mặt sư ông, ai cũng trông thấy rõ đã rối loạn vì lòng phẫn nộ:

- Bắt lấy chúng nó!

Nhưng tiếng động đã đánh thức cặp tình nhân đang mê mải say sưa. Thấy bóng người, họ vội vàng lẩn trốn. Người đàn ông nhanh chân chạy thoát, chỉ còn lại người đàn bà bị bắt dẫn đến trước mặt nhà sư.

Sư ông dăm dăm nhìn người đàn bà từ đầu đến chân như nhìn kẻ thù. Đôi mắt sắc của sư ông sáng lên theo dõi từng cử chỉ của cô ả; dừng lại một giây trên đôi vai tròn trĩnh để hở trong chiếc áo chưa cài hết khuy, rồi nhìn thẳng vào khuôn mặt trát đầy phấn và cặp môi đỏ chót. Nét mặt sư ông tỏ ra vẻ giận dữ và khinh bỉ đến cực độ.

Cô ả ăn mặc lòe loẹt như một gái giang hồ, vẻ mặt lo lắng, hai tay chấp lại van xin, mắt nhớn nhác nhìn sư ông và mọi người như năn nỉ.

- Xin cho dẫn lên huyện!

Tiếng nói rít, đầy oán hận của sư ông khiến ai nấy giật mình. Lý trưởng lưỡng lự một giây.

- Trời chiều mát rồi, bạch cụ. Có dẫn lên huyện cũng không kịp.

Hay là cụ cho giam tạm ở chùa cho đến mai.

- Không thể được ạ.

Nhà sư nhất định từ chối và nhờ vậy cô ả kia được tha, sau một hồi xỉ mắng. Sư ông nhìn cô ả sửa lại vành khăn, xốc lại quần áo rồi lủi thủi bước ra khỏi Tam quan.

Đêm hôm ấy, sư ông thức khuya lắm. Tiếng mõ cứ đều đều đổ dồn vào yên lặng. Và hôm sau, người ta ngỡ ngác kháo nhau rằng sư ông đã bỏ chùa ra đi, không biết là đi đâu. Người thì bảo sư ông hóa điên, người suy nghĩ hơn, bảo sư ông không muốn tu ở một ngôi chùa đã ô uế, trốn đi tìm một ngôi chùa khác, tĩnh mịch hơn.

Sự thật không ai ngờ đến cả. Sư ông đã cởi trả áo nhà chùa, trở về với đời nghiệp chướng.

Cương ngừng lại, châm thuốc hút một hơi dài. Làn khói quện lấy hai người. Thong thả, ở trong chùa, ngân nga tiếng chuông thu không, như điểm cuộc đời yên lặng trong cảnh tịch mịch hư vô.

Thái yên lặng nhìn bạn. Cương đưa mắt nhìn theo khói thuốc bay, chậm rãi nói:

- Đấy anh xem. Cuộc đời phẳng lặng của sư ông chùa N... là hầu hết cuộc đời của các nhà tu hành. Phẳng lặng ngoài mặt, nhưng bên trong rối loạn vô cùng. Thật là một bãi chiến trường. Bãi chiến trường của tín ngưỡng và dục vọng. Đè nén dục vọng không phải dễ dàng; trái lại, nhà tu hành mỗi lúc mỗi đau khổ lắm mới giữ được mình. Cuộc chiến đấu càng lâu càng tăng vẻ mãnh liệt; phần nhiều thì ngọn lửa lòng cháy một ngày một bốc, cho đến lúc làn gió nhẹ bên ngoài thổi qua cũng đủ làm bùng to lên.

Những ngày xuân ấm là những ngày đau khổ nhất cho các nhà tu hành; chung quanh họ, từ bông hoa ngọn cỏ cho đến muông thú, thấy đều say mê trong thanh sắc, trong dục vọng, riêng các nhà sư phải sống theo nhịp một điệu riêng, điệu của hư vô, của cõi chết. Nhưng nhắm mắt lại, chắc họ còn cảm thấy gió xuân mơn trớn như chiếc hôn nhẹ, và lúc gõ mõ tụng kinh, nhiều hình ảnh khêu gợi chắc đương lả lơi trước mắt.

Tôi nghĩ mà thương sư ông chùa N... ngày rằm tháng giêng. Những dáng điệu vô tình là lợi của các cô gái đi trẩy hội, màu áo và hình sắc, mùi phấn và nước hoa lẫn vào hương trầm, ngàn ấy thứ thừa sức cám dỗ một người, và người bao giờ cũng yếu đuối. Anh đừng tưởng sư ông phần nộ nhìn cô gái giang hồ là vì không tôn trọng luân lý: sư ông lúc đó đương chống giữ với sự cám dỗ bên ngoài, và vì thế sinh ra thù oán đến căm hờn nguồn rễ của dục vọng, người đàn bà. Lúc sư ông nhìn một cách ghê tởm và khinh bỉ thân thể cô gái giang hồ, tôi chắc là lúc thân thể sư ông rung động vì dục vọng bị đè nén, và sư ông đã ghê tởm và khinh bỉ chính người sư ông mà không biết. Ngọn lửa nhóm trong lòng sư ông đã cháy lâu rồi, không thể dập tắt được. Đôi vai tròn lẳn của cô ả chỉ là một giọt dầu đổ thêm vào đám lửa đương ngùn ngụt...

Ngừng một giây, Cương buông từng tiếng một, như vừa nói vừa nghĩ:

- Sư ông bỏ chùa là phải.

Chung quanh hai người, trời đã bắt đầu tối sẫm. Thái nghe tiếng bạn nặng nề rơi vào quăng không, như hàm súc một sự cảm động rất mạnh nhưng ngấm ngầm.

Chàng đột ngột hỏi:

- Sao anh biết rõ tâm lý nhà sư ấy thế?

Cương không trả lời. Chàng mỉm cười, đôi mắt nhìn vào trong đêm như nhìn một ký vãng mù mịt. Thái ngạc nhiên nhìn, và bỗng nhận rõ mặt Cương nổi bật lên trong tối, mắt sâu, má hóp, vẻ khắc khổ như mặt kẻ tu hành.

Rút từ tập truyện ngắn *Tiếng đàn*,
Nxb. *Đời Nay*, Hà Nội, 1941

Cây óc
Đặng Thơ Thơ



Dựng lại một người đã chết là điều khó làm.

Vào đúng ngày giỗ năm ngoái của ông ngoái thì tôi nảy ra ý định dựng lại ông. Ý tưởng này nằm ẩn sâu trong tiềm thức đã lâu, đến ngày giỗ chợt bộc phát như một tai họa không cách nào ngăn cản. Những ý tưởng có tính cách tai họa khi chúng ta không thể nào làm chúng biến đi, như một vết mực hay vết máu. Nhưng lần này, ý tưởng dựng lại một người chết, thoáng nghe có vẻ kinh dị, kỳ thực không có gì là mới. Tôi vẫn thấy đầy dẫy, trên đường phố, trong thư viện, phòng triển lãm, nhất các rạp hát, những con người mới được dựng lại từ những bản sao. Không phải một, mà nhiều lần liên tục.



Đọc theo thế kỷ vẫn xảy ra những vụ dựng lại người chết, thoát đầu để tưởng niệm, cuối cùng biến thành động mồ quật mã, một cách bất nhân và biếm nhục. Nhẹ lắm thì hóa ra trò hề mua vui (những cuộc vinh danh lãnh tụ, những giải thưởng nhân danh một nhà văn, những viện bảo tàng cho một tổng thống, những tượng đài cho kẻ sát nhân diệt chủng...) Tôi không thể để điều ấy xảy ra cho ông.

Ông tôi – tác giả của 5 cuốn sách đã in, của nhiều cuốn sách chưa in, của ngàn bài phóng sự đã đăng báo. Ông tôi – một người dám nói và dám sống theo điều mình nói, đánh đổi ngục tù và cái chết cho lý tưởng, công khai thách đố và chống đối bạo quyền... Một người như vậy xứng đáng được dựng lại nguyên bản, dựng lại theo đúng khuôn mẫu có thật, không chấp nhận một sai sót nào.

Vào tuần thứ ba của tháng 7 (các anh em Nguyễn Tường thường chết vào tháng 7, vì họ gồm 7 anh em tất cả), tôi đã quyết định:

Minh không làm giỗ, vì làm giỗ không thể dựng lại một người đã chết. Ngày giỗ chỉ là một dấu mốc tạm thời, một gợi nhớ vô vọng về tàn rữa của linh hồn trước vịnh cửu thời gian. Dựng lại được người chết thì vẫn tốt hơn đắp mộ hay thắp nhang cho họ. Muốn dựng lại một người đã chết thì phải ngưng ngay việc làm giỗ, vì càng làm giỗ thì càng khiến người ấy chết nặng hơn. Mỗi lần giỗ là một tảng đá chồng lên mộ, xác nhận sự bất diệt của cái chết. Muốn dựng lại một người đã chết, việc trước tiên là phải công nhận: Người ấy đã chết. Rồi sau đó đi ngược lại cái chết, đi trở về thời gian đã sống.

Khởi đầu mọi sự rất khó khăn vì tôi không có đủ chứng tích hay tài liệu về ông. Nhất là ông chết năm 1948, mười ba năm trước khi tôi ra đời. Ông lại chết bên Tàu, và tôi sinh ra ở Việt Nam, điều này khiến việc dựng lại càng thêm phức tạp.

Mộ ông theo lời kể của bà Nguyễn Tường Bách, đã bị đào xới dưới chế độ cộng sản Trung Quốc, hài cốt đã tan tác và thất lạc (1) (theo khoa địa lý dịch số thì đây là điềm cực gở, xấu hơn cả chuyện quan tài bị rễ cây đâm ngang, hay nước lụt đẩy trôi ra đường). Hậu quả của chuyện mộ bị phát tán quả là khôn lường. Kể từ năm 1954 trở đi, biết bao đại họa xảy đến cho chúng tôi – kể cả chết chóc, ly tán trong gia đình. Ngay cả danh tiếng ông cũng bị suy sụp đáng kể, một phần vì những lời dèm pha, phần nữa là sức mạnh của một guồng máy chính trị đã biến ông từ một danh nhân thành kẻ tội đồ (2).

Trong viện bảo tàng Văn Hóa, nơi dựng lại những danh nhân đất nước, còn bức tượng Hoàng Đạo đứng cao ngạo trong tư thế nghiêng mình xuống, đôi mắt lộ vẻ xót thương những người nông dân nằm ngổ lẫn dưới chân ông. Tựa đề bức tượng nhằm minh họa ý đồ của tác giả: Người Phú Hào và Lữ Dân Quê. Mỗi lần nhìn bức tượng, vì tôi rất hay phải ra vào nhà Văn Hóa, tôi cảm thấy tức giận, gần như là xúc phạm. Xúc phạm thay cho những người dân quê vì bị đặt nằm dưới chân Hoàng Đạo. Tại sao họ không thể đứng ngang hàng trong mắt người nặn tượng? Một bức tượng làm cầu thủ, lệch lạc kích thích. Toàn thể là một ngộ nhận, một cách nhìn phiếm diện, được dựng lên thành biểu tượng. Một việc làm thiếu trách nhiệm với công chúng thường ngoạn, tôi rùn vai nghĩ vậy, ước gì mình có thể lấy búa đập vỡ nó đi.

“Chúng ta phải dựng lại Hoàng Đạo”, tôi bắt đầu nhồi nhét sứ mệnh này vào đầu những người trong nhà. Thoạt đầu ai cũng cho rằng ý kiến này quá táo bạo và quái gở. Vì chẳng mấy người còn lưu giữ ký ức về ông. Mẹ tôi là người duy nhất biết được tính tình của ông, những tính tình không một ai ngờ đến, như sợ máu, sợ giao thiệp, sợ tiếp xúc, sợ nói trước đám đông, sợ tất cả những gì nghiêm trọng. Vả lại, công việc này không dễ, vì phải tìm lại văn bản của ông, những văn bản chưa in thành sách (3).

Để làm việc đó, tôi phải góp nhặt lại từ trong trí nhớ của những người còn sống (và đã bắt đầu già nua – như ông Nguyễn Tường Bách, mẹ tôi, cậu tôi, các chú bác bên ngoài...), những ghi chép còn lại trên giấy của những nhà văn đương thời, những sách vở cũ nát của những nhà phê bình văn học sử. Đáng lẽ tôi còn phải bay qua Paris, New York, ở trong thư viện quốc gia cả tháng trời để soạn và sao chép tài liệu. May thay, nhờ một giảng viên đại học nhận lời chụp, scan, và gửi qua điện thư mà tôi khỏi phải làm một chuyến đi xa như vậy.

Tôi còn dựa vào lời nói của một người đã chết, những lời nói còn ghi lại trên trí nhớ lờ mờ của tôi, về một người chết trước mình. Nhiều người sẽ nghĩ rằng đó là lời của những nhà báo đàn

em (4). Những lời nói ấy kể là đáng tin cậy. Cũng như sau này nhiều người sẽ tin vào lời nói của tôi, khi tôi đã chết đi rồi, vì chẳng còn ai kiểm chứng được.

Tôi bắt đầu vẽ một bản đồ tưởng tượng dựa vào những dấu mốc ngày tháng trong cuộc đời Hoàng Đạo. Một bản đồ bắt đầu từ địa chỉ 18 & 18 bis đường Lý Thái Tổ (tức đường Amiral Courbet) Hà Nội; đến các tòa án rải rác khắp nước An-nam, quay ngược lại tòa báo Phong Hóa, Ngày Nay. Một dấu mốc màu đỏ nổi từ sở Liêm Phóng Hà Nội đến khu an trí Vụ Bản, kéo sang trụ sở bộ Kinh tế thời chính phủ liên hiệp. Một đường vẽ khúc khuỷu vượt biên giới Việt-Hoa dẫn đến Hội nghị Hương Cảng, Côn Minh, Bạch Hạc động, Quảng Châu... Bản đồ kết thúc ở một nhà ga xe lửa, một nghĩa trang thê lương, trên một vùng đất đồng không mông quạnh.

Trên bản đồ ấy, một con đường nối từ số 80 Quan Thánh đến ga Thạch Long được đặt tên là đường Tứ Ly, sau năm 1936 đổi thành đường Hoàng Đạo. Con đường ấy so với các phố cổ Hà Nội thì dài lắm. Cũng dài như khi nối kết toàn bộ những bài báo Hoàng Đạo viết trong mười năm trời (tôi đã tính nhầm được 300,000 dòng chữ in một cột, hay là 4 ngàn cột báo, hay là một cột báo dài 2 cây số). Một trong những con đường dài nhất, trong lịch sử.

Phòng nhì Pháp vừa gửi cho tôi một cái hộp sắt nhỏ, đựng móng tay và móng chân Hoàng Đạo. Một tặng vật bất ngờ. Thì ra sau khi lột móng, họ không vứt đi phi tang mà lại cất trong hộp sắt suốt ba năm tra tấn, và sau đó lưu trữ trong hồ sơ mật suốt sáu mươi năm còn lại. Tôi đọc lướt qua xấp hồ sơ viết bằng tiếng Pháp, giấy đã mòn thành bụi, trang đầu tiên dán tấm hình chụp năm 1941, tóc hớt ngắn đeo số tù trên ngực. Thời đó ông còn là một thanh niên mạnh mẽ rắn rỏi, nhìn tôi bằng ánh mắt lì lợm, môi mím chặt thách đố, đúng phong cách tù chính trị thời thuộc địa. Tất cả những chi tiết ấy khiến tấm hình cực kỳ sống động, mỗi lần nhìn tôi đều kiêng nể dè chừng. Người chụp hình hẳn phải là một tay nhà nghề, chụp được tính cách nguy hiểm và ngạo nghễ, chụp được sự phẫn uất căm lạng của người tù, chụp được cả áp lực của người tù lên người chụp.

Cách trình bày móng trong hộp cũng tựa tựa những vĩ móng bột bầy giờ trong kỹ nghệ "làm neo". Khác với móng tay tuy quánh máu khô đặc màu nâu nhưng vẫn còn nguyên hình dạng; móng chân vênh, dùm dó và sứt mẻ, dưới là những ghi chú ngày tháng khác nhau. Thì ra mỗi lần tra tấn họ chỉ bóc đi một cái móng, một cái thôi. Họ lột từ từ, với tất cả nghệ thuật điêu luyện, nhích từ li từ tí, ngưng lại, rồi lấy dao nạy tiếp, để khuếch đại cái đau và sợ hãi đến cực điểm. Đến cái móng cuối cùng thì cái đau đã được ghi vào ký ức. Một ký ức vĩnh viễn. Đến độ sau này chỉ nhìn, hay nghĩ tới chữ "móng", là cảm giác đau lập tức ủa đến khiến người ấy bật tiếng thét thát thanh. Có người đã hóa điên, không phải vì cái đau tra tấn lúc đó, mà là cái đau tái diễn sau này, liên hồi trong trí nhớ.

Trong cuốn Tự Điển Danh Nhân Văn Hóa do nhà xuất bản Việt Nam ấn hành, Hoàng Đạo mang khuôn mặt người chết nằm trong quan tài: mù mịt, sưng phù, vô hồn và giả tạo, được trang điểm kỹ càng. Những người thực hiện hẳn đã sửa chữa lại từ tấm hình in trong cuốn Bùn Lầy Nước Động ngày xưa (một việc làm phản nghệ thuật). Họ làm sáng trưng một nửa mặt vốn chìm trong bóng tối, vẽ lông mày phải cao hơn bên trái, tô mắt đen kịt như một hồ mực, và đồ màu son đỏ choét lên môi. Tôi không hiểu vì sao người ta không chấp nhận nửa mặt tối kia. Tấm hình đẹp nhờ phần chìm khuất, như một người đang vừa đi vừa trải cái bóng đàng

sau bước chân. Đột nhiên, một lúc nào đó, tất cả những cái bóng được vẽ thêm chi tiết, màu mè, cho đến khi chúng mặc quần áo, có mặt mũi, trở nên giống y người thật. Tôi đã nhìn thấy những hình người hóa hai, một đứng một nằm trên đường phố, như những cặp sinh đôi dính nhau ở chân. Y hết một đoạn phim ma quái tôi đã xem hồi nhỏ.

Đầu tháng 9 thì thư viện quốc gia gửi cho tôi một thùng lớn đầy những bài phóng sự của ông, những tài liệu đăng báo trong thời gian 1935 đến 1940. Trong một lá thư gửi cho người nhận (là tôi), người quản thủ thư viện viết:

“Chúng tôi rất tự hào đã làm tốt công việc bảo quản những bộ óc của danh nhân nước nhà. Về mặt này chúng tôi làm tốt hơn khâu nhà xác bệnh viện. Bệnh viện là nơi chứa thịt và máu. Còn thư viện là nơi lưu trữ óc, một hình thức tồn tại cao hơn hẳn sự tồn tại của hơi thở và sự sống (...)

Việt Nam ta có truyền thống cấy óc như một dạng văn hóa, cũng không cấm đoán việc cấy các phôi thai. Nhưng vì các cuộn não đã nhiễm độc chất cực nặng, tuyệt đối cấm dùng óc này để cấy lên thành óc khác (...) (5)

Trong tương lai, nếu ông/bà cần thêm óc, chúng tôi rất vui lòng nhận thêm đặt hàng...”

“Hàng” đây là một thùng gỗ hình dạng như cái áo quan thu nhỏ, thể tích khoảng một thước khối, in chữ Hàng Việt Nam – Chất Lượng Cao và đóng dấu ĐẤ KIỂM TRA. Tuy rất cảm động vì điều mình mong đợi đã đến kịp thời, tình huống trở nên khôi hài do chuyện bao bì. Nhất là vì nó giống cái áo quan, mà áo quan lại là cách chơi chữ xô xiên của Hoàng Đạo mỗi lần điếu các ông quan (6).

Người ta có thể chạm vào quá khứ, chạm vào lịch sử, chạm vào bí ẩn. Như cách tôi chạm vào những tờ báo (trong thùng gỗ là một linh hồn bị giam giữ đã lâu – hơn nửa thế kỷ, một linh hồn chống đối và đăm mê dữ dội, một linh hồn không chịu khuất phục số mệnh – dù một số mệnh đến sau cái chết).

Cho đến lúc đó, tôi vẫn tin rằng chuyện đi ngược thời gian là khả thi. Cũng như việc xây dựng lại người chết là có thể, để cứu vãn một điều đã xảy ra, và xảy ra sai lầm. Nhưng những điều tìm thấy và đọc được sẽ làm thay đổi suy nghĩ của tôi.

Dẫu sao tôi cũng may mắn tìm được những bài viết chưa hề công bố, chưa được đăng báo, thỉnh thoảng kèm theo ghi chú của ông, viết bằng mực xanh rêu, bút tích sắc và nghiêng, chữ cứng và thoáng. Tôi đã dùng máy scan lại và in ra những trang dưới đây:

Ghi chú của Hoàng Đạo

trang 1

ghi chú 1: Đừng tin rằng đây là lời nói của tôi. Hãy kiểm chứng lại. Cũng đừng tin vào một gia phả bất di dịch, truyền từ đời này sang đời khác, như một xác ướp. Nếu như ký ức gia phả tiếp tục suy giảm, hay biến dạng, thì cũng không phải điều bất hạnh.

ghi chú 2: Người ta nên sống bằng cách đi tới tương lai. Đừng dựng lại một người đã chết.

ghi chú 3: Hãy bỏ quên Hoàng Đạo. Bỏ quên ngay từ trong lòng gia đình. Sự quên lãng sẽ đến vào ngày giỗ mỗi năm, khi trên bàn thờ vẫn còn tấm ảnh chụp năm 30 tuổi, khi trên kệ sách và những nhà sách vẫn còn vài tác phẩm quen thuộc trưng bày. Một cái chết được trưng bày, nói như thế đi. Dù chết là một cách vượt qua giới hạn thân xác, dù chết là một cách kéo dài linh hồn, không cái bóng nào cứ dài ra mãi vào lúc hoàng hôn.

ghi chú 4: Trong suốt thời gian làm báo, Hoàng Đạo đã dựng lên nhiều vụ án. Khi Hoàng Đạo chết rồi, hẳn thiên hạ sẽ đem Hoàng Đạo ra xử án lại. Vì vậy Hoàng Đạo viết sẵn những dòng này, gọi là Hậu Trước Vành Móng Ngựa. Người đời sau sẽ nhớ tới Hoàng Đạo dưới hai thái cực, và cách nhớ sẽ vô cùng phức tạp. Đó là điều Hoàng Đạo muốn.

trang 2 –
bản thảo

Hậu Trước Vành Móng Ngựa Người mắc tội nhìn Xuống

Nhìn lên, nhìn xuống hay nhìn ngang đều có thể là phạm tội. Một người có tội không bởi cách họ nhìn, mà bởi cách người ta nhìn họ. Hoàng Đạo đang bị đưa ra tòa về tội nhìn xuống. Đây là lần đầu tiên người miền Trung và Nam đòi xử Hoàng Đạo (còn ở miền Bắc thì những người cộng sản đã thi hành án tử lâu). Hôm đó ra tòa còn một số nhà văn, cùng độc giả. Gia đình Hoàng Đạo không ai có mặt.

Ông Chánh án – Ông có nhận tội của ông không?

Hoàng Đạo (mặt hầy còn hốc hác vì vừa ở tù ra) – Tội gì?

Ông Chánh án (mĩa mai) – Ông còn khéo vờ... Ông bị buộc vào tội “nhìn xuống”, ông còn chưa biết?

Hoàng Đạo (mỉm cười) – Tôi không hiểu? Nhìn xuống mà là có tội?

Ông Chánh án (cũng mỉm cười) – Chứ còn gì nữa? Ông có nhận đã viết Con Đường Sáng không?

Hoàng Đạo (gật đầu) – Vâng. Tôi viết chung với ông Nhất Linh.

Ông Chánh án (gật gù, ra dáng hiểu biết) – Ông Nhất Linh thì tòa để cho lịch-sử xử (7). Hôm nay tòa chỉ xử ông thôi. Theo nguồn tin của các nhà nghiên cứu thì trong Con Đường Sáng ông lấy tên là Duy, tuy ông trá hình nhưng lừa được thế nào người đọc.

Hoàng Đạo – Nhưng Duy là một nhân vật. Tôi viết tiểu thuyết chứ có viết hồi ký đâu mà tòa bảo Duy chính là tôi.

Thì ra vậy. Nhưng ông Nguyễn Văn Xuân lại không nghĩ vậy, cứ khẳng khẳng Hoàng Đạo đã mắc một tội rất lớn, tội “nhìn xuống” của Duy. Ông Nguyễn Văn Xuân ra khai, cầm trên tay một chồng sách, lẫn bản thảo để làm bằng chứng.

Nguyễn Văn Xuân (giơ tay thề)– Tôi nói có sách mách có chứng, chính ông Vũ Ngọc Phan đã bảo thế, trong quyển Nhà Văn Hiện Đại.

Đoạn ông dở sách ra đọc: “Cái khuynh hướng thương xót người nghèo của Hoàng Đạo vẫn còn là cái khuynh hướng của người phú hào nghiêng mình xuống hạng thấp kém mình.”

Ông Chánh án (nhìn bị cáo, ra vẻ băn khoăn, không hiểu sao thương xót người nghèo mà lại thành ra có tội) – Người ta bảo thế, ông nghĩ thế nào? Câu ấy có đúng không?

Hoàng Đạo – Ông Vũ Ngọc Phan chưa đọc hết những thứ khác tôi viết. Ông ấy tưởng những thứ kia cũng giống hệt Con Đường Sáng. Có nghĩa là tôi đã viết cả ngàn quyển Con Đường Sáng. Rồi ông ấy lấy hành động của nhân vật gán cho tác giả. Nếu phê bình dễ thế thì tôi cũng muốn làm nhà phê bình lắm. Còn tất nhiên truyện tôi viết ra, văn tài hay hay dở thì các nhà phê bình cứ việc phê bình, nếu quả thực họ có tài năng và kiến thức để phê bình.

Ông Chánh án (ché diều) – Ông biện bác giỏi lắm, thảo nào người ta bảo ông là chuyên viên ‘đấu kiếm một lưỡi’ (8). Nhưng có người lại không nghĩ như ông.

Quả vậy. Ông Nguyễn Văn Xuân đang có những ý tưởng rất mới và độc đáo về ông Hoàng Đạo. Ông nhất quyết phải trình tòa và công chúng đi xem.

Nguyễn Văn Xuân (buộc tội) – Ông ấy chính là Duy. Mà Duy là phú hào, là giai cấp bóc lột, là thanh niên tiểu tư sản truy lạc, theo chủ nghĩa cá nhân nông cạn và hời hợt. (chỉ vào Hoàng Đạo) Lòng thương người của ông ấy là giả nhân giả nghĩa. Bao nhiêu sách vở đã minh xác như thế rồi. Tôi còn bằng chứng cả đây.

Ông Chánh án (vui vẻ) – Nếu có bằng chứng thì tốt quá. Ông đưa bằng chứng ấy cho tòa đọc, xem tên sách và tên người viết.

Nguyễn Văn Xuân (đưa cho ông chánh án) – Tất cả đây. Ông sẽ thấy người ta mặt sát Hoàng Đạo, và mặt sát đúng như thế nào.

Ông Chánh án (lắm nhảm đọc) – Từ Phong trào Duy Tân đến Tự Lực Văn Đoàn, Hoàng Đạo và Con Đường Sáng (9). Tác giả là ai? À, Nguyễn Văn Xuân. À, ra tất cả đều là sách của ông. Thảo nào mà ông dùng làm bằng chứng. Thế thì tiện thật. Tiện thì rất tiện. Nhưng khổ nỗi vì bằng chứng bên nguyên cáo đưa ra là do bên nguyên cáo sáng tạo, thành thử bị coi là không đủ giá trị, hay chỉ có giá trị như lời tố cáo.

Vì một lý do không rõ, ông Hoàng Đạo không được quyền có trạng sư, và những nhân chứng của ông Hoàng Đạo hôm ấy đều bị mặt thám bắt đi tù cả, nên tòa bãi, hẹn tuần sau sẽ xử tiếp. Thành thử ông Hoàng Đạo có nhìn xuống hay không, và nhìn xuống nghĩa là gì, nhìn xuống có lỗi thế nào, thì vẫn là bí mật. Muốn hiểu thì phải đọc ông Nguyễn Văn Xuân.

trang 3
Hậu Trước Vành Móng Ngựa
Người Mắc Tội Nhìn Xuống
(tiếp theo)

Tòa xử tiếp vụ án Hoàng Đạo nhìn xuống. Hôm ấy các ông toàn quyền, thống sứ, các ông nghị và các ông chủ tư bản cũng có mặt để kiện Hoàng Đạo về nhiều tội khác. Đúng là họa vô đơn chí. Bị cáo vốn hay mỉa mai châm chích nên bây giờ đang bị luật nhân quả phản hồi. Trong cử tọa hôm ấy, nhiều người xì xào bảo nhau:

- Ai bảo đòi phá đình, ai bảo diễu thần làng, ai bảo dám xem té lể là trò đùa. Thánh vật đấy.
- Ai lại đi diễu nhạo cả Diêm Vương lẫn Khổng Tử bao giờ.
- Lại còn đụng đến động Tân Dân nữa.
- Lại dám phạm thượng các quan lớn nữa.

Ông Chánh án (vẻ hào hứng vì sự có mặt của những nhân vật cực kỳ quan trọng) – Các ông cũng kiện ông Hoàng Đạo về tội nhìn xuống phải không?

Ông Toàn quyền (dõng dạc) – Ông ấy bảo nếu mẫu quốc không giao quyền tự trị lại cho dân An Nam thì nhục cho văn minh nước Pháp. Rồi ông ấy bảo tôi thi hành chế độ mộ phu tức là dung túng chế độ nô lệ trá hình (10).

Ông Thống sứ Châtel (lưỡng lự vì không hiểu tội nhìn xuống là gì) – Tôi không biết ông ta có nhìn xuống không, nhưng cách nhìn của ông ấy khinh người lắm. Ông ấy đòi tôi bỏ thuế thân và các thứ quan thuế khác, tôi bảo còn sớm quá, thế là ông ấy bảo tôi bắt công, bóc lột và bán cùng hóa dân Annam. Dân An Nam quả thật đã bán cùng đến cực điểm, còn làm sao mà bán cùng hơn nữa được.

Ông Toàn quyền Brévié (lại dõng dạc) – Ông ấy xuyên tạc ý tôi. Tôi chỉ nói trình độ và tư cách báo giới ở xứ này còn hèn kém lắm, đó là một sự thật. Thế mà ông ấy dám bảo là tự do ngôn luận dưới quyền tôi thì biến tướng. Dám bảo tôi là vật lỏng cất cánh con chim tự do (11).

Vừa nói ông vừa nhún vai, như thể chuyện cất lông chim là cực kỳ vô nhân đạo. Việc gán hành vi ấy cho ông là một sự xúc phạm không thể nào tha thứ.

Một tiên cáo nữa là chủ mỏ than, một người Pháp béo tốt, tướng mạo phương phi, đúng tác phong của một nhà đại tư bản. Trông mặt mà bắt hình dong thì ông không phải người xấu bụng. Ông bị Hoàng Đạo vu oan, ông đâu có thiếu lương tâm như thế:

“Tôi không trả tiền tai nạn lao động vì các công nhân họ mưu mô lắm. Họ tự chặt tay chặt chân để đòi lãnh tiền bồi thường (12). Nhưng tôi không nói họ rủ nhau tự sát để lãnh tiền làm ma (13). Đây là ông ấy vu cáo cho tôi.”

Hoàng Đạo (giọng diễu cợt) – Thì chỉ có cách tự sát họ mới hưởng được tiền của họ. Không tiêu được ở dương trần thì tiêu ở âm phủ vậy.

Ông Chánh án (nhìn bị cáo) – Thế nào, ông có nhận các tội vừa kể không?

Hoàng Đạo – Tôi có viết bài đả kích thật, nhưng không phải công kích cá nhân. Tôi chỉ công kích việc làm của các ông ấy thôi. Cũng như phê bình các ông nghị hay quan trường hay các đồng nghiệp, mục đích là để cho tiến bộ, không phải để đim người. Tôi giữ lễ độ của người có giáo dục, mai mỉa sâu sắc đến đâu cũng vẫn có thể ở trong sự lễ phép được (14).

Các ông nghị (đứng cả dậy, nhao nhao phản đối) – Ông ấy chỉ cãi lấy được, không có số báo nào mà ông ấy không chế diễu chúng tôi, bảo chúng tôi chỉ biết gặt, chết xuống âm phủ vẫn gặt, không đại diện cho dân, không phải là dân biểu.

Ông Chánh án (đùa)– Quái, các ông không phải dân biểu thì còn ai làm dân biểu được nữa. Việc gì mà phải tức?

Một ông nghị – Nhưng ông ấy bảo chúng tôi là chính phủ biểu ạ.

Cử tọa cười rộ lên, đến ông chánh án cũng phải nhếch mép một cách kín đáo.

Ông Chánh án (nhìn bị can, lấy giọng nghiêm khắc) – Ông có biết nhạo báng người khác là phạm tội nhìn xuống không? Ông đã phạm tội nhìn xuống với các ông Nghị viên, ông Thống sứ, ông Toàn quyền. Đó là một điều bất kính. Ông chỉ được quyền nhìn xuống với những hạng người thấp kém hơn ông thôi. Như nông dân, như thợ thuyền, như phu đồn điền chẳng hạn.

Hoàng Đạo (cổ cãi) – Nhưng tôi có nhìn xuống đâu? Tôi chỉ dùng tự do ngôn luận để chất vấn chính quyền. Tôi chỉ tìm cách bênh vực những người khốn khổ.

Ông Chánh án (gằn giọng) –Thế là ông nhìn xuống rồi! Nhìn xuống có nhiều cách lắm ông không biết à? Mà ông có nhìn xuống hay không cũng không quan trọng. Cái quan trọng là người ta bảo người ta nhìn thấy ông nhìn xuống.

Vụ án nhìn xuống lại phải hẹn đến tuần sau, vì có nhiều người đòi ra làm chứng tiếp cho Hoàng Đạo. Người ta cũng biết những vụ án như thế xử rất lâu, có thể kéo dài hàng thế kỷ. Nhiều khi đã xử xong rồi, lại phải đem ra xử lại. Những vụ án làm hao tốn nhiều giấy mực, nguyên tắc, lý lẽ và nước bọt. Cũng có người bảo đó là cách tốt nhất để trở nên bất diệt.

trang 4

Hậu Trước Vành Móng Ngựa Người Mắc Tội Nhìn Xuống

(tiếp theo)

Hôm ấy bị can trông mệt mỏi và già hẳn, mới có vài tuần mà già đi cả hàng chục tuổi. Má hóp, râu để lờm chờm, thần sắc suy nhược rõ rệt. Nghe nói bị can mới bị choáng váng rồi ngất đi vì bệnh tim. Bị can đã bị ngất đi bốn lần cả thầy, một lần ở tòa báo, một lần lúc tra tấn, một lần lúc đứng mặc niệm với chính phủ liên hiệp, một lần nữa trên toa xe lửa tốc hành ngang trấn Thạch Long. Tất cả những lần ngất đi ấy đều đứng vào giờ Hoàng Đạo.

Ông Chánh án – Thế nào, hôm nay ông đã khỏi hẳn chưa? Và ông có nhận tội nhìn xuống không?(phản nản) Khổ quá, biết đến bao giờ tôi mới thôi phải hỏi ông câu ấy?

Hoàng Đạo (bám vào thành móng ngựa vì chóng mặt) – Tôi không nhìn xuống. (thành thực) Vì mệttim mà nhìn xuống để bị chóng mặt lắm. Tôi thích nhìn thẳng hơn. Với ai cũng thế, với vua, với ông toàn quyền, với triệu phú hay với dân què. Tòa nên phạt tôi về tội nhìn thẳng thì hơn. Tôi sẽ đưa bằng chứng để cho toà đỡ mất thì giờ.

Ông Chánh án (bình phẩm) – Ông có tật hay nói mĩa, tật ấy đã gây cho ông vô số kẻ thù mà ông còn bền được. Vụ án này cũng do chính ông gây ra cả. Gọi nhân chứng ra đây.

Một nhân chứng quan trọng hôm ấy là ông Vu Gia, một nhà văn, nhà báo và nhà biên khảo. Một người có tấm lòng và nổi tiếng công tâm. Để ra làm chứng, ông đã phải soạn nhiều cuốn sách công phu, lại phải đọc hơn mười năm báo Phong Hóa và Ngày Nay cộng lại.

Vu Gia (giơ tay thề) – Tôi đã nói rồi và tôi phải nói lại: báo Ngày Nay vào cuộc đấu tranh với chính quyền để dành cơm áo cho dân cày, họ có tấm lòng với những người cùng khổ, chứ không phải họ đóng vai “những nhân cách cao thượng nghiêng mình xuống lũ dân quê đói khổ đáng thương” như nhiều người nói. (15)

Ông Chánh án (châm biếm) – Ông có bằng chứng gì không? Xin ông đừng mang chính sách ông viết ra làm bằng chứng như ông Nguyễn Văn Xuân nhé.

Vu Gia (nghiêm nghị) – Thưa ông, tôi có mang theo những chứng cứ lịch sử để giúp cho vụ án được công bằng.

Ông đem trình tòa một thùng gỗ nhỏ hình dáng tựa tựa cái áo quan. Trên thùng có in triện Hàng Việt Nam – Chất Lượng Cao và đóng dấu ĐÃ KIỂM TRA. Theo lời ông thì tất cả óc của Hoàng Đạo nằm trong ấy. Ông Chánh án mở thùng nhón lấy một quyển ở trên cùng, quyển Bùn lầy Nước Động.

Vu Gia (vẻ đồng dục tự tin) – Thưa ông, tôi nghĩ điều cần thiết để xử Hoàng Đạo cho công minh là phải đọc hết những gì Hoàng Đạo viết. Mà để đọc hết những chữ trong cái thùng này phải mất ít ra là một tháng. Mong tòa để đến tháng sau hãy xử.

Nhưng ông Chánh án cố nhiên là không muốn đọc. Ông chỉ liếc qua các chương sách, rồi tùm tùm cười thú vị như đã tìm ra chân lý:

“Bằng chứng đây rồi. Ông là trí thức thành thị mà lại đi viết về tệ nạn thôn quê. Chẳng nhìn xuống thì còn là gì nữa? Tang chứng rành rành chối làm sao được? Ai bảo ông bênh vực họ, tìm cách cứu vớt họ, rồi lại còn đòi ‘giáo dục họ đến ánh sáng của sự văn minh nữa’ (gần giọng). Bút sa gà chết. Tôi nói thật: chỉ riêng cái tựa sách Bùn Lầy Nước Động cũng đủ kết tội ông rồi.

Đoạn ông gấp sách lại, quẳng vào thùng:

“Tôi có lời thành thực khuyên ông, nếu có viết thì tránh đừng đá động gì đến dân quê nữa. Nguy hiểm lắm. Chính trị cả đấy.

Rồi với giọng ôn tồn pha lẫn thương lại, ông Chánh án an ủi bị can rằng nhìn xuống là tội mà cũng không hẳn tội. Tùy người, tùy lúc, lại tùy thời nữa. Thôi thì ông Hoàng Đạo cứ kiên nhẫn chờ đợi, sẽ có lúc được xử lại. Mười năm, hai mươi năm, năm mươi năm nữa biết đâu. Còn nếu chẳng may ông Hoàng Đạo chết vì bệnh tim thì đành chịu. Bản án ấy sẽ là chung cuộc, một bản án đời đời.

Vì ai cho người chết cái quyền được nói?

trang 5

ghi chú 5: Không ai muốn đời đời đứng trước vành móng ngựa.

(...)

ghi chú cuối cùng: Người chết không có quyền chọn tư thế để quay lại cuộc đời. Đó là đặc quyền của người sống trên người đã chết.

Thời gian đọc tất cả chữ trong cái thùng gỗ ấy, tính ra là hơn một tháng, đúng như lời ông tiên đoán về một tương lai sau cái chết của ông.

Lại sắp đến ngày giỗ, trời u ám và tôi không có đủ thời gian để làm công việc dựng lại người đã chết. Không bao giờ đủ thời gian để đi ngược về quá khứ, vì quá khứ mệnh mỏng quá. Tôi buồn bã như thể đánh mất một điều quý giá, đồng thời nhẹ nhõm như thoát khỏi gánh nặng. Và lại ông đã dặn đừng dựng lại làm gì. Có lẽ ông sợ cách dựng lại của tôi sẽ biến ông thành một hình dung quái dị: một người cùi cả móng tay lẫn móng chân, thỉnh thoảng lại ngất đi vì tim đập chậm. Một người nửa mặt tối đen như phim âm bản. Một người chưa rõ hình dạng. Một người với bộ óc phát tán, thất lạc, nằm trong những nghĩa địa bị khai quật vô tội vạ, những lịch sử được viết lại một chiều dưới cách đọc của người không muốn đọc.

Chúng tôi vẫn chơi trò đưa đám vào ngày giỗ của ông. Một ngày giỗ lớn trong họ, nhà đầy người, và những người lớn đều bận rộn, để mặc trẻ con muốn làm gì thì làm. Chúng tôi lúc đó từ 5 đến 11 tuổi, luôn luôn cãi vã tranh giành nhau quả trứng cúng trên bàn thờ. Trong lúc người lớn ăn cỗ và chuyện trò thù tạc, chúng tôi rủ nhau ra vườn làm đám ma, đắp mộ và khóc than thảm thiết. Đứa nào khóc lâu nhất sẽ thắng cuộc và được ăn trứng luộc. Bên cái huyết (giả) ngoài vườn, có một bông hoa vạn thọ, một ít trái cây, một chai nước ngọt, và tất nhiên quả trứng luộc mang từ bàn thờ xuống.

Đến lúc làm lễ thì chúng tôi khựng lại. Nên chọn nghi lễ nào cho ông? Chúng tôi không biết nên theo đạo gì, đạo Phật hay đạo Chúa, đạo Khổng hay đạo Hồi? Vì con người hay phải bám vào một thứ tôn giáo để thực hiện niềm tin; chúng tôi nhân danh tất cả mọi tôn giáo, mọi thượng đế để cầu nguyện cho ông được mồ yên mã đẹp. Có một lần tôi khóc rất lâu, khóc mãi trong khi những đối thủ đã bỏ cuộc. Không hiểu chính tôi làm tôi khóc hay ông đã linh thiêng xui khiến. Nhưng tất nhiên một đám tang rất cần có nước mắt, nên tôi khóc trong một nỗi buồn dễ chịu. Không bao giờ tôi quên được lần khóc đó (ước gì những lần khóc trong đời đều như thế).

Sau khi làm lễ, chúng tôi xây mộ cho ông, thay thế cho cái mộ bên Tàu đã bị phá hủy. Mộ chỉ là một cái hộp giấy trong đựng mấy quyển sách. Nhưng có mộ vẫn hơn không. Đối với những đứa bé, đây mới chính là mộ thực, đục chạm được bằng tay và xây dựng bằng chất liệu rất dư thừa: tưởng tượng. Mộ này giá trị hơn những xương cốt mục rã, hơn những bia đá cẩm thạch, hơn những long mạch đế vương. Mộ này là óc, là tinh thần, là linh hồn còn sót lại và còn tươi sống. Chúng tôi xây mộ với hy vọng óc ấy không bị hủy hoại, óc ấy sẽ được cấy lên trong những óc khác, những óc chưa suy tàn, óc của chúng tôi, chẳng hạn.

Bia mộ viết bằng chữ gì, một đứa hỏi. Chữ Tàu nhé, như mộ ông Nhất Linh ở Hội An, như những mộ theo truyền thống Nguyễn Tường ở Cẩm Giàng, cho đồng bộ và tiện việc. Nhưng chúng tôi không biết viết chữ Nho. Vì ông đã chủ trương theo mới, nên mộ của ông cũng nên hoàn toàn theo mới. Không chút do dự (16), chúng tôi viết nguệch ngoạc những dòng quốc ngữ như sau:

mộ của ông
nhà báo – nhà văn
sinh năm 19XX – chết năm 19YY

Một nắm mồ sơ sài, nhưng bao la, không giới hạn thời gian. Những đứa bé không nhớ năm chết và năm sinh của người trong mộ. Chẳng để làm gì. Đẳng nào người ấy cũng chết rồi, và sẽ còn chết mãi, vào ngày giỗ.

(viết xong năm 2005 – sửa chữa lại 2008, để tưởng niệm 60 năm ngày Hoàng Đạo qua đời)

Chú thích

1 Mộ xây lại khang trang năm 1949 khi vợ Nguyễn Thị Nhã và con gái lớn Nguyễn Minh Thu sang Tàu. Sau này khi cộng sản Trung Quốc thực thi các phong trào ruộng đất họ đã san bằng nghĩa trang, đào xới và trộn tung các hài cốt trong huyết mộ.

2 Ở miền Nam tuy 2 tác phẩm của ông được đưa vào chương trình giảng dạy của bộ giáo dục, khối lượng đồ sộ những bài phóng sự và những bản thảo quan trọng đã bị thất lạc vì chiến tranh, do đó nhà phê bình Nguyễn Văn Xuân chỉ biết đến ông qua cuốn Con Đường Sáng và Mười Điều Tâm Niệm như kiến thức phổ thông bất cứ học sinh trung học nào. Ở miền Bắc trong suốt nửa thế kỷ ông là người chủ xướng văn chương lãng mạn, đòi trụ và phản động.

3 Nguyễn Văn Xuân đã nhầm lẫn khi nói: “Hoàng Đạo đâu có dám góp hết tất cả các bài báo của ông để in thành sách mà phổ biến.” Mười Điều Tâm Niệm, Trước Vành Móng Ngựa, Bùn Lầy Nước Động đều là tập hợp bài viết từ báo. Năm 1938 cuốn Bùn Lầy Nước Động vừa xuất bản đã bị cấm phát hành. Năm 1940 Ngày nay bị đình bản, Hoàng Đạo bị Pháp bắt và đày đi Vụ Bản. Năm 1943 Hoàng Đạo bị quản thúc tại Hà Nội. Sau đó, do hoạt động cách mạng, do chiến tranh và kiểm duyệt, loạt bài Thuộc Địa Ký Ước, Vấn Đề Cần Lao và Công Dân Giáo Dục không có điều kiện để xuất bản. Hoàng Đạo mất sớm năm 1948, lúc đó mới 41 tuổi, nếu không chắc ông cũng chẳng sợ gì mà không dám.

4 Ông Như Phong vẫn được gọi là nhà báo của các nhà báo. Khi còn sống ông tự nhận là nhà báo đàn em của Hoàng Đạo. Ông Như Phong đã bỏ ra một phần lớn cuộc đời để thu thập tài liệu về Hoàng Đạo, phần đời ấy đã trở nên hoang phí nếu không muốn nói là vô ích, vì tất cả những gì ông thu thập đã không còn nữa sau cái chết của ông (Như Phong).

5 Ốc chứa độc chất châm biếm cực nặng, bắn vào ai sẽ bị họ thù cho đến chết (đến bây giờ họ đã chết hết rồi). Dưới kính hiển vi, các nơ-ron não tai quái có cấu trúc như hai chữ Tứ-Ly viết xoắn vào nhau.

6 Áo quan, chữ Hoàng Đạo dùng để đùa các quan lớn. Trên Ngày nay số 64, mục tranh cười với tựa đề Đồng Nghiệp:

-Ông làm nghề gì?

-Tôi may áo quan, còn ông?

-Tôi đóng áo quan.

7 Thư tuyệt mệnh của Nhất Linh, viết ngày 7 tháng 7 năm 1963 trước khi tự tử.

8 Một cách nói của Hoàng Đạo để chỉ việc tranh luận hay bút chiến, cũng để điều động Tân Dân hay in sách kiếm hiệp, là loại sách Hoàng Đạo cũng rất mê đọc.

9 Tựa đề hai bài viết của Nguyễn Văn Xuân, trên Văn số tưởng niệm Hoàng Đạo, số 107&108, ngày 15/6/1968.

10 Theo Vấn Đề Cần Lao và Vấn Đề Cần Lao ở Đông Dương của Hoàng Đạo, một loạt bài đăng trên Ngày Nay, từ số 127 đến số 159

11 Theo Tự Do Nghiệp Đoàn của Hoàng Đạo – Ngày Nay số 68, năm 1937 – Mục Từng Tuần Lễ Một

12 Theo Nạn Lao Động của Hoàng Đạo, trong mục Từng Tuần Lễ Một, Ngày Nay số 42, ngày 10/1/1937

13 Như trên

14 Theo Làm Báo của Hoàng Đạo – Ngày Nay số 91, năm 1937 – Mục Người và Việc

15 trích từ cuốn Hoàng Đạo – Nhà Báo – Nhà Văn, trang 110 – Tác giả Vu Gia

16 Trong Mười Điều Tâm Niệm của Hoàng Đạo, điều tâm niệm thứ nhất là:
“Theo mới, hoàn toàn theo mới, không chút do dự.”

Hoa thủy tiên

Vân ngồi yên để sự bình tĩnh thấm vào người. Điều thuốc lá hút dở để trên đĩa sứ bốc khói lên thành một vệt xanh lam sẽ rung động lên cao dần và lặng lẽ quyện lấy bóng đèn sáng.

Trước mặt chàng, khói hương nghi ngút trên bàn thờ lộng lẫy. Những chữ vàng của hai vế câu đối hai bên nổi bật trên nền sơn đen. Qua chiếc màn the hồng, Vân đưa mắt nhìn chiếc đỉnh đồng ám khói, chiếc ngai màu đỏ ối, mấy cây đèn nến cổ, và hai lọ sứ cắm hai cành đào, hoa đỏ thắm như môi người.

Rồi mắt chàng lại dịu dàng lưu luyến mấy bát thủy tiên, rễ trắng muốt, lá xanh dài đương ủ lấy đám nụ non còn hàm tiếu. Những củ thủy tiên ấy, Vân tự tay đã gọt, tĩa, chăm chút ngót một tháng trời, và hôm nay chính là ngày chàng mong được hưởng kết quả công trình của chàng. Những bông hoa hàm tiếu kia như đương đợi tay người tri âm đến vuốt mới nở. Vân khao khát nhìn, mong mỗi chờ đợi hoa nở đúng giữa lúc pháo giao thừa bắt đầu nổ vang khắp nơi.

Vân là người rất yêu hoa thủy tiên. Năm nào cũng vậy, cứ đến cuối tháng một là chàng không quên mua thủy tiên về để chật cả phòng ngủ. Từ đó, chàng quên bỏ hết mọi việc, chỉ chăm chăm săn sóc đến thủy tiên. Chàng chọn những củ mập mập và nhiều giò để tự tay gọt lấy rồi ngày ngày, chàng dậy thật sớm tĩa và rửa thủy tiên, tuy nước lạnh làm cóng cả mười đầu ngón tay. Đến hôm mừng một tết, Vân đếm từng bông hoa nở, và năm nào thủy tiên nở nhiều và đều thì không còn tìm đâu thấy một người sung sướng bằng chàng.

Bạn Vân thường bảo Vân yêu hoa như mê gái, và Vân nhớ đến lại mỉm cười một mình. Chàng âu yếm nhìn nụ thủy tiên sắp nở như muốn bảo khẽ:

- Các em lát nữa cười với anh đi.

Chàng thấy trong lòng một mối yêu đầm ấm và nhẹ nhàng; chàng cúi đặt chiếc hôn nhẹ lên một nụ thủy tiên ở bên cạnh chàng, trong một cái bát sứ cổ và bỗng cảm thấy thương cái mong manh của hoa, yêu cái thơm ngát của hoa. Những đóa sắp nở kia, Vân nghĩ thầm, mỗi năm lại đột nhập vào đời chàng một lần, đem đến cho chàng một thứ hương vị xa lạ và mong manh.

Vân ngồi yên lặng nghe thời gian trôi từng giây chậm chậm trong lòng và nghĩ thầm rằng giây phút sắp tới, giây phút đưa vạn vật sang năm mới mà lòng chàng đương nao nức mong mỏi, cũng mong manh như những đóa thủy tiên mong manh. Tuy vậy Vân vẫn cảm thấy cả tâm hồn chàng và mọi vật chung quanh, trong sự bình tĩnh hư ảo của đêm khuya, đương nghe ngóng đợi chờ giây phút thần tiên ấy. Lúc đó, hoa thủy tiên của chàng sẽ nở đầy và một sự gì đẹp đẽ và khác thường sẽ xảy đến để tan đi trong khoảnh khắc.

Vân cúi xuống nhìn bát thủy tiên và thấy hơi mệt; tay đỡ má, chàng ngồi dựa vào thành ghế, lòng êm ấm và khinh khoái lạ lùng.

Bỗng có tiếng chó sủa ở xa. Vân giật mình chợt nhớ lời của Dung, bạn chàng, dặn chàng giao thừa đến xông nhà. Vân liền khoác áo toại mở cửa bước ra.

Gió lạnh làm Vân rùng mình; chàng khép tà áo lại rồi lần theo mấy dãy phố vắng tanh đi thẳng đến nhà Dung. Bước vào cái cổng để ngỏ then, Vân không thấy hai chậu hoàng lan để hai bên ngõ mà chàng thường đứng xem. Hơi lầy lẫm, chàng định thần nhìn kỹ lại cảnh vật chung quanh và giật mình lắm bả:

- Có lẽ ta lầm. Không phải nhà Dung.

Nhưng nhìn con đường sỏi chàng đang đứng chàng chợt nhớ ra rằng đã qua đây nhiều lần rồi. Chàng ngừng đầu lên nhìn qua mấy cây tường vi lá lẩn tẩn, thấy một tòa nhà trắng in bóng xuống một cái ao bán nguyệt, lung linh như thực như hư. Vân sực nhớ rằng xưa kia chàng đã từng vin cành tường vi, hái hoa rồi tắm mát ở dưới ao nước trong, liền bước lên thềm. Qua một dãy lan can bằng sứ, chàng vừa định gõ cửa vào thì cánh cửa từ từ mở ra. Vân cũng không lấy thể làm lạ, bước vào gian phòng, ung dung ngồi xuống ghế, cầm hộp thuốc lá để trên bàn, lấy một điếu ra hút như chàng quen làm như vậy đã lâu.

Trong gian phòng, đồ bày biện đơn giản, đều một sắc xanh mà tịnh không có một ai, chỉ thoảng thoảng một mùi hương thơm mát. Vân ngồi hút thuốc thấy tâm thể nhẹ nhàng như làn khói, cố định trí nhớ xem mình ở đâu nhưng không nhớ ra được, chàng chỉ mang máng rằng cái gian phòng này chàng đã thấy một lần mà những việc xảy ra chàng cũng đã trải qua một lần. Vân nhìn bức tranh treo trên tường vẽ một nàng tiên thối sáo, hai con hươu giỡn chung quanh; chàng càng nhìn càng nhận ra rằng bức tranh ấy chàng đã một lần xem qua. Chàng không hiểu ra sao, quay lại phía cửa sổ bỗng trông thấy bát thủy tiên còn hàm tiếu để bên cạnh. Cái bát ấy bằng sứ sắc trong xanh, mới thoạt thấy chàng đã đoán chắc rằng bát có vẽ nàng Thôi Oanh Oanh đứng với Trương Quân Thụy, và mấy hoa thủy tiên kia chàng đoán chắc rằng đồng hồ đồng hồ mười hai tiếng là nở đều ra một lúc.

Chàng đương nghĩ mơ màng, tâm trí như phiêu lưu vào một thế giới khác, một thế giới chàng đã ở vào một kiếp trước nhưng bây giờ không nhận rõ được nữa. Bỗng trong khoảng đêm vắng đồng hồ ở đâu buông mười hai tiếng. Tiếng chuông lanh lảnh làm cho chàng nhớ lại rằng cái rèm treo ở cửa sổ kia sẽ từ từ cuộn lên. Chàng trấn định lại tâm thần, tự nhủ rằng việc đó không thể xảy ra được...

Chuông vừa dứt tiếng. Vân bỗng giật mình. Cái rèm treo từ từ cuộn lên, rồi... rồi trong khung cửa, chàng choáng váng cả người đứng dậy nhìn... nhìn một người con gái tuyệt sắc, trông chàng mỉm miệng cười. Vân băng khuâng như lạc loài vào động tiên, nhưng cái khuôn mặt trái soan, cặp môi thắm của giai nhân, chàng trông quen, quen lắm, và hai con mắt biếc như nước thu trông hình như hữu tình với chàng đã từ thuở xưa.

Vân đương ngần ngừ, nửa nhận ra người quen, nửa ngờ là giấc mộng thì người con gái đã bước vào trong phòng. Cô vận chiếc áo xanh màu lá mạ để lộ hai bàn tay trắng muốt, cổ quấn một cái khăn màu vàng để thống xuống hai vai. Cô trông chàng mỉm cười nói:

- Chàng sao đến chậm thế. Chúng em đợi đã lâu rồi.

Câu nói dứt, Vân vẫn còn nghe vang réo rất trong lòng chàng một điệu nhạc. Chàng đương ngần ngừ, cô đã nói tiếp:

- Chàng ngồi chơi xơi nước.

Ngay lúc đó cửa phòng sẽ hé mở và một con thị tí cũng mặc áo sắc xanh bước vào đưa cho cô con gái khay nước. Cô tiếp lấy rồi hai tay nâng chén khoan thai bước lại trước mặt Vân.

Vân cầm lấy chén nước thấy thoang thoảng mùi hương lạ. Chàng uống xong, trong mình khoan khoái.

Một lúc, cô con gái bỗng thưa:

- Chúng em đây mười hai người, nhưng lúc này chưa trang điểm xong. Nếu chàng có lòng yêu, em xin cho ra chào.

Lời nói chưa dứt, rèm châu đã thấy cuộn lên, rồi trong gian phòng nhỏ hương thơm sực nức, Vân thấy hơn mười người con gái đều vận áo xanh quàng khăn vàng, trông rất lộng lẫy, hoa lệ. Chàng như ngây như dại.

Chàng ngồi nói chuyện một lúc lâu, những chuyện gì chàng không nhớ rõ, song rất đắm thắm mặn mà. Bỗng một cô hốt hoảng nói:

- Khuya rồi các chị ạ.

Nói xong, các cô con gái đều cắt một mảnh khăn vàng đưa cho Vân để từ biệt. Vân đứng dậy muốn cáo từ mà lòng còn vương vấn.

Chợt một cơn gió lạnh thổi qua. Trong chớp mắt mấy cô con gái đấm lá xanh, mấy bông hoa nở trắng. Chàng lại gần nhìn thấy nở chẵn mười hai bông, nhị vàng như còn nét cắt, chỉ có một nụ con vẫn bao bọc trong đài xanh. biển đầu mắt, và Vân thấy mình vẫn đứng trong nhà mình, tựa bên cửa sổ. Chàng chỉ còn ngửi được thoang thoảng mùi hương và trông lên bát thủy tiên, mấy nét vẽ nàng Oanh Oanh còn đậm nhạt trong bóng tối.

Lịch sử nhìn từ âm bản
Đặng Thơ Thơ



Hàng năm cứ vào tháng tư, lúc cơn gió Hạ Lào khắc nghiệt xoáy về thành phố, những đám mây màu da cam lại bắt đầu phát sáng trên không, ký ức của tôi lại bùng sống dậy với những hình ảnh của một cuộc chiến không thể nào tàn. [1]

30 tháng 4 năm 1975 là ngày miền Nam tiếp thu miền Bắc. Xe tăng Việt Nam Cộng Hòa đi từ năm cửa ô tiến vào đường Thanh Niên. Dân chúng đứng hai bên đường cầm cờ vàng ba sọc đỏ vẫy chào. Gió lùa lên từ hai phía hồ Tây và hồ Trúc Bạch phe phẩy những giải khăn tang trắng cột trước nòng đại bác. Những người lính thuộc nhiều binh chủng đều bị trọng thương, nhưng họ vẫn đứng nghiêm trong tư thế trình diện nhân dân Hà Nội. Xe tăng đi ngang Văn Miếu, vòng quanh chùa Một Cột rồi chuyển hướng tiến về phía quảng trường Ba Đình. Buổi trưa, tiếng xích sắt chiến xa nghiêng rất bỗng trên mặt đường tráng nhựa.

Cả thế giới bàng hoàng chứng kiến lịch sử trên những màn ảnh TV đen trắng. Ngày tàn của cuộc chiến. Cộng sản đã quy hàng. Nước Mỹ ngạc nhiên đến căm lạng và Kissinger buột mồm chửi Fuck! Tiếng chửi đã được đài BBC thu lại, được cả tỷ lỗ tai loài người thu lại. Sau này ông ta đã viết khá nhiều cuốn sách để bôi xóa nó đi.

Ký ức của một người bị bắn vào đầu sẽ có nhiều sai lệch.

Những gì tôi nhớ được đến ngày hôm nay, là do tôi cất giữ ở trong đầu. Nếu họ đập đầu tôi lúc đó, họ sẽ nhìn thấy...

Xe tăng tiến từ từ đến quảng trường Ba Đình trong tiếng hô hào vang dội, rồi quay về phía lăng Hồ Chí Minh. Nhưng xe tăng không ủi xập tường, không phá hủy lăng như người ta tưởng. Quân đội miền Nam giữ đúng tư cách, họ giải giới vũ khí trong tinh thần nhân bản. Xe tăng ngừng giữa những hàng cây. Gió tháng tư hiu hiu ngọt mùi hoa sữa. Những ủy viên trung ương đảng cộng sản đang đứng dưới cột cờ. Họ đã bỏ quần áo đại cán thay trang phục thường dân. Họ gỡ lá cờ đỏ sao vàng xuống. Những người lính miền Nam lặng lẽ làm nhân chứng. Cuộc hạ kỳ nào cũng làm chúng ta bụi ngùi, dù lá cờ thuộc về phe nghịch. Đây là lúc gấp lại quá khứ để mở ra tương lai, như thể quá khứ chỉ là một mảnh vải hình chữ nhật, một mảnh vải che vừa vắn chiếc quan tài.

Đầu những người lính miền Nam vẫn còn quấn băng che lỗ đạn bắn vào màng tang hôm trước. Dáng họ lão đảo. Có thể thấy máu vẫn còn chảy bên dưới mớ tóc dính bết trán, bên dưới thái dương...

Ký ức tôi rất nhạy với mùi máu. Máu vẫn còn rỉ trong đất dù những xác chết đã ngưng thở. Chính cái xác người vẫn còn nằm đó, đại tá Đặng Sĩ Vinh và vợ con, mỗi người một viên đạn ghim giữa sọ. Những lá cờ vàng ba sọc đỏ đang che phủ thi thể và họ trở thành biểu tượng bình lặng nhất của cuộc chiến.[2] Nhưng mùi máu vẫn đi xuyên qua vải, xộc lên mũi, lạnh óc. Mà máu đâu chỉ là máu thôi? Máu còn là nước rửa tội. Có những tội lỗi chỉ rửa sạch được bằng máu này. Sự phản bội chẳng hạn. Cho nên chúng tôi cần nhiều máu lắm, để lau chùi sự phản bội

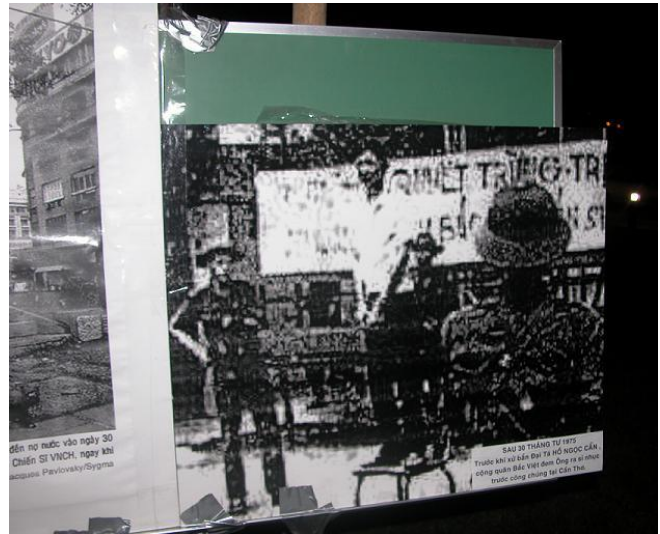
của một tập thể, của những hiệp ước, của trước và sau chiến tranh, của một vị tướng ngang tàng đến đưa con cầu tự[3]. Sự phản bội không thuộc riêng ai, nó như thuộc tính của con người.

Vậy là cuộc giải giới đã hoàn thành trong tình huynh đệ. Họ đã bắt tay nhau. Người chiến thắng đã đưa tay ra trước. Tám hình người bộ đội và lính biệt động đứng cạnh nhau đã xuất hiện trên trang nhất của các nhật báo toàn cầu. Báo Times còn tiết lộ họ chính là anh em ruột (nguồn tin lấy từ tờ Chính Luận – Sài Gòn).

Trong buổi lễ bàn giao ở trụ sở Trung ương Đảng Hà Nội, người chiến thắng đã nói:

“Trong chiến tranh, chúng ta dù theo đuổi những lý tưởng khác nhau, đều đã hành xử như những người lính can trường. Nỗ lực này cần phải được ghi nhận từ mọi phía. Con cháu chúng ta khi học lịch sử Việt Nam sẽ không khen người thắng không chê kẻ bại, nhưng sẽ ghi nhận sự can trường hay hèn nhất của những người tham chiến [4].

Các anh yên tâm. Chúng tôi sẽ không bắt giam những người cách mạng. Bộ đội không phải đi học tập cải tạo, không phải lao động khổ sai. Ngay cả đảng viên cũng vậy. Chúng tôi sẽ không xử tử chủ tịch nước, không đấu tố tổng bí thư, không chôn sống bộ chính trị. Những nhà tù sẽ phải phá đi. Ba mươi năm qua chúng ta đã chơi một trò chơi điên rồ, và cảm ơn Trời Phật, trò chơi đã chấm dứt.”



Ký ức tôi vẫn chơi trò nhìn từ âm bản, nhìn bóng tối thành ánh sáng, nhìn trắng thành đen, nhìn cỏ xanh thấy ra máu đỏ.

Tôi đang xoay chiều lịch sử trong thế giới của riêng mình, lịch sử của những người đã chết. Đó là một lịch sử rất hiền, hiền như bài luận văn ngày khai trường của tuổi thơ Nam bộ. Bài luận văn được nắn nót viết bằng mực tím.

Nhưng lịch sử không viết bằng mực tím.

Dưới chân tượng người lính Thủy Quân Lục Chiến, những giọt máu cuối cùng của Nguyễn Văn Long đang trút xuống để viết lên lịch sử. Máu tuôn ồng ộc trên những bậc thang. Máu rút qua khe cỏ thắm giữa lòng đá, máu trở về đất và nằm mãi nơi đó. Pho tượng lính đã bị kéo xập. Gạch vụn đổ lên xác người thiếu tá. Mỗi người có cách viết lịch sử riêng của họ. Người ta đã bôi xóa nhiều thứ khỏi thực tại nhưng vẫn còn ký ức là vùng bất khả xâm phạm. Bạn tôi Hồ Ngọc Cẩn đang đứng giữa phiên tòa công cộng. Anh đã dùng đến viên đạn cuối cùng. Đến phiên những người công an chia súng và bạn tôi trở thành tên phản động, thành tay sai đế quốc, thành kẻ phản bội nhân dân. Bản án của họ vội vã, lấp liếm, trá ngụy. Họ xử tử ngay giữa chợ. Hồ Ngọc Cẩn nói: “Cho tôi mặc quân phục miền Nam, cho tôi chào lá quốc kỳ lần chót, rồi hãy bắn tôi.”

Trong ba điều ước, người cộng sản chỉ cho anh điều cuối.

Những anh hùng liệt sĩ hai miền đang gượng dậy từ cuộc mất máu. Lê Anh Tuấn không nhặt khẩu colt .45 văng giữa lòng thuyền. Lê Văn Hưng nhét súng lục dưới nệm và bỏ quên ở đó. Lê Nguyên Vỹ bước tới tương lai, khẩu súng để lại dưới cột cờ của tổng hành dinh doanh trại[5]. Vũ khí không còn hữu dụng nữa. Họ cùng Phạm Văn Phú, Trần Văn Hai và Nguyễn Khoa Nam

đang chỉ huy đoàn xe tăng đi ngược đường Trường Sơn, theo Quốc Lộ 1 băng qua những vùng chiến thuật. Khắp nơi mặt đất nở hoa huệ trắng. Chỉ có mùi huệ tinh khiết mới át nổi mùi tử khí còn tươi roi rói.

Ra đến Bắc, đoàn xe tăng biến thành xe tải đi khắp thành phố làng mạc. Những chiếc xe tải mang gạo, mang nhu yếu phẩm, mang thuốc men, mang sách vở từ trong Nam ra phân phát cho dân miền Bắc.

Dân chúng ùa ra đường ăn mừng hòa bình. Những người con bộ đội đã trở về. Lưu Quang Vũ ngồi viết những bài thơ khác, trên sân khấu của anh là những vở kịch khác và một định mệnh khác ngoài đời. Dương Thu Hương nếu có khóc cũng sẽ là những giọt nước mắt khác, trên những vĩa hè khác, cho những thân phận khác. Truyền hình trên thế giới nhận định: “Đây mới là đổi đời thật sự. Người miền Bắc ăn mừng sự phá sản của chế độ tem phiếu và hộ khẩu. Họ ăn mừng ngày tàn của chế độ cộng sản. Từ nay trở đi, chuyện đấu tranh giai cấp chỉ là một khái niệm gồm ghiếc. Những từ ngữ ghê rợn như tịch thu nhà, đánh tư sản, kiểm kê, kinh tế mới... chỉ là những giải nghĩa lỗi thời trong tự điển. Cơ ác mộng của miền Bắc ba mươi năm ‘kháng chiến chống Mỹ’ đã qua đi.”

Cơ ác mộng sẽ qua đi nếu chúng ta bám cứng vào cuộc sống? Buổi chiều trên dốc Thiên Thu, những vong linh ở nghĩa trang Quân Đội bay chập chờn lên đỉnh núi Châu Thới, những vong linh nhìn về trời và hát vu vơ:

Chiều lên trên đồi cao, hát trên những xác người, tôi đã thấy tôi đã thấy, trên cuộc đời, những hiện thực này không phủ nhận nhau.

Những hiện thực của âm và dương không triệt tiêu nhau. Chúng cùng tồn tại.

Ủy ban quân quản miền Nam quyết định lưu giữ tất cả những di tích văn hóa lịch sử dựng lên từ thời cộng sản. Họ cũng quyết định không đốt sách, dù là sách tuyên truyền, dù là nghệ thuật minh họa. Tượng Lê-nin đứng gác công viên Hà Nội cũng để nguyên. Những bài ca từ thời hồng và chuyên cũng vậy. Âm nhạc sẽ đi qua cánh đồng thời gian không biên giới. Tiến Quân Ca vẫn cứ là niềm tự hào của nhiều thế hệ từng tham gia kháng chiến.

Ký ức tôi rất dễ bị tổn thương với những bài ca. Những ca khúc có khả năng chứa đựng ký ức giúp con người. Những lời ca vẫn làm tôi phải khóc như một đứa bé thơ: *Này công dân ơi đứng lên đáp lời sông núi, đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống...* Bài hát đầu tiên trong đời sẽ là bài ca cuối cùng cưỡng chống lại quá trình tẩy xóa của quyền lực trên trí nhớ. Một nguyên tắc mặc nhiên đã ngấm vào ý thức: *Dù cho thấy phơi trên gươm giáo, thù nước lấy máu đào đem báo...* Công dân ơi mau hiến thân dưới cờ...

Bài ca này anh em chúng tôi sẽ hát trước giờ cổ thủ, trước khi kẻ súng sát mạng tang.

Họ đã thành công trong việc cổ thủ Cần Thơ, đã giữ được quân khu 4 và bảo toàn tỉnh Chương Thiện. Đoàn xe khởi hành đúng ngày 30 tháng 4. Theo hoạch định, họ sẽ đến Hà Nội kịp thời để dự đám tang tập thể trên phố Khâm Thiên. Phát tang vào đúng giờ thả bom, cả khu phố khoác áo xô gai để trở. Cả trăm cỗ quan tài đặt tạm trên nền hố bom, gạch vỡ. Nền chảy leo lét giữa những căn hộ không mái không tường.

Mùi hương nặng, không át nổi mùi xác cháy thiếu trong trận dội bom B-52 hôm trước. Sáu giờ chiều là lúc cửa âm mở, là lúc những vong linh nhập vào làn khói đang bốc lên uể oải để hiện nguyên hình dạng. Khói hương lẫn khuất động giữa lối đi trên phố, không tan.

Đám tang xong, những người lính sẽ quay về Huế thăm nắm mồ tập thể từ sau cuộc thăm sát

Mậu Thân. Đoàn xe của họ sẽ lại băng ngang vĩ tuyến 17, nhiều lần như vậy, ranh giới ấy bây giờ chỉ còn là một đường nứt đã phai mờ.

Đầu tôi mang một vết nứt rất tinh cờ. Chính vết nứt đã làm mọi thứ không thể khít khao ăn khớp với nhau được nữa. Vết nứt là một biên giới trũng sâu đầy ma ảo. Chúng tôi đã vượt qua biên giới. Đất nước trải rộng trước mắt chúng tôi như cuốn phim chiếu lên màn trời: Đoàn xe băng ngang những giao thông hào, những đồi kẽm gai, những bãi mìn xương trắng. Những nắm mồ hoang quanh trại cái tạo. Những xác người phình trương sóng tấp vào bờ. Những căn nhà xiêu dột chỉ còn mẹ già nói chuyện với con trên bàn thờ liệt sĩ.

Chúng tôi đi rông rã nhiều năm, vẫn đang đi tới, đi không ngừng nghỉ. Chúng tôi đi theo dấu máu chảy và máu chúng tôi vẫn đổ ra không thể nào cầm. Máu của chúng tôi phải dư thừa, phải sung mãn, phải đủ để chia đều cho lương tâm thẳng trợn và danh dự của miền Nam bại trận.

Chú thích:

[1] Phỏng theo câu mở đầu trong bài văn Ngày TỰU Trường của Thanh Tịnh: “Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc...”

[2] Đại tá Đặng Sĩ Vinh cùng vợ và bảy người con cùng tự sát vào ngày 30 tháng 4, 1975 tại nhà riêng.

[3] Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, tác giả cuốn hồi ký Con Cầu Tự, đã quay về định cư ở Việt nam.

[4] Dựa theo nhận định của Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại trong cuốn hồi ký Can Trường Trong Chiến Bại.

[5] Thiếu tá Hải Quân Lê Anh Tuấn sau lệnh bỏ súng của tổng thống Dương Văn Minh vẫn hiên ngang chỉ huy đoàn chiến đình về Bến Lức. Khi bị chặn đêm 30 tháng 4, 1975, không còn lối thoát, thiếu tá Tuấn tự sát bằng Colt 45 chứ không chịu đầu hàng (theo Hồ Văn Kỳ Thoại). Tướng Lê Văn Hưng sau khi tự bắn vào đầu đã dẫu súng dưới nệm, vì sợ vợ ông tìm thấy súng sẽ tự vận theo (theo lời kể của bà Phạm Thị Kim Hoàng, vợ tướng Hưng). Tướng Lê Nguyên Vỹ đã tự sát dưới cột cờ tổng hành dinh Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Lai Khê trước sự chứng kiến của binh sĩ.

Bà Hoàng Đạo

Từ Dung

(con út nhà văn Hoàng Đạo)



Bà Hoàng Đạo

Tôi không biết phải bắt đầu ra sao khi viết về mẹ tôi, vì có rất nhiều điều để nói. Cũng có thể dưới con mắt chủ quan, tôi nghĩ bà là một trong những người phụ nữ phương Đông tuyệt vời nhất trên cõi đời này. Người mẹ dịu hiền mà tôi được may mắn biết đến, với đầy đủ những đức tính về công, dung, ngôn, hạnh của một người đàn bà Á Đông, đã hy sinh cả một cuộc đời mình cho chồng, cho con và cho những nghĩa cử từ thiện ngoài xã hội với nụ cười luôn trên môi cùng chiếc răng khểnh duyên dáng.

Công, Dung, Ngôn, Hạnh

Về mặt dung nhan, vẻ đẹp dịu dàng và đằm thắm của mẹ tôi đã hơn một lần làm rung động những người phái nam có địa vị quan trọng trong nhiều lãnh vực xã hội. Bà cao dong dỏng, thân hình đều đặn thanh tú, nước da mịn màng trắng trẻo, dáng đi yếu điệu và uyển chuyển, khuôn mặt trái xoan, cặp mắt hơi hiếng (lé kim), mơ màng nhưng sâu sắc, miệng cười duyên dáng với chiếc răng khểnh và cặp môi đầy đặn. Tôi có đọc vài cuốn sách viết về mẹ tôi với những lời mô tả thiên lệch bắt nguồn từ những ghen ghét nhỏ mọn. Những người viết này cố tình hạ thấp dung nhan, phẩm hạnh của bà vì đố kỵ nên những người từng được tiếp xúc với bà vô cùng bất mãn vì những đối trá trắng trợn đó. Theo ý một số những người có dịp tiếp xúc với bà, bà là một trong những người đẹp và hợp thời trang nhất tại Hà Nội vào những thập niên 1930-40. Ngay cả về sau, khi đã trên bốn mươi tuổi và có bốn người con lớn, bà vẫn là một phụ nữ có vẻ đẹp sang trọng và thanh lịch có tiếng ở Sài Gòn.

Tôi còn nhớ, trong lúc ở giá để nuôi các con ăn học thành tài, mẹ tôi đã từ chối khéo léo và khiêm nhượng những người đàn ông theo đuổi bà và về sau họ vẫn quý mến và nể phục tư cách của mẹ tôi. Một trong những người này đã qua đời đã giữ lòng thương quý mẹ tôi ngay cả khi bà đã tạ thế. Khi ra đi nước ngoài, ông gửi thơ về nhờ tôi đặt lên mộ mẹ tôi một bó hồng đỏ thắm mỗi tuần lễ, như ông vẫn thường làm trước khi ra đi!

Mẹ tôi đã từ chối tất cả những người đàn ông đến sau, vì trong trái tim của bà chỉ có hình bóng của một người yêu duy nhất, đó là ba tôi, Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long.

Về công, tức là tài năng khéo léo, ít có người phụ nữ nào có tài nấu nướng những món ăn Việt cũng như Pháp tuyệt hảo như mẹ tôi. Nào canh bóng, vây, bào ngư, nấm nhồi giò, chả nem rán, bánh chưng gói, món Tây thì súp legume, bò hầm đậu, cua phá xi...

Các ngày giỗ chạp, tiệc rượu linh đình, một mặt mẹ tôi nấu ăn và chỉ dẫn cho người giúp việc, một mặt tiếp đãi khách với nụ cười hiền thực trên môi. Ai cũng phải mến yêu bà. Chị Thu tôi đã lớn thì giúp một tay, còn tôi bé út nhất nhà (cách anh Lân đến 9 tuổi) chỉ chạy chơi và chực ăn trứng luộc trên bàn thờ!

Sau này mẹ tôi mở tiệm Chả Cá Thăng Long (1959) ở đầu đường Phan Thanh Giản. Tiệm rất đắt khách và là một trong những tiệm ăn sang trọng thanh lịch và ngon lành tinh khiết nhất Sài Gòn lúc bấy giờ.

Về ngôn, khoa ăn nói, mẹ tôi ăn nói nhã nhặn, điềm đạm và nhu thuận, lúc nào cũng giữ vẻ bình tĩnh. Bà cũng dạy các con phải ăn nói đàng hoàng. Ngoài phái nam ra, phái nữ cũng thương mến bà, bạn bè và các bà cô, dì hai bên họ đều tìm đến bà khi hoạn nạn, nhưng cũng có một số nhỏ đem lòng ghen tị và tìm cách bôi nhọ thanh danh bà.

Về phẩm hạnh, không ai có thể chối cãi rằng mẹ tôi là một phụ nữ đảm đang, hy sinh cả cuộc đời cho chồng, cho con mà không hề phàn nàn, than vãn.

THỜI THƠ ẤU CỦA MẸ TÔI - BA MẸ TÔI GẶP GỠ NHAU

Sinh ra trong một gia đình quý phái, trưởng giả, mẹ tôi lại có những đức tính đơn giản, tốt bụng hay thương người. Ông ngoại tôi làm tham tá công chánh dưới thời Pháp thuộc, bà ngoại tôi là một mệnh phụ đài các nhưng khôn ngoan, biết quản lý tài sản của ông tôi, biết tiết kiệm. Mẹ tôi lại là con một nên được lo toan rất chu đáo, quá chu đáo đến nỗi mẹ tôi cảm thấy ngộp thở. Bà ngoại tôi tính tình độc đoán, muốn chồng con phải phục tùng theo cách sinh hoạt của bà. Thậm chí mẹ tôi chỉ được quyền chơi những đồ chơi bà ngoại cho phép. Mẹ tôi kể lại rằng một lần ông ngoại lén cho mẹ một con búp bê mà mẹ tôi thích, khi bà ngoại biết được, bà lập tức vứt đi. Mẹ tôi khóc và nhớ mãi chuyện ấy. Bà ngoại rất yêu mẹ tôi, nhưng cụ vẫn giữ tính khắc nghiệt đó nên có những đụng chạm cãi vã không thể tránh được giữa hai mẹ con.

Khi ba mẹ tôi gặp gỡ nhau, họ bị tiếng sét ái tình đánh choáng váng. Một bên cảm vì sắc, một bên mến vì tài. Ba tôi tuy ít nói, nhưng có lối châm biếm khôi hài thật duyên dáng và sâu sắc đã chinh phục được trái tim trong trắng của mẹ tôi. Tính cách khôi hài này được thể hiện trong tập “Trước vành móng ngựa”. Mỗi tình của ba mẹ tôi là nguồn hứng khởi của mỗi tình của Duy và Thơ trong “Con đường sáng”. Là một phụ nữ có tâm hồn nhạy cảm và chịu ảnh hưởng phong trào văn hóa mới vì mẹ tôi theo học trường Pháp và tốt nghiệp trường Pháp, bà thông cảm và hỗ trợ chí hướng phi thường của ba tôi, người đã từ chối chức tri huyện khi tốt nghiệp cử nhân luật, sau lại bỏ chức biện lý vì chống lại tòa án Pháp thuộc ngày đó. Điều này thể hiện trong tác phẩm “Trước vành móng ngựa”.

Phải là một phụ nữ phi thường mới thấu hiểu và tôn trọng một tâm hồn phi thường như ba tôi, và mới hy sinh tuổi xuân sắc để giúp đỡ chồng một cách đắc lực trong quá trình tranh đấu cho dân tộc và đất nước.

Lần đầu khi đi xem mắt mẹ tôi tại tòa biệt thự của bà ngoại tôi ở bãi biển Sầm Sơn, ba tôi đã bị tiếng sét ái tình. Mỗi tình đẹp như thơ đó đã bị cả hai bên gia đình phản đối, bên nội vì lý do bà nội tôi không chuộng gia đình trưởng giả, bên ngoại vì không cho là đủ môn đăng hộ đối. Nhưng ba mẹ tôi đã vượt thắng tất cả để tìm đến nhau và lập gia đình!

MỘT CUỘC HÔN NHÂN ĐẦY HY SINH VÀ CHIA LY

Chị cả tôi, chị Minh Thu, ra đời năm 1934, là tác phẩm đầu tiên của sự kết hợp tuyệt vời đó. Năm kế là anh Nguyễn Tường Ánh và cách một năm nữa là anh Nguyễn Lân. Ba mẹ tôi những tưởng anh Lân là con út rồi vì lúc đó ba tôi rất ít khi ở nhà, ông đã bị quay vào guồng máy thời cuộc lúc ấy. Khi ba tôi bị bắt, bị tra tấn tại sở mật thám và sau bị đi đày ở Vụ Bản, Chân Lạp Sơn, mẹ tôi rất lo buồn và đi lại tiếp tế nhiều lần. Tháng Tám, 1946, ba tôi cầm đầu phái đoàn hòa giải, trong đó có cả người của Việt Nam Quốc Dân Đảng, của bên Việt Minh, và có nhân viên bộ Công Chính là kỹ sư Đỗ Xuân Dung để xem tình hình nước lụt ở Việt Trì (ngã ba sông Hồng Đào) và ba tôi bị bắt. Khi được thả ra, ba tôi sang Trung Hoa gặp gỡ bác Nguyễn Tường Tam và các anh em khác. Thời gian đó mẹ tôi thường xuyên mang vật phẩm và tiền bạc sang tiếp tế cho ba tôi và các anh em khác. Ngoài ra, một tay bà lo dạy dỗ các con, chăm sóc mẹ già và cũng một tay bà lo toan hỗ trợ người chồng cách mạng lưu vong nơi xứ người. Phụ nữ như thế không phải ở thời đại nào cũng có!

Ba mẹ tôi lúc ấy như Chức Nữ Ngưu Lang, chẳng được thường xuyên gặp gỡ nên mỗi lần trùng phùng thật quý giá vô cùng! Tôi là kết quả của một trong những lần gặp gỡ đó. Ba tôi gởi thư về dặn mẹ nếu là con gái thì đặt tên Từ Dung, con trai thì Duy hoặc Giản. Như vậy Từ Dung là tên cúng cơm của tôi chứ không phải tên hát xướng đặt theo một nhân vật khác! Từ Dung có nghĩa là hình Dung giống mẹ, vì ba tôi lúc nào cũng tưởng nhớ mẹ tôi.

Tôi ra đời ngày 30 tháng Mười năm 1946 tại Hà Nội trong tình thương yêu của cả nhà. Ba tôi vẫn ở biệt lập bên Trung Hoa nên chẳng thấy mặt tôi, chỉ nhận được tin tức qua thư tín gia đình.

Lần gặp gỡ cuối cùng của ba mẹ tôi năm 1948 tại Hongkong rồi sau đó ba tôi bị một cơn đau tim tạ thế trên đường đi xe lửa về Quảng Châu, lúc đó tôi được 19 tháng. Được tin sét đánh, mẹ tôi phải lo tiền bạc quay trở lại chôn cất ba tôi tại Quảng Châu. Hiện nay không còn biết mộ phần nằm đâu nữa vì các nấm mồ đều bị khai quật dưới chế độ Cộng Sản!

Kể từ đó, mẹ tôi ở vậy nuôi con cho đến khi các con khôn lớn. Bố con tôi chỉ biết nhau qua hình ảnh thư từ. Tôi được nghe kể lại về ba tôi qua lời nói của mẹ, của anh chị và của cậu tôi, Như Phong Lê Văn Tiến.

Tôi nghĩ rằng tôi được thừa hưởng óc khôi hài châm biếm của ba tôi, cũng như dòng máu văn chương chảy cuộn cuộn trong tim óc!

Tại Hà Nội, gia đình tôi sống tại đường Lý Thái Tổ, Hàng Vôi. Trường Hàng Vôi là ngôi trường đầu tiên trên con đường học vấn của tôi. Năm 1990, trước khi rời Việt Nam, tôi ghé thăm ngôi nhà gia đình và ngôi trường thơ ấu. Ngôi nhà xinh đẹp hai tầng có cây bàng trước sân giờ đây ngăn ra cho tám hộ ở, phòng ngăn bằng vải rideau. Bàn thờ tổ tiên vẫn còn nguyên chỗ cũ nhưng chỉ còn một ông lão còn nhớ về nguồn gốc căn nhà.

Trở lại năm 1954, chúng tôi rời căn nhà thân yêu lên đường vào Nam trên một chiếc phi cơ quân đội. Tôi mới có 8 tuổi nên chỉ nhớ là mẹ tôi vội trở lại miền Bắc để thanh toán mấy căn nhà ở Hà Nội của bà tôi và gom tiền bạc để sinh sống trong Nam. Lúc đó sắp sửa đóng cửa ra vào hai miền nên các anh chị, tôi lo lắng sợ mẹ tôi bị kẹt lại Hà Nội.

Khi mẹ về, chúng tôi hết sức mừng rỡ. Chúng tôi tạm ở chia với họ hàng bên ngoại một căn nhà đường Đặng Dung, Tân Định. Đó là thời gian đẹp nhất của đời tôi! Mẹ con, anh chị em đoàn tụ yêu mến nhau. Tôi ở tuổi bắt đầu ý thức được tình cảm quý báu của gia đình. Ý nguyện của tôi là anh chị em tôi sẽ trở lại quây quần như thời đó!

Khi đến học lớp Tư trường Huỳnh Thị Ngà thì tôi gặp khó khăn với cô giáo Nam Kỳ với giọng đọc chính tả mới lạ. Tôi có đến mười lỗi trong bài “Lạc vào rừng” vì tôi không hiểu gì cả. Các bạn chế nhạo accent Bắc kỳ và gọi tôi “Bắc kỳ ăn rau muống”. Đó là bài học đầu tiên của tôi về kỳ thị địa phương dạy tôi sau này chống lại mọi thứ kỳ thị trên cõi đời này!

ĐỜI SỐNG TẠI SAIGON

Cùng lúc ấy, mẹ tôi mở tiệm phở và chả cá Thăng Long trên đường Trần Quang Khải, Tân Định, sau chuyển về tiệm chả cá Thăng Long trên đường Phan Thanh Giản. Sau này ngẫu nhiên quán cà phê nhạc Từ Dung của tôi mở năm 1978 cũng lại tọa lạc trên con đường Trần Quang Khải và người hầu bàn trưởng tại chả cá Thăng Long tên là anh Tư lại trở thành người pha cà phê chính của quán Từ Dung.

Tiệm chả cá Thăng Long do họa sĩ Nguyễn Gia Trí trang hoàng có một vẽ Á Đông trang nhã với những chiếc cột đỏ, những tấm bình phong và hình vẽ đặc biệt Việt Nam rất mỹ thuật. Một tấm tranh dân gian của Phạm Tăng treo dọc cả bức tường trong căn phòng riêng của quán. Bức tranh này sau tôi bị một tay văn sĩ hạng b, c gì đó lừa lấy mất!

Căn nhà mẹ tôi mua rộng lớn, một bên mở tiệm, còn một bên gồm năm phòng để gia đình tôi ở. Tiệm luôn đông khách tấp nập và các danh nhân, nghệ sĩ như Mạc Thu, Nguyễn Hoạ, bác Nhất Linh, Chu Tử thường xuyên đến ăn chả cá. Thế nhưng vấn đề tài chính không mấy khả quan vì mẹ tôi quá tốt bụng, luôn nuôi ăn ở và trả lương cho 6,7 người giúp việc nên tiền vào tuy khá nhưng ra cũng lắm. Mẹ tôi không bao giờ từ chối mở hầu bao giúp cho những người đến cầu cứu gia đình tôi!

Lúc đó chị Minh Thu, anh Tường Ánh lập gia đình nhưng lúc đầu anh Ánh vẫn ở chung với mẹ tôi. Các anh chị có gia đình riêng nên không còn gần gũi nhau như xưa. Tôi cảm thấy mẹ buồn nhưng không biết an ủi mẹ ra sao, chỉ biết rúc vào lòng mẹ. Khi anh Ánh và vợ dọn đi ở riêng trong một căn nhà mẹ mua cho anh, tôi được thừa hưởng căn phòng trống cạnh phòng anh Lân. Trước mặt hai căn phòng là một sân cement nhỏ trồng vài cây cảnh như cây trúc đào, cây mận sai trái vì tôi chôn xác con mèo dưới gốc cây.

Đằng sau phòng tôi là một cây trứng cá trái mọng nước và rất ngọt. Căn phòng này đã ghi một ấn tượng sâu đậm về thời thơ ấu của tôi sống êm đềm trong tay mẹ hiền. Có phòng riêng rồi nhưng tôi vẫn đòi ngủ với mẹ để được hít mùi da thịt của bà, thơm mùi nước hoa Guerlain và mùi phấn. Tôi cũng đòi mẹ ngâm thơ Kiều hoặc hát quan họ cho nghe như lúc còn bé tí. Cũng vì vậy mà tôi rất thuộc Kiều và những bài thơ ru em. Mẹ tôi yêu nhạc Đông phương nhưng cũng mê nhạc cổ điển Tây phương, nên khi mẹ mất, gia đình tôi mở nhạc Bach và Beethoven bên quan tài để hương hồn mẹ tôi về thưởng thức, thay vì giọng ê a của các vị sư hay kinh của các cha cố!

Sau này mẹ tôi bắt đầu gặp khó khăn về tài chính nên phải bán đi một số nữ trang. Lúc đó là đầu thập niên 1960, quân đội Mỹ đổ sang Việt Nam nên mẹ tôi theo trào lưu cũng đẹp tiệm chả cá và cho Mỹ thuê một bên nhà để mở nhà hàng có âm nhạc tên là Kontiki. Đêm nào tôi cũng được nghe tiếng đàn hát vọng sang từ bên nhà hàng của ban nhạc Đăng Tiến, thỉnh thoảng tôi cũng sang hát chơi những bản như Autumn leaves, A very precious love, Mona Lisa....

Tôi khoảng 16 tuổi, tuổi đầy mọng đẹp và bắt đầu mơ đến tình yêu!

Mấy năm sau mẹ tôi bán căn nhà rộng lớn đường Phan Thanh Giản và mua căn nhà nhỏ hơn có ba phòng ngủ và một căn gác ở Ngã năm bình hòa đường Chu Văn An. Nhiều người ngăn cản bà mua căn nhà này vì nó nằm cuối ngõ cụt và có một phần đằng sau nhà nên theo địa lý rất xấu. Không biết có phải là mê tín không mà sau này mẹ tôi bị ung thư nặng và chết tại nhà đó, bà ngoại tôi cũng chết theo ở tuổi 98 vì quá đau đớn, mẹ tôi là con duy nhất của cụ, cậu tôi Như Phong Lê văn Tiến bị bắt giam cũng ở đó, gia đình vợ chồng tôi thì phân tán, chia ly. Năm Mậu Thân 1968 nơi này là tử địa của tàn quân Việt Cộng, sau khi VC thất bại trong trận tổng công kích Saigon đã rút lui về nơi đây. Ngôi nhà chúng tôi bị đạn bắn từ máy bay xuống lỗ chỗ đầy những vết đạn, cũng may là khi cả khu phố bốc cháy như một con rồng lửa thì bỗng dừng lại khi tới nhà chúng tôi. Thật là một phép lạ!

Tôi giúp mẹ, bà ngoại và hai mẹ con bác giúp việc chạy khỏi nhà, chân phải chạy lung tung tránh xác VC nằm đầy ngõ và tránh tầm đạn của hai bên bắn nhau. Một ông hỏi ông khác «ai đánh ai?», ông kia trả lời «quân mình đánh quân ta»!

Từ lúc đó mẹ tôi bị ung thư bên cánh tay trái và căn bệnh kéo dài tới năm 1975 thì mẹ tôi mất. Người y sĩ đã hết lòng chữa chạy cho mẹ là bác sĩ Trần Ngọc Ninh, một người bạn thân của gia đình. Hai bác sĩ khác của gia đình tôi là bác sĩ Phan Huy Quát và bác sĩ Kỳ Quan Thân.

Cánh tay xinh đẹp, nuột nà, trắng bóc của mẹ tôi chỉ để đeo những nữ trang quý giá nay đã bị cắt đi đến hai lần, và sau cùng căn bệnh quái ác đã ăn vào tủy sống làm mẹ hôn mê trong 24 tiếng đồng hồ trước khi từ giã cõi đời. Trước khi bị hôn mê, căn bệnh ăn vào tủy làm bà thấy mọi vật nhuộm muôn màu muôn sắc.

Không có gì diễn tả nỗi nỗi đau đớn của người mắc bệnh ung thư. Lầu 5 của viện ung thư ở Gia Định phải rào lại vì nhiều người trong cơn đau đã nhảy xuống tự vẫn. Trong khoảng cuối cùng của cuộc đời đầy hy sinh, chịu đựng, đau đớn, bà vẫn tiếp tục làm phước, giúp người. Bà bảo trợ cho một số người bị ung thư trong viện, trong số đó có một anh binh sĩ trẻ, đẹp trai như Alain Delon. Anh bị ung thư xương chân, chỉ trong vài tháng là từ trần. Mẹ tôi, lúc đó đã phải dùng tới codein cho bớt đau và bò lết dưới đất rên la, cũng vẫn lo cho anh trong những ngày chót của cuộc đời anh!

Tại sao một phụ nữ hiền hậu như mẹ tôi và có lòng thương người lại phải chịu một số phận đớn đau như vậy? Khi mẹ tôi chết đi, bà không bám víu vào một niềm tin tôn giáo nào cả vì bà không tìm thấy đức tin nơi cuối đời. Lúc gần chết, bà cảm thấy hoang mang...

Khi nhìn ngắm xác mẹ trong chiếc áo trắng tôi mặc cho bà và cành hoa lan trắng trước ngực bà, tôi mới ý thức được nỗi mất mát lớn lao đến thế nào. Đã quá muộn để chiều chuộng mẹ, để nói rằng mẹ ơi con yêu mẹ, để cảm ơn bà cho tôi đời sống hôm nay và niềm tin ngày mai.

Có một con bướm trắng bay quanh quan tài của mẹ nhiều lần trước khi hạ huyệt, có phải chăng linh hồn mẹ muốn từ giã các con lần cuối?

Từ Dung xin thay mặt người quá cố cũng như các anh chị gửi lời cảm ơn anh Sơn con của cô Thế đã lo việc rải tro xuống biển cho bà và mẹ chúng tôi tại Việt Nam để linh hồn bà và mẹ chúng tôi được siêu thoát và xin Chúa ban phước lành cho anh và gia đình anh.

Chấm hết

Người trí thức dân thân Thụy Khuê

Tiểu sử

Hoàng Đạo tên thật là Nguyễn Tường Long, sinh ngày 11/10 năm Đinh Mùi tức 16/11/1907, tại làng Hàn Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Nguyên quán: làng Cẩm Phô, xã Hội An, tỉnh Quảng Nam. Bút hiệu khác: Tử Ly, Tường Minh... Theo Nguyễn Văn Xuân, dòng họ Nguyễn Tường gốc ở Bình Định: Ông Nguyễn Tường Vân người Bình Định, làm Binh bộ Thượng thư, có hai con trai nhập tịch Cẩm Phô, Hội An, là Nguyễn Tường Vĩnh, phó bảng, tuần vũ Vĩnh Long và Nguyễn Tường Phổ, tiến sĩ, dạy học và nhà thơ. Nguyễn Tường Phổ sinh ra Nguyễn Tường Tiếp, tri huyện Cẩm Giàng, nổi tiếng hay chữ, và là ông nội của Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo là người con thứ tư trong một gia đình bảy anh chị em: Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Thị Thế, Nguyễn Tường Lâm (Thạch Lam), và Nguyễn Tường Bách. Cha là Nguyễn Tường Nhu (1881-1918), một nhà nho không thành đạt (mất ngày 23/10/ năm Mậu Ngọ), mẹ là bà Lê Thị Sâm, tần tảo buôn bán nuôi bảy người con. Khi các con đã trưởng thành, bà đi tu và mất năm 1963 tại Sài Gòn.

Thuở nhỏ học trường huyện, tên là Nguyễn Tường Tư (chính ra là Tứ, nhưng vì trùng tên một người bạn của cha, nên đổi là Tư), sau không đủ tuổi để đi thi, gia đình khai thêm bốn tuổi đổi tên thành Nguyễn Tường Long, và đổi ngày sinh (trên giấy khai sinh) thành 3/4/1903.

Sau bậc tiểu học, Tường Long bị ốm nên tự học tại nhà. Năm 1924, đậu bằng Cao đẳng tiểu học Pháp, và liền đó đỗ vào trường Luật Đông Dương tại Hà Nội. Tốt nghiệp năm 1927, ông vào làm tham tá Ngân khố Hà Nội. Tiếp tục học thêm, đậu tú tài Pháp và chuyển sang ngạch Tư pháp, làm tham tá lục sự từ năm 1929, trong các toà "Tây án" ở các tỉnh Trung, Nam, Bắc. Trong thời gian này, có lần đã được bổ tri huyện, nhưng ông từ chối.

Năm 1932, Nguyễn Tường Long đang làm việc ở Sài Gòn, được đổi về Hà Nội, Nhất Linh mua lại tờ Phong Hoá của Phạm Hữu Ninh và ngày 22/9/1932 báo Phong Hoá tái bản với nội dung và ê-kíp mới. Năm 1933, thành lập Tự Lực Văn Đoàn, cùng năm ấy, Nguyễn Tường Long lập gia đình với cô Marie Nguyễn Bình (1913-1975), được bốn người con: ba gái, một trai.

Trên Phong Hoá, Nguyễn Tường Long lấy bút hiệu là Tứ Ly (giờ xấu nhất trong ngày), viết những bài đả kích châm biếm toàn bộ hệ thống quan lại của chính quyền thuộc địa và Triều đình Huế, bài trừ hủ tục trong xã hội Việt Nam. Năm 1936, Phong Hoá bị đóng cửa. Tờ Ngày Nay -trước đã ra kèm với Phong Hoá, trong 18 số đầu, chuyên về hình ảnh- từ số 19 trở đi chuyển sang văn nghệ. Trên Ngày Nay, trong mục "Trước vành móng ngựa", Hoàng Đạo ghi lại những tình cảnh bi hài của dân nghèo trước toà tiểu hình Hà Nội.

Năm 1939, Nhất Linh thành lập đảng Hưng Việt, sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. Vì đảng chủ trương công khai chống Pháp và lật đổ triều đình Huế, cuối năm 1940, Hoàng Đạo, Khải Hưng, Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt, bị đi an trí tại Vụ Bản thuộc Châu Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình (theo tiểu sử Hoàng Đạo, do gia đình soạn. Nguyễn Tường Bách trong *Việt Nam những ngày lịch sử* và một số tài liệu khác, chép là Sơn La), mãi đến năm 1943 mới được giải về quản thúc tại Hà Nội. Trong thời gian đó, Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách tiếp tục quản trị tờ Ngày Nay đến cuối năm 1941, mới bị đóng cửa. Năm 1942, Nhất Linh chạy sang Quảng Châu, Thạch Lam mất tại Hà Nội. Hoàng Đạo và Nguyễn Tường Bách tiếp tục lãnh đạo phong trào. Theo lệnh của Nhất Linh từ Trung Quốc gửi về, báo Ngày Nay tục bản ngày 5/3/1945, với Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách, Khải Hưng và Nguyễn Gia Trí.

19/8/1945. Việt Minh nắm chính quyền. 25/8/1945 Bảo Đại thoái vị. 2/9/1945 Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập. Trong khi ba thành phần Việt Minh, Việt Quốc và Việt Cách đang điều đình để thành lập chính phủ liên hiệp, ngày 13/1/1946, Vệ Quốc Quân tấn công bộ đội Việt Quốc tại Việt Trì.

2/3/1946 Chính phủ liên hiệp ra đời, nhưng các lực lượng quốc gia và cộng sản chia rẽ trầm trọng. Chủ trương của chính quyền thực dân không thay đổi: Hội nghị Đà Lạt thất bại. Sự đổ vỡ và chiến cuộc xảy ra giữa hai phe quốc gia và cộng sản.

Cuối tháng 7 năm 1946, Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách và 6 bạn đồng hành đến Hà Khẩu, lên Côn Minh rồi sang Quảng Châu. Ngày 19/12/1946, Khải Hưng bị Việt Minh bắt và bị thủ tiêu năm 1947.

Hoàng Đạo mất đột ngột ngày 22/7/1948 (16/6/ năm Mậu Tý), trên chuyến xe lửa từ Hương Cảng về Quảng Châu, thi hài ông được an táng tại thị trấn Thạch Long.

Tác phẩm đã in: *Trước vành móng ngựa* (phóng sự, Đời Nay, Hà Nội, 1938), *Mười điều tâm niệm* (tiểu luận, Đời Nay, 1939), *Con đường sáng* (tiểu thuyết, Đời Nay, 1940), *Tiếng đàn* (truyện ngắn, Đời Nay, 1941).

*

Có một cây bút viết *Con đường sáng* và *Tiếng đàn* và một cây bút khác viết *Mười điều tâm niệm*, nhưng không có hai Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo là một trí thức dân thân toàn diện cả bút lẫn súng, ông không "xuống đường", ông "lên đường". Là "quân sư" của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Tường Long giữ thế Khổng Minh, Tường Tam bên ba Lưu Bị. Tường Long là Nguyễn Trãi bên cạnh Lê Lợi. Nhưng Lê Lợi thành công, Tường Tam và Lưu Bị thất bại.

Nguyễn Tường Tam thất bại trên mặt trận chính trị, nhưng Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn thành công trên mặt trận xã hội. Tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn đã trình bày khá toàn diện bộ mặt xã hội Việt Nam thời đầu thế kỷ, và cũng chính những tác phẩm ấy, đã góp phần cải tiến cái xã hội, từ một lễ lối nho phong hủ lậu, sang cuộc sống hiện đại hơn, phù hợp với thế kỷ XX hơn: Không thể chối cãi tác dụng của Mai trong *Nửa chừng xuân*, của Loan trong *Đoạn tuyệt* đối với người phụ nữ thời bấy giờ; bởi vì, ngay cả đối với một nữ độc giả "chưa tân tiến" lắm, chưa từng tham dự các phong trào nữ quyền -được xem như nhãn hiệu của người phụ nữ văn minh, tân tiến- thì chắc chắn hiệu lực của *Đoạn tuyệt* và *Nửa chừng xuân* vẫn mạnh hơn các hình thức đấu tranh khác, bởi tác phẩm rơi thẳng vào lòng người: Mai, Loan làm người phụ nữ phải suy nghĩ, khiến nam giới phải thay đổi thái độ, và từ đó tác phẩm trực tiếp góp phần "giải phóng" người phụ nữ ra khỏi những đàn áp của chế độ phụ quyền, vẫn còn mạnh mẽ, đặc biệt trong xã hội ta. Cách xử dụng "quyền làm người" của Mai là trực tiếp: Mai tìm cách *tự lực* để khỏi phải lệ thuộc vào Lộc, Mai *tự do* vì Mai *tự lực*, và chưa bao giờ một nhãn hiệu hay khẩu hiệu của một văn đoàn lại được nhà văn xử dụng một cách tài tình như thế trong tác phẩm văn học. Phong cách *tự lực* không riêng chỉ "giải phóng" cho Mai, cho người phụ nữ, mà nó còn là khẩu hiệu giải phóng dân tộc, giải phóng con người, cả nam lẫn nữ: và nó là tinh thần tác phẩm *Nửa chừng xuân*. Khái Hưng thậm chí nói lên cái nền móng tư tưởng nằm trong hai chữ Tự Lực, và tiếp theo Hoàng Đạo xây dựng đường đi của Văn Đoàn bằng *Con đường sáng*. Thái độ của Loan, có tác dụng hành động: dứt khoát cương quyết chống lại chế độ đại gia đình, chống lại cảnh khắc nghiệt mẹ chồng nàng dâu, đồng thời đưa ra một kinh nghiệm đấu tranh thực tiễn: không để cho bạo lực và ngu dốt nắm quyền, phải phản kháng một cách mãnh liệt bằng bất cứ giá nào.

Cho nên, khó có thể đồng ý với nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Xuân, khi tổng kết hành trình lịch sử Việt Nam từ phong trào Duy Tân đến Tự Lực Văn Đoàn, ông cho rằng: *Mười điều tâm niệm* mà Hoàng Đạo đưa ra, cụ Phan, cụ Huỳnh... đều đã làm trước rồi. Và theo ông: *"Bây giờ [tức là năm 1968] người ta tìm đọc văn phẩm của Tự lực Văn Đoàn như tìm những truyện tình không hạ cấp. Thế thôi"* (Nguyễn Văn Xuân, *Hoàng Đạo với Con đường sáng*, tạp chí Văn, Sài Gòn, số 107-108 tưởng niệm Hoàng Đạo, ra ngày 17/5/1968. Cũng trong số báo ấy có đăng bài phân bác của Thế Uyên *"Đọc và đặt lại vị trí Hoàng Đạo"*).

Tại sao một nhà nghiên cứu có tiếng là đứng đắn như Nguyễn Văn Xuân lại viết những dòng "hồ đồ" như thế? Rất có thể là bởi những dòng này nằm trong tư tưởng "bài Bắc" nói chung, sau 1954, và "bài Tự Lực" nói riêng, khá phổ biến lúc bấy giờ. Điều oái oăm là những nhà văn Bắc trong nhóm Sáng Tạo cũng góp phần đắc lực cho phong trào này. Xét kỹ hơn, cùng là chữ "bài", nhưng có hai nguyên do khác nhau:

Sự bài Tự Lực của Sáng Tạo mang tính cách văn học: nhóm Sáng Tạo muốn "chôn" đàn anh để đổi mới. Sự tẩy chay Tự Lực ở Nguyễn Văn Xuân mang tính cách tranh chấp Bắc Nam, phản ứng chống lại sự "ngự trị" gần như độc quyền và đôi khi trịch thượng của các nhà văn Bắc di cư trên văn đàn miền Nam, sau 1954. Nguyễn Văn Xuân muốn đã phá toàn bộ những bất công trong việc đề cao nền báo chí và các tác gia miền Bắc mà bỏ rơi nền báo chí Nam Kỳ, xuất hiện sớm hơn và hoạt động mạnh mẽ hơn, cùng việc coi nhẹ các tác gia miền Nam. Những sai lầm này -xuất phát từ các nhà nghiên cứu Bắc, từ Dương Quảng Hàm đến Vũ Ngọc Phan, trong văn học sử và trong phê bình văn học- đã chỉ đạo cho một nền giáo dục "Bắc khuynh" trong nhà trường miền Nam lúc bấy giờ. Đặt trong bối cảnh ấy, ta hiểu rõ hơn những lời nặng nề và bất công mà Nguyễn Văn Xuân dành cho Tự Lực Văn Đoàn nói chung và Hoàng Đạo nói riêng.

Riêng Hoàng Đạo còn chịu một bất công thứ nhì, phát xuất từ Vũ Ngọc Phan, vì những đánh giá sai lạc của ông về Hoàng Đạo; rồi những người đi sau, như Nguyễn Văn Xuân (trong Nam), Văn Tâm (ngoài Bắc)... tiếp tục dựa vào, giữ nguyên (Văn Tâm) hoặc cực đoan thêm (Nguyễn Văn Xuân), mà không chịu nhìn xa hơn.

Bài viết này muốn tìm hiểu một số khía cạnh của Hoàng Đạo, đã bị đánh giá bất công trong hai tác phẩm *Con đường mới* và *Tiếng đàn*. Nhận định của Vũ Ngọc Phan đã dẫn đầu cho

một định hướng phê phán đầy thiên kiến, như những lời sau đây của Nguyễn Văn Xuân: "...tập truyện ngắn ấy [tức là *Tiếng đàn*] ngay thời sinh thời của tác giả, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan không nhắc đến tiếng nào trong tập Nhà văn hiện đại trong khi ông không quên quyển sách hồng "tuyệt tác", quyển Ông Đồ Bể của Khải Hưng". Nguyễn Văn Xuân viết tiếp: "Vậy mà cây bút ôn hoà ấy [Vũ Ngọc Phan] đối với nhân vật nổi tiếng thời ấy là Hoàng Đạo, với quyển truyện xem như cụ thể hoá chủ trương của lý thuyết gia Tự Lực Văn Đoàn [Con đường sáng], lại gần như là một phủ nhận." (Nguyễn Văn Xuân, *Hoàng Đạo với Con đường sáng*, báo Văn, số đã dẫn). Nguyễn Văn Xuân tự hỏi tại sao ông có đủ "can đảm" để đọc hết cuốn *Con đường sáng*, và các lập luận ông đưa ra đại khái chỉ để chứng minh rằng Vũ Ngọc Phan đã chê rồi thì chỉ có vứt đi, còn cuốn *Tiếng đàn*, Vũ Ngọc Phan không thèm nói đến thì khỏi cần bàn. Kiểu phê bình thành kiến, xây dựng trên thành kiến một người khác, thật là ghê gớm. Ấy là ở trong Nam. Ở ngoài Bắc, trong bài viết về Hoàng Đạo in trên cuốn *Từ Điển Văn Học* vừa mới xuất bản, cũng lại thấy Văn Tâm kín đáo dựng lại gần như nguyên vẹn một số nhận định của Vũ Ngọc Phan.

Việc Vũ Ngọc Phan không nhắc gì đến *Tiếng đàn*, hoặc ông khen *Trước vành móng ngựa*, và chê *Con đường sáng* (mà ông Vũ cũng chê nhẹ thôi, rằng, theo ông có ba lý do làm cho cuốn sách đó dở: "ngôn ngữ và hành động của hai vai chính trong truyện khí tài hoa quá", "tác giả lại rất thiên về tả cảnh", "Duy là người luôn luôn quay về ký vãng"). Thì đó là ý riêng của nhà phê bình họ Vũ, chúng ta chẳng phải bàn. Trách là trách những người đi sau, ít ai có sáng kiến khác Vũ Ngọc Phan, mà cứ rập khuôn lấy lại ý của ông để khai thác, cái ấy mới là lạ. Nguyễn Văn Xuân viết ba bài, bài đầu phản ảnh những nét thâm thúy của Nguyễn Văn Xuân: ông có công nghiên cứu đến tên ông nội và cụ nội của Hoàng Đạo, với những khám phá lý thú về thi tài của hai vị tiền bối, để chứng minh rằng dòng họ này thật sự là dòng "nòi". Hai bài sau ông kịch liệt phê phán hoạt động và thành quả của Hoàng Đạo và Tự Lực Văn Đoàn. Thái độ mâu thuẫn ấy của Nguyễn Văn Xuân, như trên chúng tôi đã phân tích, chỉ có thể giải thích bằng mối chia rẽ Bắc Nam, phức tạp và phi lý, trong đời sống văn học miền Nam trước 75. Sự chia rẽ này lại càng sâu sắc, âm ỷ và mãnh liệt hơn, sau ngày "giải phóng", đến độ hai bên rất ít muốn đọc nhau, trừ một vài nhà nghiên cứu hoặc một số độc giả có lòng. Vết thương văn học, bắt nguồn từ lịch sử ấy, đã kéo dài hơn 30 năm, có lẽ đã đến lúc nên tìm cách phân tích, tìm hiểu và hoá giải, nếu chúng ta thật sự muốn tìm một lối thoát.

Hoàng Đạo: âm thanh và hồi ức

Nếu không có tập *Tiếng đàn* thì chắc ta không thể biết được trong con người chính trị cứng rắn, đã có những giây phút "...toàn thân Xuân khi ấy chỉ còn là thánh giác, rung động theo tiếng đàn giọng ngâm [...] chàng cảm như nghe thấy cung đàn đã từ thửa nào, ở một tiền kiếp xa xăm. Chàng vẫn biết không có cảm giác nào in sâu vào trí nhớ hơn là thánh giác [...] Xuân rùng mình nhắm mắt lại. Trong hai dãy cây đen im lặng soi bóng xuống gương sông, chàng thoáng nhìn thấy nhấp nhô những hình kỳ dị trên một toà thành cổ" (trích truyện ngắn *Tiếng đàn*).

Những dòng trên, hiện thân của một tâm hồn nghệ sĩ, giàu tượng tượng, yêu nhạc đến độ say mê, cảm xúc có thể tan tác trong xác thịt, tạo nên một ảo tưởng bất thường: Hoàng Đạo. Rất lạ là con người chủ trương "theo mới hoàn toàn theo mới" ấy lại khác hẳn với các nhà cách tân khác, ông không ca tụng tiếng dương cầm, vĩ cầm... tuyệt nhiên không thấy trong ông những tiếng đó, mà những tiếng xưa, tiếng cổ kính, tiếng dân tộc: "hết điệu Nam bằng đến Nam ai. Tiếng độc huyền càng réo rắt" (Tiếng đàn), rồi tiếng đàn chuyển sang tiếng đỏi rét, tiếng ho khan, tiếng làm than, tiếng hát xẩm của vợ chồng chị Tạc: "gió mỗi lúc một rét, tiếng đàn tiếng hát mỗi lúc một nhanh: và những buổi mưa phùn lạnh lẽo thì thì điệu Nam ai gần hoá ra điệu Bình bán" (Một gia đình). Âm thanh luôn giữ vai chủ động trong sáng tác của Hoàng Đạo: âm thanh có thể vỡ ra trong trạng thái linh cảm phân thân mạnh mẽ đến triệt để trong tiếng rung động da thịt: "Quỳnh Dao thấy mình chỉ còn là cảm giác, rung động như cây đàn căng thẳng dưới ngón tay của nhạc sĩ" (Quỳnh Dao). Âm thanh có thể là tiếng sữa thơm ngọt trong giấc mơ của đứa bé lạc loài đêm ba mươi, thiếp đi trong tiếng thèm, dưới ánh sáng ấm cúng toả ra từ những biệt thự sang trọng có những đoá hải đường, những cốc thủy tiên tươi thắm. Âm thanh pha trộn tiếng chửi rủa của người bếp "Bước ngay!" với tiếng pháo giao thừa và tiếng

những "số phận của đám bọt ánh sáng lênh đênh trôi trong biển trời đen thẳm" (Tiếng pháo xuân).

Hoàng Đạo có trong Xuân, trong chị Tạc, trong Quỳnh Dao, trong Minh đũa bé lạc loài, như thể họa sĩ với người mẫu là một, như thể nghệ nhân với thính giả là một, như thể nhân vật với tác giả là một: Họ cùng gặp nhau trên cung bậc âm thanh, cùng có những dẫn vật khổ đau nội tại. Âm thanh và nội tại hoà nên "tiếng" của họ. Nghệ thuật Hoàng Đạo dựa trên *tiếng* ấy: ngũ quan cô đọng trong thính giác, rồi từ thính giác truyền đi các giác quan khác, trên đường đi chúng nhập vào nỗi khổ đau, bất hạnh (như tiếng chị Tạc), hay niềm hạnh phúc (như tiếng tiên) trên vườn địa đàng; tiếng mơ, tiếng đói, hoà tiếng xua đuổi, tiếng đe dọa, trong tiếng pháo xuân: âm thanh hoàn tất một chu kỳ trước khi tắt đi để âm vang của nó được sống lại trong ký ức của người nghe một lần nữa, và cứ thế, như thế... hồi sinh một lần, hai lần... bao lần trong ký ức: Âm thanh tái tạo hồi ức trong lòng người viết và người đọc.

Hoàng Đạo là nhà văn sử dụng sự hồi ức nhiều nhất trong ba anh em. Mà hồi ức là gì? Là cái mà Kierkegaard gọi là "ressouvenir" và ông bảo mình đã sống suốt đời trong đó. Hồi ức cũng là thủ pháp xây dựng tiểu thuyết của Alain Robbe-Grillet. Tóm lại hồi ức là kỹ thuật của nhiều nhà văn, mọi nơi mọi thời, cho nên, nếu ta thấy Hoàng Đạo sử dụng hồi ức, cũng đừng nên trách ông: cứ trở về dĩ vãng mãi thì làm sao mà tiến đến tương lai (con đường sáng) được!

Nếu hồi ức là yếu tố quan trọng thứ nhì, thì nhục cảm là yếu tố thứ ba trong tiểu thuyết Hoàng Đạo. Cả ba anh em Nguyễn Tường đều có độ nhạy cảm khác thường: Nhất Linh và Thạch Lam nghiêng về khứu giác, Hoàng Đạo nghiêng về thính giác, nhưng họ có chung một nồng độ mẫn cảm nhục tính.

"Chàng thần thờ ngắm mái tóc quán lồng buông xõa xuống một bên cổ, màu đen nhánh nổi bật lên màu da trắng, hàng lông mi dài và cong chớp trên đôi mắt huyền giương to như thu cả thanh sắc vũ trụ vào trong, những nét tà áo rung chuyển theo hình cong mềm của chiếc quần lụa ngà, và hai gót chân ửng màu hồng non như đương e thẹn trong đôi giày nhung" (Con đường sáng, trang 90). Trong tình yêu, Thạch Lam precoce, yêu sớm hơn hai anh, nhưng trong cách tả người con gái, Hoàng Đạo bạo hơn cả: *"những nét tà áo rung chuyển theo hình cong mềm của chiếc quần lụa ngà"*, thật quyến rũ, uyển chuyển, thật "sexy", và đẹp, ít có hình ảnh nào vừa tinh khiết vừa "tội lỗi" như vậy, đặc biệt trong mắt người đẹp, còn cả một vũ trụ, như thể nàng mang cái "chí" của "người hùng" bên trong.

Thời ấy, người ta ít dám đụng đến "da thịt", vậy mà ống kính của Hoàng Đạo, khi chiếu vào người con gái, xoáy ngay phần nhạy cảm nhất: *"Thơ đắm đuối nhìn đôi mắt đen của Duy, nàng thấy rung động từng thớ thịt"* (trang 93). Cả đến không khí tiên cảnh cũng đượm mùi da thịt: *"Không khí nàng cảm thấy êm như da thịt"* (Quỳnh Dao). Đặc biệt trong *Quỳnh Dao*, thủ phạm làm thay đổi nhân sinh quan của cô tiên Quỳnh Dao là nụ hôn. Nàng tiên Quỳnh Dao tình cờ được chứng kiến một cảnh trần: *"Nàng vừa bước xuống một ngọn suối nhỏ chảy róc rách trong rừng, vốc nước, giơ tay lên nhìn những giọt nước trong vắt rỏ xuống khe đá, bỗng thoáng thấy bên bờ suối hai người ngồi sát cạnh nhau"*, và *"Người con gái đặt đầu lên vai tình nhân, âu yếm ngược mắt lên nhìn, Quỳnh Dao không bao giờ quên cái nhìn đắm đuối ấy. Nàng cảm thấy trong đôi mắt mơ màng kia một thứ say sưa huyền bí, và đến khi người con trai ghé xuống hôn môi người yêu, Quỳnh Dao thấy rung động một cảm giác chưa từng biết"*.

Có lẽ lần đầu tiên trong văn chương Việt Nam xuất hiện một *nụ hôn hàm thụ*. Nụ hôn được nhìn trộm ấy đi vào tiềm thức Quỳnh Dao, cảm giác ngất ngây trở đi trở lại như một ảo ảnh tái sinh bất tận... Chính nụ hôn "hàm thụ" ấy đã thay đổi hoàn toàn cuộc đời của cô tiên vô tư trên cung Quảng: nàng quyết định xuống trần để thực hiện những cảm giác đã sống trong hồi ức. Nhà văn trình bày ở đây một cảm giác nhục thể không sống trực tiếp qua cọ xát xác thịt, mà bắt nguồn từ hồi ức, và đó cũng là phong cách Hoàng Đạo: gián tiếp, phản ứng dây chuyền.

Nhục thể trong truyện *"Sắc không"* lộ ra dưới khung cảnh khác thường: một sư ông bắt gặp đôi trai gái lên chùa "ăn oản", *"sư ông cuồng lên như con thú dữ"*, nhưng rồi chính vị tu hành khả kính cũng âm thầm cởi trả áo Phật để trở về với cuộc đời "nghiệp chướng": Sự đòi

hỏi của thân xác trong môi trường nhà Phật vẫn là một cấm kỵ. Nói đến sẽ phạm tội bỏ báng. *Sắc không* hai lần vượt cấm, đề ra một trong những vấn đề bức thiết của con người.

Quỳnh Dao -bỏ thiên thai xuống trần tìm tình yêu, nhưng tình yêu trần thế nhuộm màu lừa lọc, nàng lại bay về trời- nàng là hiện thân con người Hoàng Đạo, đã bỏ cõi thơ cõi nhạc để phục vụ con người, nhưng cõi người có nhiều "vấn nạn", cho nên người nghệ sĩ ấy "*chiều chiều thấy rung động trong lòng một nỗi nhớ tiếc không bờ bến*".

Những truyện hay trong tập *Tiếng đàn*, thường rất chấm phá: vài nét sơ, nhả và đậm, về một gia đình, một thân phận, như những nốt nhạc, dội lại nhờ điệp khúc, và vang âm; khiến những xúc cảm sâu sắc mà người đọc tiếp nhận được luôn luôn trở lại, và mỗi lần trở lại, càng đậm đà hơn, càng cay đắng hơn... Tiếng hôn trần thế vọng lên thiên thai; tiếng nước vỡ đê quán theo tiếng người chìm trong dòng lũ; tiếng hát, tiếng đàn của đôi vợ chồng xẩm, tiếng ho khan của chị Tạc, tiếng run cầm cập của thằng cu, tiếng rút dây áo quan ... tất cả đều có âm vang láy lại trong đầu, như những đoạn khúc của bản đàn đời nhiều nốt vỡ.

Con đường sáng: giờ hoàng đạo

Chúng ta có cái may là trong nửa đầu thế kỷ XX, hình ảnh xã hội miền Nam được trình bày khá cặn kẽ trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, xã hội miền Bắc trong tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn, đời sống thôn quê miền Bắc trong các tác phẩm của Ngô Tất Tố, Nam Cao, Tô Hoài... đời sống ăn chơi trụy lạc, trong các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Vũ Bằng... Cho nên một nhà làm phim tài ba có thể xây dựng lại toàn bộ xã hội Việt Nam, ít nhất trong nửa đầu thế kỷ XX, qua tiểu thuyết.

Con đường sáng nằm trong bối cảnh xã hội miền Bắc, dưới cái nhìn Tự Lực Văn Đoàn, trong lập trường đấu tranh xã hội của Hoàng Đạo: tức là dùng tiểu thuyết luận đề để cải cách xã hội và thay đổi con người. Với một chủ đề rõ ràng như thế, tác phẩm rất dễ rơi vào vòng luân lý giáo khoa thư. Nhưng Hoàng Đạo đã thoát ra được và ông đã hoàn thành một tác phẩm nghệ thuật.

Không có gì cho phép chúng ta nghĩ đến sự trùng hợp giữa hai con người: Khương Duy (nhân vật chính trong *Con đường sáng*) và Hoàng Đạo. Đây là những nét Nguyễn Tường Bách mô tả người anh: "*...anh đã hợp tác chặt chẽ với anh Tam để tổ chức hoạt động bí mật chống Pháp và có thể nói anh là một nhân vật trọng yếu nhất sau anh Tam. Trông anh hiền lành như thế nhưng anh lại trấn tĩnh khác thường trong những lúc gian nguy. Tôi không hiểu cái gì đã rèn đúc nên ý chí cương nghị đó. Ngày anh bị bắt năm 1940, trước mọi thẩm vấn và tra vấn của Pháp, anh vẫn vững như đá, không chịu khai một lời. Những năm ở Sơn La, anh cũng không hề sờn mỗi ý chí, làm gương mẫu cho anh em và làm địch phải e sợ*", "*Có thể nói anh là người sống quy củ nhất, không uống rượu, không hút thuốc cũng không thích đánh bài, không lãng mạn như các anh em khác hay như các nhà văn nhà báo khác*" (Nguyễn Tường Bách, *Việt Nam những ngày lịch sử*, nhóm Nghiên cứu sử địa xuất bản, Montréal, 1981).

Đúng là Hoàng Đạo và Khương Duy bề ngoài chẳng có gì giống nhau: Duy là một thanh niên trí thức, chủ đồn điền, tự kiêu "*rằng mình hơn người, vì đã ngẫm nghĩ đến cõi rẫy của cuộc đời*" (63), tìm cách thoát ra khỏi môi trường ăn chơi trụy lạc. Nhưng nếu xét kỹ hơn, *Con đường sáng* vẫn là một cuốn tự truyện: Khương Duy chính là Hoàng Đạo trên đường tìm cách thoát ly khỏi hoàn cảnh ông "Tham Long", trí thức tiểu tư sản của mình; đồng thời thoát khỏi thế giới trường giả của gia đình vợ ("*bác Long và gia đình của cái thế giới cửa cao đóng kín chó bẹc-giê sủa vang xe hơi bóng lộn người làm khinh khỉnh*", trích Thế Uyên, *Hoàng Đạo hay sự trở về quê cũ*, Văn số đã dẫn). Mặc dầu bà Hoàng Đạo có giúp đỡ những thân hữu Quốc Dân Đảng (xem Nguyễn Tường Bách và Hồ Hữu Tường), nhưng hồ cách biệt giữa hai giai tầng dường như không thể lấp được: thế giới khốn khổ của người dân quê và thế giới long đong ngục tù của người cách mạng khó có thể đi đôi với khung cảnh chó bẹc giê kín cổng cao tường. Truyện ngắn *Tiếng pháo xuân* (tập *Tiếng đàn*) gợi lại sự cách biệt ấy trong tiềm thức của nhà văn. Hai "cực diện" trường giả và trí thức tiểu tư sản âm thầm đè nặng lên con người Hoàng Đạo, hệt như xã hội trụy lạc nghiền nát Duy. Có thể chính Hoàng Đạo cũng đã có lúc chán nản muôn

quyên sinh như Duy. Sự bất lực của một Nguyễn Tường Long, luật gia trước vành móng ngựa, trước những khốn cùng của dân quê trong cảnh bùn lầy nước đọng cũng là sự bất lực của Duy trước những người dân quê "đốt đặc" không thể "cải tiến" được, không những thế, họ còn cho chàng là "điên". Nỗi bất lực này, chúng ta có thể tìm thấy trong truyện ngắn *Dưới làn sóng* (tập *Tiếng đàn*), dữ dội hơn, dưới bối cảnh con người chiến đấu vô vọng với thiên nhiên: "*Trong khoảng trời mù mịt, hiện ra một bó đuốc gieo ánh sáng đỏ thẫm thâm ra xung quanh rồi biến đi, khiến đêm tối lại càng thêm tối*". Dưới áp lực của gió bão, con người "*nhỏ nhặt và yếu hèn như giồng kiến, giồng trùng, không thể cản trở hay kháng cự lại được*" (*Dưới làn sóng*).

Mặc cảm vô vọng này cũng rất rõ trong Dũng của Nhất Linh. Đó là mặc cảm bất lực của tầng lớp thanh niên trí thức Tây học, xuất thân trong các gia đình dòng dõi, con quan như Khái Hưng, cháu quan như Nhất Linh, Hoàng Đạo... nhìn thấy những trụy lạc trong chính cái xã hội trường giả và trí thức của mình. Bộ mặt phẫn nộ loẹt của các cô gái nhầy, bên những bàn đèn ẩm ướt trong *Con đường sáng*, chính là chân dung những ông Tuần, bà Ân, trong gia đình, hình ảnh những nhà văn, nhà báo, trong giới trí thức nghệ sĩ mà Hoàng Đạo, Nhất Linh, Khái Hưng... hàng ngày va chạm. Duy tranh đấu để thoát ra khỏi sự vong thân, trác táng như họ. Cái mặc cảm và sự bất lực của Duy biến thành nỗi hoài nghi không ngừng: hoài nghi chính mình và hoài nghi tất cả những người chung quanh. Duy luôn luôn tự tra vấn về ý nghĩa cuộc đời, về thành công và thất bại.

Cuộc đời Khương Duy trong *Con đường sáng* chia làm nhiều khúc quanh, bên nhiều cột mốc:

1/ Sau những đêm trác táng: *âm thanh, ánh sáng và hồi ức*, cho chàng thấy bên ngoài cõi tối tăm của tiệm nhầy, bàn đèn, còn có thiên nhiên: "*ánh sáng, lúa chín, gió lạnh và thơm*"; với "*những bông thóc đáng cong cong*" trong gió; với "*những ngọn lá màu vàng trong như hổ phách*" (trang 31). Ánh sáng và âm thanh của đồng lúa, dẫn Duy trở về những ngày còn bé, nhắc chàng nghĩ đến Thơ.

2/ Thơ hiện ra trong nắng, trong lúa, như một Quỳnh Dao giữa đời. Thơ đánh thức trong Duy những âm thanh, mà chàng tưởng đã đánh mất trong những đêm trụy lạc: "*Duy lặng yên nghe tiếng nói của Thơ vang lên, trong như tiếng suối dưới chân đồi*"

Thơ cũng sống bằng hồi ức như chàng: "*Thơ ngừng nghĩ để sống lại một cảm giác êm dịu và mãnh liệt. Ánh nắng hôm nay như nhuộm màu rực rỡ của ánh nắng hôm qua, lúc nó giỡn trong mái tóc rối loạn của Duy*" (trang 49)

3/ Hồi ức kéo Duy về dĩ vãng, trốn vào tuổi nhỏ, như một lối thoát, rồi hồi ức dẫn chàng so sánh với cuộc sống hôm nay: "*Cả một cánh đồng im lặng dưới bóng trăng; những bông lúa nặng sương ở gần lóng lánh một thứ ánh sáng lạnh, ngoài xa, sương mù màu trắng đục êm toả mãi đến tận chân trời: từng chỗ trên biển sương, nổi lên bành màu lam nhạt của những giải rừng xa. Duy thấy trong lòng không lo nghĩ, êm nhẹ như cảnh sắc chung quanh, và khi tiếng đập lúa ở nhà Thơ vang lên trong thanh vắng, chàng nghe tiếng gọi của một nỗi vui mới hé nở trong lòng*" (65). Trước cảnh đẹp và những âm thanh tuyệt vời vừa sống lại trong tiếng hát hò và đập lúa, Duy muốn cởi áo nhập vào đám lực điền.

4/ Nhưng hồi ức ấy còn có khả năng phản bội: "*định cúi xuống hôn Thơ thì lại nhớ đến những cặp môi của các cô gái làng chơi đã để lại cho chàng cái dư vị chua chát*" (trang 52). Chính cái hồi ức phản bội ấy đã lẫn lộn "*môi Thơ lẫn với nụ cười dĩ thỏa của Nga*" (53).

5/ Trong cảnh huyền ảo của thiên nhiên, Duy khám phá ra đời sống lầm than của những tá điền, của những đứa bé "*mặt mũi nhăn nheo như ông cụ già*" con bác Tẹo và tấm lòng từ thiện của Thơ.

6/ So sánh sự huy hoàng của cảnh sắc với sự khổ đau của con người, so sánh sự đón đầu của đói khát với đau đớn trong nội tâm Duy: "*Duy để tư tưởng đi sâu vào nỗi ngạc nhiên đau đớn của chàng trước sự trái ngược của đời cực khổ bên trong và cảnh rực rỡ bên ngoài. Duy nhớ lại và so sánh với đời chàng trước đây, một đời mà mọi người đều trông thấy vẻ lộng lẫy hào nhoáng nhưng chỉ có Duy đã âm thầm nhìn rõ sự thực điều đúng. Nỗi đau khổ không*

căn cứ xưa kia của chàng, Duy cảm thấy thắm thía hơn, khó thoát khỏi hơn là sự cực khổ về vật chất của gia đình người tá điền." (trang 78-79)

7/ Tìm thấy con đường: "Chỉ có chính mình mới cứu vớt được lấy mình. Chính mình phải cặm cụi tìm tòi cách thoát ly thì mới có thể đến được sự thoát ly." (109). Chàng khám phá ra một thứ ánh sáng khác: "ánh sáng ở trong lòng chiếu ra làm tâm hồn chàng rung động một nỗi vui náo nức. Thứ ánh sáng ấy, Duy nhận ra là tình yêu" (113)

8/ Thất vọng và cô đơn: "Sao họ ngu đến thế được!" (132), "sự ngu độn dày đặc quá" (146) "Họ vâng dạ cho xong chuyện, như để lấy lòng chàng, rồi đầu lại hoàn đầy" (trang 146), "đối với họ, Duy có lẽ điên" (trang 146). Duy nhận thấy: "Người, vật, cây cỏ quanh mình đều như sống theo một điệu riêng, không ăn nhập gì đến điệu sống cô độc của chàng" (135), "Duy chỉ là một con ruồi mắc trong mạng nhện, vùng vẫy mãi không sao thoát ra được" (146). Ngay cả đối với Thơ, Duy cũng cảm thấy: "dẫu yêu nhau đến mực nào chăng nữa, chàng và Thơ vẫn là hai người cách biệt nhau" (trang 142)

9/ Trở lại đời trụ lạc: chìm trong thế giới của những "bộ mặt chết trôi".

10/ Lựa chọn sau cùng: Duy quay về với dân quê, chàng tìm thấy cứu cánh trong sách vở. Một hôm tình cờ vào thư viện "chàng bỗng thấy sự nhần nại vô cùng của sách. Sách để đây, từ bao giờ, mười năm, hai mươi năm rồi, nhưng không khi nào tỏ ra ý vội vàng, tức bực. [...] Mười năm sau; có người giờ đến, sẽ lại vang lên giọng thơ của Lý Bạch hay của Verlaine, sống lại những tư tưởng của Marc Aurèle hay của Mạc Tử" (trang 175).

Truyện *Con đường sáng* có cấu trúc gần như tầm thường của một truyện kể cổ điển, nhưng tác phẩm bật ra hai góc cạnh bất ngờ: Yếu tố đầu tiên "cứu" Duy là thiên nhiên, là những bông lúa dưới nắng. Những bông lúa cong và những lá lúa trong như màu hổ phách đã cứu chàng trong chạng đầu của nhận thức. Yếu tố sau cùng giúp chàng thoát ly khỏi tình trạng tha hoá (không phải là dân quê như nhiều người lầm tưởng) mà là chữ nghĩa, sách vở, là nghệ thuật. Vì vậy *Con đường sáng* thoát ra khỏi sự xoàng xĩnh chân chất của một cuốn tiểu thuyết lý tưởng, nhờ những yếu tố bất ngờ này: Duy không hề hy sinh cho một lý tưởng đã sắp đặt sẵn, Duy chỉ là người đi tìm lẽ sống. Và *Con đường sáng* phản ánh hệ tư tưởng của Khương Duy-Hoàng Đạo: Đường đi của nhà văn tất yếu phải qua hai điểm mấu chốt: thiên nhiên mở cửa cho anh vào đời và nghệ thuật là cứu cánh.

Thiên nhiên là yếu tố quan trọng không riêng gì đối với Hoàng Đạo mà đối với cả một thế hệ thi văn lãng mạn. Thiên nhiên: trăng, sao, sương, mây,... luôn luôn là những yếu tố quyến rũ như một người tình: "Cả một cánh đồng im lặng dưới bóng trăng, những bông lúa nặng sương ở gần lóng lánh một thứ ánh sáng lạnh, ngoài xa, sương mù màu trắng đục..." (trang 64). Và mỗi nhà văn có một cách tiếp cận thiên nhiên riêng biệt. Ngay trong gia đình Nguyễn Tường: thiên nhiên của Hoàng Đạo là một vũ trụ khác với thiên nhiên của Nhất Linh và Thạch Lam. Chúng ta thử so sánh vài đoạn văn tiêu biểu của họ, để thấy rõ sự khác biệt này.

Nhất Linh viết:

"Dững vòng hai tay ra phía sau làm gối ngửa mặt lên. Ánh nắng trên lá thông loé ra thành những ngôi sao; tiếng thông reo như tiếng vọng ra, đều đều không ngớt; Dững có cảm tưởng rằng cái tiếng ấy đã có từ đời kiếp nào rồi nhưng đến nay còn vương lại âm thầm trên lá thông.

Không nghe tiếng Loan và Thảo nói chuyện nữa, Dững nghiêng mặt quay về phía hai người. Chàng thấp thoáng thấy hai con mắt đen của Loan. Thấy Dững bắt gặp mình đương nhìn trộm, Loan vội nhắm mắt lại làm như ngủ; song biết là Dững đã trông thấy rồi, nàng lại vội mở mắt ra, rồi qua những ngọn lá cỏ rung động trước gió, hai người yên lặng nhìn nhau" (Đôi bạn, trang 209- 210).

Một đoạn khác, vẫn trong *Đôi bạn*: "Nền trời lúc đó, Dững thấy như một tấm lụa trong; một con bướm trắng ở vườn sau bay vút lên cao rồi lẩn vào màu trời. Dững tự nhiên nghĩ đến một bãi cỏ rộng trên đó có Loan và chàng, hai người cùng đi ngược chiều gió..." (trang 45).

Đối với Nhất Linh thiên nhiên chỉ là cái cớ để ông diễn đạt nội tâm con người. Lần nào cũng thế, sau khi lướt qua vài nét "phông" thiên nhiên, là ông vội xen ngay vào đó tâm trạng của nhân vật. Mục đích Nhất Linh là nội soi nhân vật, rồi chiếu nó lên nền thiên nhiên. Ông

hướng về hạnh phúc riêng tư của con người. Sự thoát ly của Nhất Linh là thoát ly để đi tìm "bướm trắng".

Một đoạn văn của Thạch Lam:

"...tôi thông thả theo con sông Cống, chạy khuất khúc lên giữa các đồi. Một cái cầu gỗ mong manh bắc qua sông. Hai rặng thông từ trên đỉnh đồi chạy xuôi xuống tận gần bờ, giữa luồng gió thoảng và cái tiếng rì rào như nhớ nhung của lá thông trái gió nhắc tôi nghĩ đến những cánh rộng rãi bao la.

Buổi chiều rất êm ả. Về phía tây mây trời rục rờ những màu sáng lạn và ánh nắng chiều loáng một khúc sông, trông như một dải vàng nổi lên giữa đồi ruộng đã bắt đầu tím lại. Một đàn chim đi ăn về vút bay qua ngang đầu, tiếng cánh vỗ ráo rào như trận mưa, tôi ngừng lên nhìn theo đến khi cái vết đen linh động của đàn chim lặn hẳn với chân mây" (Nắng trong vườn, trang 8). Thạch Lam là một nghệ sĩ thuần túy, ông dùng thiên nhiên để vẽ tranh và làm nhạc. Thạch Lam không xử dụng thiên nhiên cho một mục đích nào khác nghệ thuật. Vũ trụ Thạch Lam có nét bao la, nhưng không bao la như vũ trụ Hoàng Đạo.

Một đoạn văn của Hoàng Đạo:

"Lúc ấy, con ngựa phi lên sườn đồi. Con đường nhỏ quanh co, Duy trông như dải lụa dài màu vàng nhạt bỏ rơi trong màu cỏ lục. Ở xa, chỗ cuối đường, một người đàn bà nhà quê đầu trần, gánh nặng, in hình màu nâu cũ lên sườn đồi. Xa hơn nữa, dãy núi Tam Đảo phôi màu lam thẫm dưới trời xanh nhạt, một dải mây trắng nhẹ nhàng vắt ngang, Duy trông thoáng như hình một người con gái khổng lồ nằm nghiêng, chiếc khăn san trắng theo gió tung lên trời. Trong cảnh vật không có một tiếng người, một chuyển động, ngoài điệu đi nhịp nhàng của người đàn bà và tiếng gió từng dịp rung chuyển chòm lao xao. Bấy nhiêu thanh sắc, bấy nhiêu âm vận, Duy cảm thấy hoà hợp với nhau như một khúc nhạc thắm kín" (123)

Trước đó, chúng ta đã thấy: *"Hình người ấy in lên nền xanh non của cây cỏ, cứng cáp mạnh mẽ trong quần áo chần màu vàng xảm"* (103).

"Người ấy" như một tráng sĩ thời xưa, một Phạm Thái mang tâm sự lớn lao của đất nước: Tam Đảo của "người ấy" hùng vĩ như Bắc Sơn của Văn Cao, bát ngát như Cửu Long của Phạm Duy. Nhưng khác với những nghệ sĩ khác, giữa cảnh núi non hùng vĩ ấy, "người ấy" in hình *"người đàn bà nhà quê đầu trần, gánh nặng"*, in hình *"màu nâu cũ lên sườn đồi"*. Cũng như trong "cảnh trí diễm ảo" ấy, ở một đoạn khác, hình ảnh người tá điền nhem nhuốc với *"rá cơm hẩm, lũ con xanh như tàu lá"*... hiện lên như những vết thương vũ trụ. Tất cả những thứ đó, có phải do nhà văn cố tình xấp xếp không? Không. Tự nhiên trong tiềm thức tuôn ra: như thể Nhất Linh viết đến đây thì tự nhiên ngòi bút của ông rẽ sang ngõ gác tâm tình của Loan và Dũng; Thạch Lam viết đến đây thì văn ông chạy thẳng vào màu sắc vào cây cỏ của họa sĩ; Hoàng Đạo viết đến đây thì văn ông rẽ sang nẻo khác, vào số phận con người: người đồng loại. Nhất loạt truyện ngắn, truyện dài của Hoàng Đạo đều có hướng kết hợp nghệ thuật và nhân văn như thế. Nhất Linh hướng nội, Hoàng Đạo hướng ngoại. Nhất Linh muốn tìm hạnh phúc cho bản thân con người, Hoàng Đạo muốn tìm hạnh phúc cho người đồng loại. Theo lối xưa, ta có thể bảo rằng văn Hoàng Đạo nói lên cái "chí" của Hoàng Đạo: chí muốn đưa dân tộc ra khỏi cảnh lầm than; văn Hoàng Đạo có "khẩu khí" của một lãnh tụ. Cũng như thơ Nguyễn Công Trứ "Vòng trời đất dọc ngang dọc" nói lên cái "khí" "dọc ngang ngang dọc" của người anh hùng. Nhưng nếu nói theo ngôn ngữ ngày nay, ta sẽ bảo: trong vô thức của Hoàng Đạo đã tiềm ẩn một hoài vọng lớn lao: ông nhìn thấy nỗi khổ đau của dân tộc và muốn đưa dân tộc đến con đường thật sự sáng, từ *giờ tứ ly đến giờ hoàng đạo*.

Hoàng Đạo sống không lâu (41 năm), con người ông là toàn bộ cuộc đời gần hai mươi năm tranh đấu, gồm sinh hoạt cách mạng và sinh hoạt báo chí tản mạn, đến nay phần lớn vẫn chưa được sưu tầm và in lại. Đi từ Tứ Ly -giờ xấu nhất- đến Hoàng Đạo -giờ tốt nhất- trong ngày, sự nghiệp văn học của Tứ Ly-Hoàng Đạo gồm toàn bộ những bài báo, tả xung hữu đột, đánh vào hệ thống quan trường dưới thời Pháp thuộc, đòi hỏi tự do tư tưởng, chỉ trích những tệ đoan xã hội, những tập tục lỗi thời, những hủ lậu của nho giáo cuối mùa, đẩy lùi dốt nát, bất công trong thế giới bùn lầy nước đọng, nhắc đến cái nhục của người dân mất nước... Những

điều ông viết là viết cho tức khắc, về những chuyện đang xảy ra trước mắt, phải giải quyết ngay ngày hôm nay. Ông không nghĩ đến tác phẩm để đời. Ông cũng không có thì giờ nghĩ đến cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ, khi đất nước và dân tộc ông đang cần những bài xã luận nảy lửa: Khi học sinh, sinh viên cần một cảm nang, cần một "thánh kinh" với những khẩu hiệu, ông viết *Mười điều tâm niệm*. Khi dân chúng nghèo đói, thất học, là nạn nhân của những phiên tòa không có luật sư biện hộ, ông phan phui những cảnh khôi hài bi đát *Trước vành móng ngựa*. Khi toàn thể dân quê sống trong cảnh tối tăm, dưới một hệ thống xã hội bất công đầy áp bức, ông tố cáo, ông đề nghị sửa đổi cơ chế gây ra cảnh *Bùn lầy nước đọng*. Và khi tranh đấu bằng ngòi bút, không đem lại kết quả mong muốn tức thời, thì, như Sartre đã nói rất đúng: nhà văn phải cầm súng: Hoàng Đạo cầm súng và Hoàng Đạo tranh đấu đến hơi thở cuối cùng.

Hoàng Đạo là mô hình mẫu của người trí thức dân thân hiện đại. Ở ông là tính hiện đại triệt để *theo mới hoàn toàn theo mới không chút do dự*. Khi ở vị trí phát cò, bao giờ người ta cũng phải nói quá lên một chút. Hoàng Đạo có cái thái quá của người lãnh đạo phong trào, và có chất hiện đại của một trí thức dân thân, trong cách đấu tranh muôn mặt, ngòi bút đi đôi với hành động, luôn luôn muốn tự vượt mình, đó là những yếu tố đó nằm trong máu thịt, làm nên con người ông: Hoàng Đạo khác với những quân sư, những kẻ sĩ thời trước, trong cả cách hành sự lẫn diễn đạt tư tưởng.

Người ta không biết gì về "nội tâm" của "vạn thế sư" Khổng Minh, hơn nữa Khổng Minh có thể chỉ là sản phẩm hư cấu của La Quán Trung. Người ta biết ít nhiều tâm sự của Nguyễn Trãi, qua những bài thơ nôm trác tuyệt. Nhưng thơ Nguyễn Trãi cũng như thơ Nguyễn Công Trứ là thơ của những nhà nho, làm theo quy ước nước mây của thời đại ấy, hơn là mô tả nỗi trạng của riêng mình.

Hoàng Đạo, ngoài những bài bút chiến gay gắt, ở những phút cô đơn nhất, hướng ngòi bút về mình, về những đớn đau, thất bại, về những sa ngã của chính mình, về những rung cảm xác thịt, những khát vọng nghệ thuật trong tâm hồn mình. Có một Hoàng Đạo, con người đấu tranh, là trạng sư của những thân phận hẩm hiu trong bùn lầy nước đọng, biện hộ không lời, trong một tòa án mà tội nhân không có luật sư. Có một Hoàng Đạo công tố buộc tội cả một thực trạng pháp luật bất nhân, bất công. Có một Hoàng Đạo lục sự ghi những cảnh nhục nhã của một dân tộc mất tiếng nói, mà tòa án mà chánh án và phạm nhân đều là người Việt, nhưng đều phải nói tiếng Pháp và có thông ngôn dịch sang tiếng Việt. Và có một Hoàng Đạo, họa sĩ ngòi bút trong một tòa án vẽ những bức biếm họa: cảnh người Việt dùng tiếng Việt trong bộ "Hoàng Việt tân luật" để xử án, mà người Việt nghe cứ ù ù cạc cạc, vẫn cần thông ngôn để "dịch" sang tiếng Việt! Thực trạng thứ ba này, gay gắt và đớn đau hơn, đánh thẳng vào cá tính dân tộc, vào mỗi cá nhân người Việt, vào thói xấu chuyên vay mượn của người một cách máy móc, mà không chịu sáng tạo thêm cho phù hợp với tâm hồn và lối sống của dân tộc mình, mà Hoàng Việt tân luật là một chứng từ. Những Hoàng Đạo ấy, trong 41 năm ngắn ngủi của cuộc sống đã tả xung hữu đột, khi cầm bút, khi cầm súng, tranh đấu đến chết. Nhà chính trị có những mềm yếu, những lúc chán nản ê chề, muốn quyên sinh, muốn bỏ tất cả, cho sa ngã, cho bùn lầy, và có lúc trở thành nhà thơ trong *Con đường sáng*, trong *Tiếng đàn*. Tác phẩm văn học, đối với Hoàng Đạo chỉ là chỗ nghỉ chân của người "anh hùng" ngã ngựa, bộc lộ tâm hồn một thi nhân không có thì giờ dành cho chữ nghĩa, phản ánh một khía cạnh khác của con người Hoàng Đạo mà bản tuyên ngôn *Mười điều tâm niệm* chỉ là bề mặt của một nội tâm cô độc đớn đau.

Paris, tháng 10/2005

© Copyright Thuý Khue 2005

Hoàng Đạo và một tên hậu học Nguyễn Mạnh Côn

- Anh có biết gì về Hoàng Đạo, có ý nghĩ về Hoàng Đạo. Nói tóm lại, anh có viết được cho VĂN một bài về Hoàng Đạo không?

Tôi loáng thoáng nghe câu hỏi của Trần Phong Giao, trong khi mải nhìn một cô gái ở trong một tấm váy-liền-với-áo giống như một cái ống may bằng vải dày lụng bụng. Hoàng Đạo? Tôi biết gì về Hoàng Đạo? Không, tôi không biết gì cả. Nhưng tôi nghĩ về Hoàng Đạo? Chẳng lẽ tôi không có ý nghĩ nào về nhà văn lớn ấy hay sao?

Nhưng mà không, không thật! Tôi nhớ lại: quả thật chưa bao giờ tôi đọc hết một bài nào của ông, càng không đọc bất cứ tác phẩm nào của ông. Tôi nhớ lại: từ khi còn cấp sách đến trường, tôi đối với Hoàng Đạo vẫn chỉ có một cảm tưởng lạnh lẽo khó chịu. Khó chịu cho tôi, vì tôi thấy nhiều người kính phục ông mà không biết tại sao tôi không phục ông, mà chỉ kính – kính như một người ngang hàng với ông anh ruột của anh rể tôi.

Không lẽ tôi làm? Nếu tôi không làm thì rất nhiều người khác phải làm thay tôi. Có thể như thế chăng? – Thật khó tin! Vì vậy mà tôi khó chịu, khó chịu vì lẽ phải bảo tôi nên kính phục Hoàng Đạo, mà sao tôi không tuân theo lẽ phải!

Nhưng rồi thời gian qua đi. Câu hỏi của T.P.G được đặt ra đã được một năm. Tôi tiến gần tuổi năm mươi hơn. Tôi cũng có dịp nghĩ nhiều hơn, và đọc kỹ hơn, về Hoàng Đạo. Nhất là một hôm, giờ chong sách cũ, tôi gặp cuốn Chân dung Nhất Linh, rồi qua Nhất Linh, tôi nghĩ đến Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo còn giỏi hơn Nhất Linh! Nhiều người bảo tôi như thế. Người ta bảo Hoàng Đạo giỏi về sách lược, chiến lược. Có người nói Hoàng Đạo không may chết đi, nên Nguyễn Tường Tam mới dở dang sự nghiệp đấu tranh cách mạng. Người ta nói, tôi không biết có đúng không. Nhưng nhờ câu nói đó mà, hôm nay, tôi hiểu tại sao tôi không biết cảm phục Hoàng Đạo.

Tôi hiểu hỏ sâu nào ngăn cách, khiến cho tôi không thấy được hết giá trị của ông. Hỏ sâu đó chính là cái hỏ sâu ngăn cách những người có theo học lý thuyết Mác-xít với những người chỉ nghiên cứu có nền văn minh chính thức của một dân tộc vừa tiến bộ, vừa tự do, là dân tộc Pháp hồi bấy giờ.

Thật là tự nhiên, tôi theo học mấy ông thầy tự họ lại là tín đồ của Karl Marx, nên có ngu tối đến đâu, tôi cũng bị thuyết phục rằng chế độ thực dân đầy rẫy bất nhân, và chế độ tư bản đầy rẫy bất công. Chế độ tư bản thực dân phải chết, không nghi ngờ gì, và không giảm khinh chút nào! Tôi đồng ý như vậy: bất cứ ý nghĩ nào của những người thuộc chế độ đó cũng sai lầm, bất cứ vẻ đẹp nào cũng cần được xét lại. Tôi giữ vững lập trường này được bốn, năm năm. Trong thời gian này, cố nhiên tôi không phục Hoàng Đạo.

Nhưng tôi vẫn phục Khái Hưng, Nhất Linh và vẫn thích đọc báo Phong Hóa, Ngày Nay. Nguyên nhân sự tôn sùng này hoàn toàn có tính chất văn nghệ. Tôi theo học tư tưởng mác-xít, nhưng không chịu tham gia bất cứ tổ chức cách mạng mác-xít nào. Lý do là tôi theo học tư tưởng mác-xít vì nó đánh đổ tư tưởng dân chủ tư bản tây phương, nhưng tôi không hoạt động vì tôi thấy tư tưởng mác-xít vẫn chưa hoàn toàn đúng.

Trong ý nghĩ non dại của tôi, lúc ấy, tôi cho rằng người ta chỉ có thể phấn đấu hết mình, và hy sinh không ngần ngại, nếu người ta theo một đường lối hoàn toàn đúng. Trong ý nghĩ non dại của tôi, chủ nghĩa mác-xít không hoàn toàn đúng. Tôi đã nói như vậy với thầy Mai, thầy máng tôi kiêu ngạo, chính mình không hiểu hết mà dám bảo người ta không đủ. Tôi xác nhận uy tín của thầy Mai rất lớn, nhưng không đủ lớn để thuyết phục tôi, sau những cuộc thảo luận đại khái như sau:

- Người ta sống để làm gì?
- Để tranh đấu.
- Tranh đấu để làm gì?
- Để cho đời sống tốt đẹp hơn, no ấm hơn.
- Đời sống tốt đẹp rồi, no ấm rồi, thì làm gì nữa?

- Cuộc tranh đấu sẽ tiếp tục giữa con người và thiên nhiên.

- Để làm gì?

- Để làm cho khoa học tiến bộ.

- Khoa học tiến bộ để làm gì?

- Để làm cho đời sống tốt đẹp hơn, no ấm hơn.

À, câu trả lời đã đi được một vòng tròn rồi. Thầy học của tôi bực mình, gắt rằng người ta phải sống thực tế, thực tế là lo cho đời sống ngày hôm nay, ngày mai. Kê nào đi quá xa là không tưởng, không tưởng là một trạng thái tinh thần nguy hiểm, trái với lý thuyết duy vật. Tôi phải im. Nhưng một hôm khác lại hỏi:

- Cộng sản là thế nào?

- Là chia đều mọi hưởng thụ.

- Làm thế nào chia đều một vật mà tôi thích nó nguyên vẹn, mà người khác cũng thích nó như vậy?

- Tương lai chỉ có sự lợi ích và nhu cầu, không có cái thích phi lý ấy.

- Nhưng nếu là một người đàn bà.

- Người đàn bà cũng thế.

- Nhưng nếu tôi và U (một học sinh khác) cùng yêu một người?

- Một nền giáo dục khoa học sẽ làm cho không có sự lộn xộn ấy.

Tôi lại phải im. Lần này thì tôi thua, thua và buồn. Bởi lúc bấy giờ, sự nghiên cứu của Pavlov về phản ứng theo điều kiện chưa được nhiều người hiểu rõ, nhưng tôi đã lờ mờ cảm thấy trong tình yêu quả nhiên có một phần lớn do thói quen thật. Tình yêu mà bị chỉ huy thì thật buồn, nhưng dù sao thì đời người cũng đỡ lộn xộn. Tôi chờ một dịp khác để trở lại vấn đề tranh đấu:

- Tại sao phải tranh đấu?

- Vì đó là bản năng của con người.

- Nếu con người sinh ra đời lười biếng thì sao?

- Thì sẽ bị đào thải.

- Ai đào thải?

- Đa số.

- Để làm gì?

- Để xây dựng cuộc sống cho tốt đẹp hơn, no ấm hơn.

Tôi im lặng, nhưng tôi không chịu. Đa số chỉ có quyền tiêu diệt thiểu số nếu có tranh chấp, còn nếu thiểu số yên phận sống nghèo hèn thì tại sao lại bị đào thải? Tôi biết câu trả lời: nhân danh tương lai chung của nhân loại, người ta có quyền bắt một thiểu số hy sinh. Tôi không cãi được, nhưng tôi cho thế là bất công. Và lại cũng thiếu thực tế. Lúc thì bảo phải sống cho hôm nay, lúc lại bảo phải chết cho tương lai. Đảng nào nghe cũng có lý, nhưng vẫn không thực tế. Tuy nhiên, tình thầy trò, cách đây 30 năm, không cho phép tôi cãi đến cùng.

Chính vì thế mà tôi không theo mác-xít, cũng không theo tư bản. Tôi không đọc hết Hoàng Đạo vì ông có thái độ rõ rệt như thầy Mai tôi. Rất có thể cả hai ông cùng biết con đường mình đi chưa hoàn toàn đúng, nhưng vốn dĩ là những người suy tư nặng về thực tại hơn nặng về lý tưởng, nên các ông đã chấp nhận một thái độ chung cho cả cuộc đời (Trong khi đó thì tôi lang thang, trôi giạt, đi tìm một thứ mà, trong ngót 30 năm, chính tôi cũng chẳng biết là gì!)

Nhưng trở về Hoàng Đạo. Tôi đã đọc ông tương đối kỹ, và nhớ lại rằng tôi đã được nghe nói về ông khá nhiều. Tôi thấy có thể chia ý kiến của tôi làm hai phần: về nhà tư tưởng, về nhà báo và nhà văn.

Về Hoàng Đạo, nhà tư tưởng, tôi linh cảm ông là người sâu sắc, nhưng hẹp hòi, và rất có thể có đôi chút cố chấp – lẽ tự nhiên tôi đã không gặp được ông, nên chỉ từ tác phẩm của ông mà suy luận. Điều chắc chắn là Hoàng Đạo có học rộng, và hiểu nhiều, nghĩa là đã tiêu được cái mà ông học. Khi ông viết “Văn hóa Âu Mỹ đem trồng ở đất ta tự nhiên sẽ biến; những điều hợp với tinh thần riêng của dân tộc sẽ còn và nảy nở ra, những điều không thích hợp sẽ tự nhiên bị

đào thải” (1) thì người đọc có cảm tưởng ông rộng rãi, nhưng kỳ thật, ông viết câu đó có lẽ chỉ do sự thận trọng về nguyên tắc thôi. Sự thật, trong nhiều đoạn khác, người ta thấy rõ rệt ông xác nhận một ý chí tiến bộ “theo Âu Mỹ” một ý chí “chống thù cựa” gần như tuyệt đối: “Vây, mạnh bạo, chúng ta nên đua nhau vào con đường mới, rộng rãi và đầy ánh sáng của văn hóa Âu Mỹ” (1).

Với ngót 30 năm xa cách, thật khó mà biết động cơ chính của ý chí mới trong Hoàng Đạo là gì. Nhưng nếu người ta nhớ gia đình ông, hồi ông còn thơ ấu, đã có lúc rất nghèo túng; ông lại là người dễ xúc động trước cảnh lâm than, đói khổ của đồng bào thì thiết tưởng có thể nói trong Hoàng Đạo, sự tiến bộ bao hàm một phần lớn sự phồn thịnh về kinh tế.

Theo các đề tài tâm niệm thì trong 10 bài, trừ hai bài có mục đích trình bày quan niệm (2) một bài, khá lơ mơ, về lý tưởng (3) còn lại bảy bài, thì có đến bốn bài nói về phương pháp tự luyện để làm việc được giỏi dang, và tranh đấu được thắng lợi hơn (4). Tôi không phủ nhận giá trị của loạt bài này, nhất là cách đây 30 năm, xã hội ta còn giữ nhiều nếp sống cổ hủ và, rõ rệt hơn cả, là các vùng nông thôn còn có một đời sống vô cùng đói khổ, vô cùng tối tăm. Cứ như bề ngoài mà người ta dễ nhận thấy, sự đói khổ, sự tối tăm là những hình ảnh thường đi liền với sự ngu dốt, sự bần thiếu, sự mê tín dị đoan v.v... Người nghèo thì dễ hèn, người ít học thường làm việc một cách bề bộn, người đàn bà trong xã hội cũ tuyệt đối phục tùng người đàn ông, và người dân của một nước bị ngoại thuộc luôn luôn bị hướng dẫn, và bị quyền rũ, bởi một trào lưu theo đuổi vinh hoa, phú quý (đổi cao, làm lớn) thay vì được giáo dục để thấy rõ bổn phận công dân và sứ mạng chiến sĩ.

Hoàng Đạo là người có ý chí chống lại những thế lực làm cho nhân dân ta sa đọa về tinh thần và ngụp lặn trong cơ khổ. Đó có lẽ là những nguyên nhân đã khiến ông viết văn và đã đưa ông vào con đường cách mạng tư sản, mà, nói cho đúng ra, xứng đáng hơn với các danh từ “cuộc đấu tranh giành độc lập” và “công cuộc cải tiến xã hội theo đường lối dân chủ tư sản.” Sự lẫn lộn danh từ này còn tiếp tục đến tận bây giờ, và Hoàng Đạo, nếu còn sống (và tôi nghĩ như vậy) có lẽ cũng chỉ là một trong các lãnh tụ chính trị chỉ có lý tưởng cải tiến xã hội, nhưng vì nhu cầu (theo kịp sự đòi hỏi của quần chúng), cứ phải nhận mình làm cách mạng của thời đại chúng ta hôm nay.

Riêng phần tôi trước hết vì tôi còn nhỏ tuổi hơn Hoàng Đạo, và ơn cha mẹ, được ăn học trong một sự đầy đủ tương đối, nên, cho đến khi bắt đầu biết nghĩ, tôi không có được cái nhìn thực tế và nhân đạo của ông. Một vài trường hợp bị người ngoại quốc khinh khi, áp chế, khiến cho tôi biết cái nhục vong quốc, nhưng tôi nghĩ đến công cuộc tranh thủ độc lập với nhiều lãng mạn hơn Hoàng Đạo. Tôi cũng không theo con đường của thầy Mai tôi. Sự từ chối làm chiến sĩ vô sản làm cho tôi bị một số bạn hữu và người quen buộc vào tội thiếu đạo đức và thiếu can đảm. Tôi chịu đựng những lời phê bình khắc nghiệt của nhiều người, và có lẽ chỉ một mình thầy Mai tôi là còn giữ được một chút hoài bão mơ hồ nào đó nơi tôi. (5)

Một phần khác, chính cũng nhờ gia đình tôi được khá sung túc, cho nên tôi, thay vì cố gắng học thi lấy đỗ, lại quay ra đọc lan man đủ mọi thứ sách (Tôi nhớ có thời gian đến hai, ba tháng, tôi vào Thư viện Trung ương, mượn và đọc tất cả các sách tại thư viện, về các trận thủy chiến: Trafalgar, Falkland, Jutland, Coronel v.v...), và bắt đầu năm 1938, tôi đã bắt đầu đọc về phân tâm học và nguyên tử lực. Mặc dù tôi chẳng hiểu được bao nhiêu trong phần lý luận, cuốn sách nào về khoa học cũng có một phần kết luận mà bất cứ ai cũng thấy được phần nghĩa đen rành rọt: Sự đọc sách này ảnh hưởng đến tương lai của đời tôi rất nhiều, vì, ngay bây giờ, tôi đã mang mang chờ đợi những biến chuyển lớn lao do mọi ngành khoa học sẽ đem đến cho đời sống.

Thành thử, trái hẳn Hoàng Đạo đứng bằng hai chân trên mặt đất, tôi mơ hồ chờ đợi một giải pháp toàn bích không phải riêng cho xã hội và dân tộc Việt Nam, mà chung cho cả thế giới, cả nhân loại. Đã đành đó là một thiệt hại lớn cho tôi, vì, bây giờ đọc kỹ các tác phẩm của ông, tôi mới ý thức được tác dụng giáo hóa thực tiễn của nhà tư tưởng Hoàng Đạo. Tôi thành thật nghĩ rằng nếu xưa kia tôi biết đọc ông, cuộc đời tôi chắc hẳn đã tránh được nhiều vấp ngã đau đớn.

Những điều tôi muốn nói về nhà văn Hoàng Đạo có lẽ sẽ ngắn ngủi hơn, nhưng tha thiết hơn. Tôi vốn không được vinh dự quen biết, hay hơn nữa, “bầu bạn” với các nhà văn trong nhóm Đòi Nay như Đinh Hùng, nhưng trong thâm tâm, lúc nào tôi cũng tự coi như một học trò được chịu ơn rất nặng của họ.

Tôi nhớ đích xác, khi mới lớn lên, tôi đọc tạp nham đủ mọi thứ sách, từ “Thất kiếm thập tam hiệp” đến “Lưu cầu Hải ngoại huyết thư”, từ mấy cuốn truyện “Nghìn lẻ một đêm” của Ả rập đến *Les Faux Monnayeurs* của Gide, *Les Profils Perdus* của Bourget... không kể các loại sách báo nghiên cứu về pháo binh, về không chiến, về tế bào, về bệnh ung thư v.v... Nhưng trong tất cả các sách báo tôi đã đọc, không có tờ báo nào “dạy” tôi nhiều bằng tờ Phong Hóa.

Không những dạy xúc cảm, dạy suy nghĩ, mà còn dạy cách suy nghĩ cho thông minh, với một chút điệu cợt thanh tao (đôi khi cần, cũng biết tục tĩu) và dạy cách kết luận cho gọn và mạnh. Ngay bấy giờ, không cần giờ tài liệu, tôi cũng nhớ một đoạn tả anh lính sáng đá với chị lầu xanh cãi nhau (6): “Anh có khổ thì tôi cũng có khổ” và câu kết bằng mấy chữ “cả khổ đổ lẫn khổ xanh.” Đó là cách chơi chữ, câu trên có hơi tục một chút, đầy ý nhị. Nhất là cách kết thúc, bao giờ cũng đột ngột, có khi thâm tóm trọn ý của bài, có khi đưa đến một tư tưởng xa xôi nào khác, nhưng luôn luôn xúc tích, với một vẻ thấp thoáng cầu kỳ (của người có học rộng) mà lúc nào cũng minh bạch, dễ hiểu.

Chắc chắn không có thầy học hoặc sách báo nào dạy tôi nhiều bằng tờ Phong Hóa. Nghĩ lại một chút sự nghiệp của mình, tôi xác nhận về phần hình thức (từ chương), quả nhiên tôi đã lấy hình thức sáng tác của nhóm Đòi Nay làm hình thức lý tưởng để theo chân, nối gót. Tất cả những đoạn mà tôi tự lấy làm hài lòng, có lẽ đều đáng kể là sản phẩm của một tên học trò trung thành của các nhà văn đó.

Mà nhà văn Hoàng Đạo bây giờ tôi mới hiểu, chính là bộ óc của nhóm Đòi Nay. Hoàng Đạo chứ không phải Nhất Linh. Người chủ trương và điều hành tờ Phong Hóa nhất định phải là tác giả Trước vành móng ngựa. Nhà văn Nhất Linh, như sau này nhiều sự kiện đã chứng nghiệm, là một người nhiều mộng mơ hơn thực tế. Cung cách ông làm tờ Ngày Nay (tái bản ở Sài Gòn) cho phép tôi quả quyết rằng tự tay Nhất Linh chưa hề phải lo việc điều hành tòa soạn một tờ tuần báo bao giờ (Tờ Ngày Nay, tái bản ở Sài Gòn, được in ở nhà Nguyễn Đình Vượng là nơi tôi có thân tình đi lại, nên tôi được mục kích Nhất Linh bao biện, tự mình làm lấy đủ mọi việc, thật không tỏ là người đã chỉ huy công việc xuất bản những tờ Phong Hóa, Ngày Nay [loại đầu, in tuyệt đẹp], mà, nói riêng việc trình bày đã khó khăn lắm).

Tôi biết không cần trình bày gì nhiều về giá trị và ảnh hưởng của các cây bút trong nhóm Tự lực Văn đoàn. Những nhà văn hoàn toàn theo mới này, tuy có những trường hợp quá trớn – như từ chối ý nghĩa thiêng liêng của Trời, Đất – nhưng, cách đây 30 năm, thế lực thủ cựu còn mạnh nên ý chí tiến bộ không được phát huy cho có quyết tâm thì chắc chúng ta không có được ngày nay.

Mặc dù cái “ngày nay” của chúng ta cũng chẳng đẹp đẽ sung sướng tôi vẫn có thể đoán chắc với các bạn trẻ thuộc thế hệ tới sau tôi rằng từ 1940 đến 1945, thế hệ trẻ hồi bấy giờ đã yêu nước và làm cách mạng theo kiểu Đòi Nay. Rồi từ 1945 trở đi, đến lượt môn đệ của Karl Marx làm mưa làm gió, nhưng sự thật là họ chỉ nắm được quyền lãnh đạo trung ương, còn công tác môi giới giữa trung ương và đại chúng là công tác của cán bộ, mà cán bộ là những ai, nếu không phải là những tên tuổi trẻ ngu dốt như tôi, chỉ vì muốn giành độc lập, và bất mãn với chế độ dân chủ tư bản, mà “hãy tạm thời theo họ đến khi giành được độc lập, rồi sẽ chống lại họ sau!”

Đến bây giờ, tuy đường lối vẫn chưa có đường lối nào được công nhiên áp dụng, chúng ta ít lắm cũng có thể nói rằng chính cái ý chí cải tiến xã hội, bị “gọi nhầm” là cách mạng vẫn còn cho phép chúng ta chống Cộng sản thắng lợi. Hoàng Đạo là một trong những người phát huy, và phát huy tới độ cao nhất cái ý chí ấy, cho nên tôi xin các bạn đọc thân mến cho phép tôi gọi Hoàng Đạo là một trong những vị tổ sư của công cuộc cách mạng xã hội mà, dù muốn dù không, chúng ta đang thực hiện.

(10-6-LXVIII)

Trích từ tạp chí VĂN số đặc biệt về Hoàng Đạo, xuất bản tại Sài Gòn năm 1968.

(1) Hoàng Đạo, Mười Điều Tâm Niệm, nhà sách Khai Trí xuất bản, giấy phép xuất bản đề năm 1961, trang 16 (dòng 2 đến dòng 6), và trang 17 (dòng 5 đến dòng 7).

(2) Các điều tâm niệm thứ 1 và 2: THEO MỚI, TIN Ở SỰ TIẾN BỘ

(3) Điều tâm niệm thứ 3: SỐNG THEO MỘT LÝ TƯỞNG.

(4) Các điều tâm niệm thứ 5, 7, 9, 10: LUYỆN TÍNH KHÍ, LUYỆN LẤY BỘ ÓC KHOA HỌC, LUYỆN THÂN THỂ CƯỜNG TRẮNG, CẦN CÓ TRÍ XẾP ĐẶT.

(5) Xin xem trong cuốn Mười Tình Mầu Hoa Đào, in lần 1, Giao Điểm, Sài Gòn, 1964.

(6) LTS. – Thật ra là lời khai của anh lính “... chúng con có khổ thì chúng nó cũng có ạ” trước quan tòa. Xin đọc bài DUYÊN NỢ trong Trước Vành Móng Ngựa.

Phụ bản

Hoàng Đạo (1907-1948)

Tên thật: Nguyễn Tường Long, là một nhà văn trong nhóm Tự Lực văn đoàn. Ngoài bút danh Hoàng Đạo, ông còn có những bút danh khác: Tứ Ly, Tường Minh.

Đi học

Hoàng Đạo, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1907 tại phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, trong một gia đình công chức, gốc quan lại đã đến hồi sa sút.

Cha ông là Nguyễn Tường Nhu (1881-1918) làm Thông phán và mẹ là bà Lê Thị Sâm, con gái cả viên quan võ Lê Quang Thuật ở Cẩm Giàng (Hải Dương).

Hoàng Đạo là người con thứ tư trong một gia đình gồm sáu trai, một gái. Trừ người anh cả Nguyễn Tường Thụy, là công chức, từ người anh thứ hai Nguyễn Tường Cẩm đến Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh)... Nguyễn Tường Vinh (Thạch Lam) và người em út là bác sĩ Nguyễn Tường Bách, đều đã ít nhiều dục vào nghiệp văn chương.

Khi ông chào đời, được cha đặt tên là Tứ (cho thuận vì trước đã có Tam [Nguyễn Tường Tam]), nhưng sau nghĩ lại, mới thấy cái tên này trùng tên người bạn thân của mình, nên gọi chệch là Tư (Nguyễn Tường Tư). Sau vì ông không đủ tuổi để đi thi, gia đình đã khai thêm bốn tuổi (thành ngày 3 tháng 4 năm 1903 trên giấy khai sinh) và đổi tên lại là Nguyễn Tường Long. Lúc nhỏ, Hoàng Đạo đi học ở trường huyện Cẩm Giàng. Hết bậc tiểu học, Hoàng Đạo bị ốm nên tự học tại nhà. Năm 1924, ông đậu bằng Cao đẳng tiểu học Pháp, được bổ làm Tham tá ngân khố Hà Nội.

Tiếp tục học, ông đỗ bằng Tú tài Pháp năm 1929. Năm sau, ông thi vào trường Luật Đông Dương tại Hà Nội. Tốt nghiệp với tám bằng Cử nhân luật, ông được bổ làm Tham tá lục sự Tòa án Đà Nẵng rồi Hà Nội.

Theo Khúc Hà Linh, Hoàng Đạo học luật được một năm, thì có lệnh cử đi làm Tri huyện. Nhưng sau khi nghe mẹ lời khuyên, ông đã khéo từ chối[3].

Viết văn, làm báo, tham gia chính trị

Làm công chức ít lâu, năm 1932, Hoàng Đạo bước sang lĩnh vực báo chí. Khởi đầu, ông viết cho tờ Phong hóa của Nguyễn Tường Tam, rồi cùng với người anh này và Khái Hưng chủ trì bút nhóm Tự Lực văn đoàn.

Trên báo Phong hóa, ông lấy bút hiệu là Tứ Ly, chuyên viết những bài đả kích và châm biếm giới quan lại và bài trừ hủ tục trong xã hội Việt Nam. Năm 1936, tờ Phong hóa bị đóng cửa vì ông viết bài động chạm đến Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu.

Năm 1938, ông cho xuất bản tác phẩm đầu tay: Trước vành móng ngựa, gồm những bài phóng sự đã đăng trên báo Phong hóa.

Năm 1939, Nguyễn Tường Tam thành lập đảng Hưng Việt (sau đổi tên là đảng Đại Việt Dân Chính). Vì đảng chủ trương công khai chống Pháp và lật đổ triều đình Huế, cuối năm 1940, Hoàng Đạo, Khải Hưng, Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt và bị đày lên Sơn La. Mãi đến năm 1943 Hoàng Đạo mới được thả nhưng vẫn bị quản thúc tại Hà Nội.

Trong thời gian đó, Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách tiếp tục quản trị tờ Ngày Nay đến cuối năm 1941, mới bị đóng cửa. Năm 1942, Nhất Linh chạy sang Quảng Châu, Thạch Lam mất tại Hà Nội.

Theo lệnh của Nhất Linh từ Trung Quốc gửi về, Hoàng Đạo cùng Khải Hưng, Nguyễn Gia Trí và Nguyễn Tường Bách lo tục bản tờ Ngày nay (khổ nhỏ, số đầu tiên ra ngày 5 tháng 3 năm 1945) và trở thành cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Việt Minh nắm chính quyền. Ngày 25 tháng 8 năm 1945, vua Bảo Đại thoái vị. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập.

Ngày 2 tháng 3 năm 1946 Chính phủ liên hiệp ra đời. Sau đó, Hoàng Đạo được bổ sung (không qua bầu cử) làm đại biểu Quốc hội khóa I, được cử giữ chức Bộ trưởng kinh tế một thời gian ngắn (sau kỳ họp thứ nhất của Quốc hội, ngày 2 tháng 3 năm 1946, thì Chu Bá Phượng lên thay).

Một lần được cử lên Vĩnh Yên giải quyết việc một vụ gây rối, Hoàng Đạo đã tìm cách sang Trung Quốc. Ngày 22 tháng 7 tháng 1948, trên chuyến xe lửa từ Hương Cảng về Quảng Châu, khi vừa tới ga Thạch Long, Hoàng Đạo bị đột quy rồi mất, lúc 42 tuổi.

Thi hài ông được gia đình an táng tại thị trấn Thạch Long (Trung Quốc).

Năm 1933, được một người bạn của mẹ làm mối, ông lập gia đình với Marie Nguyễn Bình (1913-1975), con gái một quả phụ khá giả. Ông và vợ sống hạnh phúc và có cả thảy bốn người con (ba gái và một trai).

Tác phẩm

- *Trước vành móng ngựa* (phóng sự, 1938)
- *Mười điều tâm niệm* (luận thuyết, 1939)
- *Bùn lầy nước động* (luận thuyết, 1940)
- *Con đường sáng* (tiểu thuyết, cùng viết chung với Nhất Linh, 1940)
- *Tiếng đàn* (tập truyện ngắn, 1941)

Sách viết cho thiếu nhi (loại sách hồng):

- *Con cá thần*
- *Lan và Huệ*
- *Con chim di sừng*
- *Sơn Tinh*
- *Lên cung trăng*

Tất cả các sách trên đều do Nxb Đồi Nây (Hà Nội) thuộc *Tự Lực văn đoàn* ấn hành.

Nhận xét

Về tác giả

Hoàng Đạo từng được bổ làm Tri huyện, với mức lương 140 đồng, nhưng ông đã từ chối. Ngày còn làm Tham Tá lục sự tòa án Đà Nẵng, có người cùng sở muốn làm mối cho ông một cô gái Huế, con một vị Hồng lô tự khanh rất có vị thế, nhưng ông cũng không ưng... Sau này, khi ông tham gia chính trị, thì anh em và đồng chí đều nể Nhất Linh, nhưng quý Hoàng Đạo, bởi ông mới là người mưu lược. Khi nhận được tin Hoàng Đạo mất, những người thân đã nói rằng: “Hoàng Đạo không còn, nhất định Nhất Linh sẽ từ bỏ chính trị”. Quả như vậy. Về nước gần mười năm (1950-1959), Nhất Linh xa lánh chính trị, tập trung vào việc viết sách báo, vui với thiên nhiên hoa cỏ...

Về tác phẩm

Trích đáng giá của:

- Nhà văn Vũ Ngọc Phan:
*Tiểu thuyết luận đề của Nhất Linh đều có khuynh hướng về gia đình... còn tiểu thuyết của Hoàng Đạo có khuynh hướng xã hội. Tác phẩm đầu tay của ông (Trước vành móng ngựa), làm người đọc vừa phì cười vừa thương tâm. Quyển Con đường sáng có những ý hay, nhưng tác giả quá thiên về tả cảnh... Những nhân vật không có những ngôn ngữ và hành động sâu sắc, nên cá tính của họ không được rõ...
...Hoàng Đạo là một nhà văn sở trường về nghị luận, về châm biếm hơn là về tiểu thuyết. Ở hai loại trên, ông phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn, còn loại tiểu thuyết ông không được giàu tưởng tượng cho lắm...*
- Nhà nghiên cứu Văn Tâm:
"Trước vành móng ngựa", là tập phóng sự đặc sắc về tòa án. Tuy tác giả không mấy quan tâm đến "luận đề", nhưng sự thật giản đơn được chọn lọc phản ánh, lại tự nói lên ý nghĩa sâu xa của nó, từ đó có khả năng thuyết phục độc giả một cách thấm thía về hiện thực dân sinh và dân trí bi đát đương thời...

Với "Mười điều tâm niệm", Hoàng Đạo có hoài bão hướng dẫn lẽ sống đúng đắn cho thanh niên... Và chủ trương trong quyển này đã được tác giả hình tượng hóa qua cặp nhân vật nam nữ Duy và Thơ trong tiểu thuyết "Con đường sáng". Duy, sau một thời gian chơi bời, đến khi chán nản muốn tự sát, thì bỗng giác ngộ ra được "con đường sáng"... Cụ thể là lẽ sống của thanh niên tân tiến là nhẫn nại mưu tính cho giới bình dân có được một cuộc đời êm đẹp. Duy kết hôn với Thơ, một thiếu nữ có tâm hồn thanh cao, rồi cùng về nơi "bùn lầy nước đọng" cứu giúp đám nông dân nghèo khổ, thất học và bệnh tật... Nhưng cuối cùng công cuộc cải lương hương xã của họ đã thất bại... "Con đường sáng" có lỗi vẫn trong trẻo, đôi chỗ trừu tượng. Tác giả chưa dựng những nét hiện thực, nhưng các hình tượng nhân vật thì còn mờ nhạt, ít gây ấn tượng sâu sắc...

Nguyễn Mạnh Côn

Nguyễn Mạnh Côn (1920-1979), là nhà văn Việt Nam trước 1975. Ngoài tên thật, ông còn ký bút danh: Nguyễn Kiên Trung, Đằng Vân Hầu.

Tiểu sử

Nguyễn Mạnh Côn sinh ngày mùng 7 tháng 5 năm Canh Thân (1920) tại Hải Dương, nhưng cư ngụ ở Hà Nội. Thuở nhỏ, ông học ở Hà Nội. Năm 1939, ông cộng tác với báo Đông Pháp, và sau đó (1945) là báo Thống nhất. Có nguồn[1] nói rằng năm 1942-1943, ông cũng từng là sĩ quan trong quân đội Nhật Bản, khi đội quân này đổ bộ vào Bắc Kỳ vào tháng 9 năm 1940.

Năm 1949-1950, Nguyễn Mạnh Côn làm nhân viên Trường võ bị Trần Quốc Tuấn (nay là Trường Đại học Trần Quốc Tuấn, hay còn gọi là Trường Sĩ quan Lục quân 1) ở Sơn Tây.

Năm 1951, ông hồi cư về Hà Nội, rồi đi dạy học tư.

Năm 1954, ông di cư vào Nam làm việc ở Đài phát thanh Sài Gòn. Sau đó, ông còn viết sách và làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút báo Chỉ đạo (1956-1961), Chủ bút báo Văn Hữu, đồng thời cộng tác với các báo, như: Tia sáng, Tin mai...

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Mạnh Côn bị chính quyền mới bắt đi học tập cải tạo, và mất ngày 1 tháng 6 năm 1979 khi còn ở trong trại (theo website Văn Chương Việt)[2]. Tuy nhiên, trên trang Vietgle thì ghi ông mất năm Canh Thân (1980) [3].

Tác phẩm chính

Việt Minh, Người Đi Đâu? (1957) - Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử (1958)

Kỳ Hoa Tử (1960) - Truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn (1960)

Tính giấu nhại và tinh thần hậu hiện đại trong những tác phẩm chưa xuất bản của Hoàng Đạo Đặng Thơ Thơ

cám ơn nhiếp ảnh gia Nguyễn Trọng Hiền, nhờ anh mà tôi tìm lại được con người và các tác phẩm của Hoàng Đạo (trên Phong Hóa-Ngày Nay)

Hoàng Đạo thường được nhắc tới như lý thuyết gia của Tự Lực Văn Đoàn (TLVD), linh hồn chống đối của Phong Hóa và Ngày Nay (PH_NN), ngòi bút vô úy trong đấu tranh cách mạng (Võ Hồng, 37-38). Tuy vậy, viết và nghiên cứu về Hoàng Đạo không dễ, vì công việc này đòi hỏi một cách tiếp cận khác với những người viết khác trong TLVD: nghĩ đến Nhất Linh, Khái Hưng, hay Thạch Lam, chúng ta thấy họ là nhà văn, nghĩ đến Thế Lữ, Tú Mỡ, hay Xuân Diệu, chúng ta biết họ là nhà thơ. Khi nghĩ về Hoàng Đạo, chúng ta khó quy về một mặt, một thể loại, một khuynh hướng để chỉ dựa trên đó mà nhận định đầy đủ, khách quan, và công bằng về ông. Trong quá trình thực hiện một vài chuyên đề về Hoàng Đạo, tôi “khám phá” ra ông như một trí thức đa diện: nhà báo, nhà văn hóa, nhà tư tưởng, nhà văn hiểu theo nghĩa rộng, nhà cách mạng xã hội, dựa trên những gì ông đã viết ra không ngưng nghỉ trong thời gian làm PH-NN, trong đó ông đóng vai trò chủ lực về đường lối và chủ trương vận động xã hội, văn hóa, chính trị với mục tiêu là cách mạng giải phóng Việt Nam khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp. Cùng với Nhất Linh và Khái Hưng, Hoàng Đạo là một trong những nhà văn dẫn thân nhất của TLVD. Các bài viết của ông phần lớn thuộc thể loại biên khảo và tiểu luận, nội dung của các bài viết đòi hỏi sự can đảm, lòng yêu nước, và kiến thức uyên bác, mang tính tranh đấu và đối đầu trực diện với thực dân Pháp, mang tính giáo dục quốc dân và truyền bá những tư tưởng cấp tiến, để trang bị kiến thức chính trị xã hội và tạo tinh thần cách mạng cho thanh niên thời ấy. Trong thời gian làm Phong Hóa (từ số đầu ngày 16/6/1932 đến số cuối 190 ngày 5/6/1936), ông phụ trách các mục Người Và Việc, Từ Nhỏ Đến Lớn, Từ Cao Đến Thấp. Cùng thời gian này ông còn viết Trước Vành Móng Ngựa, Những Cuộc Điều Tra Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu, và Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, là những thể loại khác mà tôi sẽ trình bày sau trong phần nhận định ông như một nhà văn đương đại.

Hoàng Đạo là cây viết đảm trách phần chính luận về nội dung và đường hướng của tờ Ngày Nay từ 30 tháng 1, 1935 đến số cuối cùng 6 tháng 8, 1940. Chúng ta thấy HĐ luôn luôn thực hiện một công trình dài hơi nào đó dần trải qua phần tiểu luận trong suốt 224 số báo, bên cạnh các mục thường xuyên Người và Việc, Từng Tuần Lễ Một, và Ngày Nay Trào Phúng. Ông đi từ Mười Điều Tâm Niệm viết cho tầng lớp thanh niên, Vấn Đề Cần Lao nhận định về thực trạng lao động dưới chế độ Pháp thuộc, Chính Trị và Đảng Phái giới thiệu và phân tích các chế độ và chủ nghĩa chính trị cách mạng trên thế giới, Công Dân Giáo Dục hướng dẫn bổn phận và nghĩa vụ của một người dân trong xã hội vừa trong tư cách một công dân thế giới, Thuộc Địa Ký Ước là một bản cáo trạng xác thực về chủ nghĩa và chế độ thực dân. Có Cứng Mới Đứng Đầu Gió là loạt bài cuối cùng của Hoàng Đạo về các vấn đề luật pháp trong xã hội Việt Nam thời đó. Trong loạt bài này ông lấy bút hiệu Tường Vân, từ Ngày Nay số 200 đến số cuối cùng 224. Riêng trường hợp cuốn Bùn Lầy Nước Động, năm 1938 vừa xuất bản đã bị Chính Phủ Thuộc địa Pháp ra lệnh thu hồi, cấm tàng trữ và lưu hành vì nội dung cấp tiến bị coi là nguy hại cho chế độ thực dân Pháp. Tất cả những công trình vừa kể, trừ Mười Điều Tâm Niệm và Bùn Lầy Nước Động, đều chưa được xuất bản vì Ngày Nay bị đóng cửa sau số báo ngày 7 tháng 9, năm 1940 và cuối năm đó Hoàng Đạo bị Pháp bắt giam và đưa đi an trí tại Vụ Bản. Ông bị tra tấn bằng nhiều cực hình dã man và đây có thể là nguyên nhân dẫn đến cái chết trẻ ở tuổi bốn mươi hai của một người trước đó khỏe mạnh và có nếp sống mẫu mực điều độ. Với vai trò đầu não trong TLVD và PH-NN, những công trình nghiên cứu về ông không nhiều. Tôi chỉ được biết số chuyên đề về Hoàng Đạo do tạp chí Văn thực hiện năm 1968 tại Sài Gòn, cuốn Hoàng Đạo-

Nhà Báo- Nhà Văn của tác giả Vu Gia (nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1997), và chuyện đề Hoàng Đạo do Tạp Chí Thế Kỷ 21 thực hiện, số 199, tháng 11 năm 2005 ở California. Tôi cho rằng vì những nguyên do sau:

1. Phần lớn những công trình của HĐ chưa được xuất bản. Tất cả vẫn còn nằm trong mấy trăm số báo Phong Hóa-Ngày Nay, cho đến gần đây mới được số hóa và công bố trên mạng.
2. Khi nhận định về HĐ, theo nhà văn Thế Uyên trong bài viết “Độc và Đặt Lại Vị Trí Hoàng Đạo” (74), phần lớn những người viết đều chỉ biết tới hay chỉ coi trọng con người HĐ nhà văn, và lơ là con người HĐ toàn diện. Theo nhà phê bình Thụy Khuê, phần lớn những nhận định về Hoàng Đạo trong nước được viết theo “kiểu phê bình thành kiến, xây dựng trên thành kiến của một người khác” (30), bắt nguồn từ việc đánh giá đầy thiên kiến của Vũ Ngọc Phan, và sau đó được Nguyễn Văn Xuân trên tạp chí Văn 107&108 và Văn Tâm trong cuốn Từ Điển Văn Học dựa trên đó viết tiếp hay sao chép, là một thí dụ điển hình.
3. HĐ xử dụng hầu như tất cả những thể văn: nghị luận, biên khảo, ký sự, sáng tác, châm biếm, giễu nhại. Trong khi đó, khuynh hướng chung khi nhìn Tự Lực Văn Đoàn, là nhìn về mảng tiểu thuyết, và thơ mới. Vì vậy chỉ có hai cuốn Con Đường Sáng và Tiếng Đàn của ông được kể vào thể loại sáng tác. Trong bài viết này, tôi sẽ không khảo sát Con Đường Sáng, là cuốn truyện dài HĐ viết tiếp sau khi Nhất Linh đã hoàn tất một vài chương đầu, lý do là vì cuốn truyện này vẫn theo hình thức chung của tiểu thuyết TLVĐ.
4. Những sáng tác khác của HĐ không nằm trong khuynh hướng tiểu thuyết thông thường của TLVĐ. Trong Hậu Tây Du, Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu, ngôn ngữ chủ đạo của HĐ là trào phúng, giễu nhại, và châm biếm. Một lý do nữa, tuy không hiển hiện, nhưng có thể cảm nhận, là cách các nhà phê bình Việt Nam nhìn về thể loại châm biếm, trào phúng, giễu nhại trong văn học, coi nhẹ thể loại sáng tác này. Đây là một điểm khác với cách văn học Tây Phương trong cách nhìn và đánh giá thể loại giễu nhại hài hước. Vào thời điểm của TLVĐ, những tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng đã định hình một khái niệm chung thế nào là tiểu thuyết, và đã hình thành những nguyên tắc chung về cấu trúc, chất liệu, bố cục, nhân vật. Những thứ HĐ viết mà tôi sẽ phân tích sau đây không thuộc vào dòng tiểu thuyết đó. Tuy không thể bỏ qua giá trị tư tưởng và văn học trong những tác phẩm này, người đọc có thể gặp lúng túng khi tìm cách xếp loại chúng. Một trong những đặc tính, và cũng là bất lợi cho thể loại giễu nhại, là tác động của nó tùy thuộc vào sự nhìn nhận, ghi nhớ, và thấu hiểu những tác phẩm nguồn bị chúng giễu nhại, cả về phong cách lẫn diễn ngôn. Khoảng cách thời gian giữa công chúng đọc và tác phẩm giễu nhại càng xa thì việc dựng lại bối cảnh ra đời, mục tiêu, lẫn đối tượng bị giễu nhại càng thêm khó khăn. Điển hình là thời gian đã tạo ra những nứt rạn và mảnh vụn trong kiến thức người đọc đương đại về những vấn đề đặt ra trong những hài kịch cổ Hy Lạp của Aristophanes hay Euripides (Dentith 39). Ngoài ra, những bài châm biếm giễu nhại hay được nhìn như thể loại báo chí có tác động cấp thời hơn là một tiểu thuyết để nói lên những vấn đề lớn lao của con người và đời sống. Nhưng ở vào thời điểm hiện nay, trong bối cảnh văn học hậu hiện đại, tôi nghĩ chúng ta nên thử tìm ra một cách đọc mới về HĐ để có thêm một nhìn nhận khác hơn về những điều ông viết. Tôi sẽ tập trung vào việc phân tích và so sánh những tác phẩm chưa xuất bản (trừ Trước Vành Móng Ngựa) của HĐ trong tương quan với hình thức văn chương hậu hiện đại, cách vận dụng những chất liệu văn hóa đại chúng vào tác phẩm, và việc sử dụng thể loại giễu nhại hiện nay trong phim ảnh, tư liệu, và truyền thông truyền hình.

1. Các thuộc tính Hậu Hiện Đại trong những sáng tác chưa công bố của Hoàng Đạo:

Là một trào lưu, một phong cách, hậu hiện đại và khái niệm giễu nhại ở đây bao gồm việc nhái lại, dưới nhiều hình thức, các tác phẩm văn hóa hay nghệ thuật khác, bao gồm nhưng không giới hạn trong kiến trúc, âm nhạc, kịch nghệ, văn chương. Việc nhái lại này mang tính hài hước hoặc châm chọc, thông qua cách xử dụng ngôn ngữ, văn phong, hay dựng lại cốt truyện và nhân vật phỏng theo những văn bản trước đó. Giễu nhại và châm biếm, bàn về những vấn đề trọng đại hay phù du, mang trong nó bản chất hiện sinh, thể hiện qua nhiều hình thái nghệ thuật, từ Dada và Pop Art trong tạo hình, đến âm nhạc của Erik Satie và Moussorgsky, đến múa

hiện đại của Myra Kinch, cho đến các show truyền hình sitcom, cartoon, cho đến điện ảnh như các phim tài liệu của Michael Moore chẳng hạn. Việc xếp loại châm biếm và giễu nhại là một định nghĩa mở cho bất cứ những vấn đề nào mang thông điệp về con người và chính kiến, kể cả tranh vẽ trên đường phố (graffiti), những cuốn niên giám sự kiện thế giới (almanac), những ghi chép trong văn phòng, những liên hoan phim giễu nhại (Mock Festivals).

Đặc tính của văn chương hậu hiện đại là sự pha trộn nhiều thể loại, văn bản không bị đóng trong một thể loại cố định, văn bản mang tính phân tán, phân mảnh, nội dung văn bản mang tính nước đôi hay đa nghĩa, và đặc biệt là tính liên văn bản trong tác phẩm – trong đó sự quy chiếu với những văn bản trước đó trong quá khứ đóng một vai trò đáng kể. Các tác phẩm hậu hiện đại xử dụng nhiều thông tin và tự sự trong văn hóa đại chúng, nhiều khi xử dụng những yếu tố này theo cách rất thẳng dư, lạm phát, và bất định, dẫn đến việc tác phẩm không có một kết thúc rõ ràng. Ngoài ra, giễu nhại mang tính cách chủ đạo trong việc quy chiếu đến những văn bản khác. Có thể kể những tác phẩm hậu hiện đại xử dụng giễu nhại và liên văn bản như *Possession* của Antonia Byatt (1990), *The Cure for Love* của Jonathan Bate (1998), *Oscar and Lucinda* của Peter Carey (1988), *The British Museum is Falling Down* của David Lodge (1965), và nhiều tác giả khác theo phong cách này như Umberto Eco, John Fowles, Jonathan Coe, Alasdair Gray, John Barth, vv... Mặc dù có những khác biệt, các tác phẩm vừa kể đều mang một đặc tính chung là việc xử dụng lại những sản phẩm văn hóa hay/và văn học trước đó trong quá khứ, và cho thấy tính liên tục và cùng lúc khoảng cách giữa những tác phẩm hay sự kiện văn hóa được quy chiếu lúc đó với chính bản thân tác phẩm hậu hiện đại (Dentiith 164).

2. Hậu Tây Du và Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, tính liên văn bản, vận dụng văn hóa đại chúng, và tinh thần giễu nhại:

Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa (PH số 131 – PH số 138) ít được nhắc đến vì Phong Hóa bị đóng cửa sớm vào năm 1936. TQCDN xử dụng hình thức liên văn bản dựa trên một tác phẩm rất phổ cập trong văn hóa đại chúng và thêm thắt nhiều yếu tố thời sự chính trị, dẫn đến nhiều cách và nhiều tầng đọc khi tiếp cận văn bản. Việc đọc một tác phẩm liên văn bản thú vị ở chỗ nó mở ra nhiều thời gian chồng lấp trong một không gian, nhiều thứ văn hóa tương tác và nhiều lớp ngữ nghĩa trên một không gian truyện. Trong TQCDN, HĐ cho những nhân vật được “tôn sùng” như Lưu Bị, Quan Công, Khổng Minh hành xử một cách trẻ con ấu trĩ như một cách lật đổ những thần tượng văn hóa Trung Hoa khỏi tâm thức Việt. Cuối truyện ông dựng cảnh Tôn Phu Nhân đi chơi với Lưu Huyền Đức bằng một kỹ thuật “phá rối” ngôn ngữ:

“Trong khoang thuyền, Tôn Phu Nhận tựa đầu lên vai Huyền Đức mà cất tiếng hát du dương: Nói với tôi ái tình...”

Lại nói với tôi những cái đồ mềm...

Bài hát ấy truyền tụng đến tận bây giờ. Có người Pháp thấy hay, phổ vào đàn tây và dịch ra rằng:

Parlez-moi d’amour...

Recitez-moi des choses tenders...”

Vì khoảng cách thời gian, tôi không chắc nguyên nhân dẫn đến đoạn giễu cợt này. Tham khảo ý kiến của nhà phê bình Thụy Khuê, tôi được giải thích có lẽ HĐ “muốn chế Ngô Tất Tố; vì lúc đó cụ Tố là cụ đồ nho, hay bị chế giễu là không biết chữ Tây, mà nhóm Ngô Tất Tố là nhóm đối lập với TLVĐ, hoặc cũng có thể HĐ muốn chế Phạm Quỳnh, là người mà ông cho là cứng nhắc; không có tình cảm, nên thay vì dịch des choses tendres là những lời êm ái, thì lại dịch sát nghĩa là những cái đồ mềm.” Ngay cả khi không thể chắc chắn đối tượng của việc giễu cợt này, rõ ràng khái niệm dịch thuật ở đây đã bị “đánh phá” trong tinh thần hậu hiện đại: trên thực tế, một bài hát tiếng Tây dịch lủng củng sang tiếng Ta, nhưng trong văn bản lại là nguyên tác tiếng Việt rồi người Pháp phổ nhạc và dịch sang tiếng Pháp. Đây là tinh thần mập mờ, nước đôi, đa nghĩa, dùng ngôn ngữ Việt xâm nhập vào ngôn ngữ Pháp, khuấy rối ngôn ngữ của kẻ mạnh bằng tinh thần giễu nhại, châm biếm, trào phúng của trí thức yêu nước Việt Nam. Đặt tiếng Việt

song song và ngang hàng với tiếng Pháp, Hoàng Đạo muốn giễu cợt những kẻ sinh tiếng Pháp cho ra dáng trí thức, cũng như những người tôn sùng thái quá vào văn hóa Trung Hoa. Vì ngay sau đó Hoàng Đạo kết thúc truyện bằng

“Lời bàn của nhà sử ký Trần Trọng Kim

“Có người bảo, truyện Tam Quốc đến đây chưa kết liễu, Khổng Minh còn phò tá Lưu Bị lấy Ích Châu, chia ba thiên hạ làm ra thế chân vạc. Nhưng đó là sự hoang đường, không đáng tin. Việc xảy ra đã mấy ngàn năm về trước, như câu truyện Sơn Tinh Thủy Tinh, câu chuyện móng rùa của An Dương Vương, và câu chuyện Lưu Huyền Đức lấy Thục đều là những truyện không căn cứ, không đáng những học giả như tôi và các vị để ý đến.” (PH 138, 1/3/1935)

Có thể đặt câu hỏi rằng: chuyện Khổng Minh phò Lưu Bị chiếm Tứ Xuyên lập nước Thục là có thật, không hiểu tại sao HĐ lại viết như thế?

Xem xét lại cấu trúc của TQCDN, mỗi chương lại có lời bàn của những nhân vật đương thời (thay vì Kim Thánh Thán) như Nguyễn Tiến Lãng, Dương Bá Trạc, ông Chánh Ngọt, Trần Trọng Kim, cô Nguyễn thị Kiềm, vv..., có thể nói rằng đây là một sự chắt vắn và lật đổ những giá trị Khổng giáo được dùng làm khuôn vàng thước ngọc cho dân Việt. HĐ dùng gậy ông đập lưng ông, xử dụng chính hình thức văn hóa đại chúng để xâm nhập cách nhìn đại chúng. Việc vận dụng hình thức kể chuyện gắn chặt với mục tiêu của nội dung là một đặc điểm của văn chương hậu hiện đại, trong đó việc đọc nội dung một văn bản không thể tách rời khỏi việc quan sát hình thức, cấu trúc, và kỹ thuật dựng truyện của tác giả trên văn bản đó. Sự (làm ra) mơ hồ trong lời bàn về lịch sử của Trần Trọng Kim là một cách đặt vấn đề về tính tương đối của mọi kiến thức, trong đó có khái niệm lịch sử luôn luôn là một cách diễn dịch lại, không phải và không bao giờ là một chân lý. Đây cũng là thuộc tính của hậu hiện đại, chống lại những giá trị được coi là xác thực, giữ vị trí trung tâm, và là hệ quy chiếu trong một trật tự mang tính áp chế của quyền lực.

Đọc Hậu Tây Du, điều đầu tiên đập vào ý thức người đọc là tính nước đôi của văn bản. HĐ dùng chính văn phong của Hậu Tây Du để kể hành trình sự nghiệp của Phạm Quỳnh từ lúc làm báo Nam Phong đến khi vào Huế nhận chức Lai Bộ Thượng Thư của triều đình. Lời mở đầu của HTD như sau:

“Thay lời tựa

Có người hỏi: tại làm sao lại có chuyện Hậu Tây Du này?

Xin trả lời rằng:

Ngày xưa, Tề thiên Đại thánh cùng hai sư đệ phò Đường-Huyền-Trang đi lấy Kinh, trải qua bao nhiêu sự hiểm trở gian nan mới thành công quả. Người đời nhân đó mới đặt nên chuyện Tây Du, kỳ kỳ quái quái.

Ngày nay, Phạm Quỳnh tiên sinh, tuy phép thần thông không được bằng Đại-Thánh, náo động thiên đình, ăn trộm được tiên đan, nhưng cũng có lắm điều sở đắc, cũng đã có phép hô được quốc tiên quốc túy, cũng đã từng nhẩy vô Hoàng Cung, đội mũ đi hia, và kể về mặt mũi hình dung thì còn xinh đẹp hơn Tôn ngộ Không nhiều.

Thế cho nên, Phạm tiên sinh phò Hoàng Hậu vượt biển như Tây, khó nhọc vất vả ra sao, mắt thấy tai nghe những gì, mơ ước nghĩ ngợi thế nào, chắc là còn kỳ kỳ quái quái gấp trăm gấp nghìn những sự kỳ quái trong chuyện Tây Du.

Nhân đó, mới đặt ra chuyện Hậu Tây Du này vậy.”

Với Hậu Tây Du, Hoàng Đạo đã phần nào trình bày chủ trương của Tự Lực Văn Đoàn (TLVD) là dùng tinh thần hài hước để đả kích người và việc thời ấy. Đả kích quan lại và hệ thống quan trường là một trong những mục tiêu của TLVD, và riêng trường hợp HĐ, năm 1935 ông đã được bổ nhiệm làm tri huyện nhưng từ chối, chọn cách sống đúng như điều tâm niệm thứ 8: “Cần Sự Nghiệp, Không Cần Công Danh.” Xin mở ngoặc là điều tâm niệm này được đưa ra để chống lại lòng ham muốn làm quan của thanh niên và trí thức thời đó. Bởi vì làm quan trong tình thế đất nước như vậy làm việc cho chính quyền bảo hộ và là một hình thức tay sai ngoại

bang (Thế Uyên, 80). HĐ đã phê phán trường hợp Phạm Quỳnh một cách rất tiên tri: “Nhưng nên nghĩ rằng ông Quỳnh có để tiếng lại về sau, sẽ không bao giờ vì ông đã thành một trong tứ trụ triều đình, mà sẽ nhờ đời văn chương của ông mà ông đã từ bỏ.” Khi viết như vậy, ta nên hiểu rằng HĐ đã lấy làm tiếc cho PQ, và sự châm chọc nhân vật Thượng Chi (tức Phạm Quỳnh), không xuất phát từ cảm tính cá nhân, vì HĐ và TLVĐ châm chọc tất cả những gì họ xét rằng đi ngược với trào lưu tiến bộ và cuộc vận động cách mạng xã hội của họ. Đối tượng giễu nhại không phải nhân vật PQ, mà là lý tưởng ông chọn lựa và đề xướng, trực tiếp hay gián tiếp. Trên đường tâm sự học đạo để được làm quan, được đội mũ cánh chuồn, Thượng Chi gặp một người mắt xanh như mắt mèo ở bên Tây Phương sang, tự xưng là Mạc Tiên Chân Nhân (một phúng dụ của HĐ về thực dân Pháp). Thượng Chi khẩn khoản được người mắt xanh thu nhận làm đệ tử. Và đây là thử thách đầu tiên mà Thượng Chi phải trải qua:

“Kỳ nhân vội vàng đến gần cung kính chìa hai tay ra. Người mắt xanh bèn khạc vào tay kỳ nhân một miếng đờm lớn rồi mỉm một nụ cười chế nhạo:

- Đấy! Phép tiên của ta chỉ có thế, nhà ngươi có thích thì nuốt đi.

Phạm kỳ nhân định nhỡn nhìn bãi đờm, rệt mình kinh hãi. Bãi đờm màu xanh, nổi lên những tia màu đỏ thắm, kể người thường trông thấy hẳn phải lợm giọng, dẫu ai bảo nuốt xong là thành tiên phật cũng không dám bỏ vào miệng. Nhưng kỳ nhân không phải là người thường, cố giương mục kính để ngắm kỹ của vưu vật ấy. Thì bỗng mục kính hóa ra cặp kính hiển vi, và dưới cặp kính đó, bãi đờm hóa to lên gấp bốn năm trăm lần.

Không hay cảm động như kỳ nhân cũng đâm ra hoảng hốt. Vì trong bãi đờm, kỳ nhân trông rõ từng đám vi trùng lớn bằng những con dòi một, lổn ngổn bò ngang bò dọc. Kỳ nhân vội nhắm nghiền mắt lại, nhưng trước mắt, vẫn thấy hiện ra màu xanh rùng rợn của bãi đờm. Kỳ nhân buồn rầu mà nghĩ rằng:

- Ta bây giờ thật là khó xử. Nuốt ư? Không nuốt ư? Trời ơi! Biết làm sao đây.

Nhưng Kỳ nhân thấy trong tâm trí nảy ra ý tự kiêu rằng tình cảnh của kỳ nhân lúc ấy giống tình cảnh của các nhân vật của nhà kịch sĩ Corneille. Và một cuộc tranh đấu kịch liệt làm nao động linh hồn lớn lao của Kỳ nhân. Mặt Kỳ nhân lúc hồng hào, vui vẻ, lúc tái ngắt.

Bỗng Kỳ nhân nức nở khóc rằng:

- Nuốt ư? Sẽ phải tự hạ nuốt cục đờm đầy vi trùng ghê gớm, lờ ra mang hận suốt đời.

Rồi lại nức nở cười rằng:

- Nhưng nuốt đi sẽ được học đạo, sẽ thoát được cái xác thịt bạch đĩnh mà bay lên cao vót.

Đoạn, lại cười lên ba tiếng:

- Không nuốt ư? Sẽ khỏi phải chịu cái khổ nhục nuốt đờm.

Nhưng lại khóc luôn ba tiếng:

- Nhưng không nuốt thì cái công tìm thầy học đạo chẳng hóa ra uổng lắm ru.

Và Kỳ nhân nghĩ đến những người đời xưa đi tu tiên cũng phải chịu khổ nhục nuốt đờm. Kỳ nhân bèn cười một mắt, khóc một mắt, rồi lấy hết can đảm há miệng thật to như miệng cá ngỗng, ném tuột cục đờm vào miệng nuốt thật nhanh. Tức thì một thứ mùi kỳ dị xông lên, rồi kỳ nhân thấy bụng sôi lên sùng sục. Trong lúc ấy người mắt xanh hả hê lắm.

Phạm kỳ nhân nuốt xong, thấy thân thể tự nhiên trở nên nhẹ nhàng, rất lấy làm sung sướng, vội phủ phục trước mặt người mắt xanh. Người mắt xanh nín cười mà bảo rằng:

- Nhà ngươi có thể dạy được. Chịu khổ nhục đã khá lắm rồi. Miếng đờm nhà ngươi vừa nuốt, ta đã khổ công lấy khinh khí luyện cho đặc lại, nay vào trong bụng nhà ngươi sẽ làm cho thân thể biến ra nhẹ nhàng có thể bay lên cao được.”

(Ngày Nay số 170, ra ngày 15.7.1939)

Hậu Tây Du giễu những tranh luận và bút chiến giữa Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh qua những màn giao đấu rất ngoạn mục giữa Thượng Chi và Văn Vĩnh Tử: “hiến pháp chùy” đấu với “trực trị gươm”, cây gậy “quốc hồn phan” đấu với sợi dây “thực tế thừng”, “điều cay quốc túy” độ sức cùng “vòng âu tây tư tưởng”. Trước khi giao chiến Phạm Quỳnh còn niệm thần chú “có đồng đảng mới bình đẳng được.” Để hiểu tất cả những điều này người đọc cần quy chiếu

đến những gì đang xảy ra trong làng báo thời ấy và trong bối cảnh chính trị, văn hóa, xã hội đặc thù của Việt Nam vào giai đoạn được nhắc đến. Liên tiếp dùng hình thức giễu nhại và châm chọc, HĐ áp dụng văn phong Tây Du Ký và “sáng tác” ra những đạo pháp mà người mắt xanh muốn truyền thụ cho Thượng Chi bằng phương pháp chơi chữ, như Nông Tự Môn Trung, hay Bốc Tự Môn Trung. Cách chơi chữ gợi ý cho người đọc hình dung một cách diễn dịch khác của hai cụm từ, một cách diễn dịch mang tính tượng hình và tượng thanh đặc thù của ngôn ngữ Việt, “nong” và “bốc” mùi từ giữa miệng. Hay với phép đàng vân, Thượng Chi có thể nhảy cao và đi xa, một bước 600 km đi từ Hà Nội vào ngay Huế (làm quan cho triều đình).

HTD chỉ sống được có sáu số và bị kiểm duyệt số vào số 177. Chân dung Hậu Tây Du phần 5 trên Ngày Nay (số 177- ngày 2/9/1939) là một trang trắng lớn với 2 gạch chéo X. Cho đến bây giờ, không ai biết được HĐ định lái câu chuyện HTD về đâu. Phần kết truyện sẽ là một bí mật không giải đáp. Đồng thời gạch chéo X gợi ra những câu hỏi: Vì sao? Mức độ động chạm đến những nhân vật nào? Nếu chỉ là truyện giễu nhại thì có đáng bị kiểm duyệt đến thế, vì vốn “truyền thống” của nhóm Tự Lực Văn Đoàn vẫn là đả kích, giễu cợt, châm biếm? Có những thế lực nào cao hơn nhúng vào vụ này chăng? Chắc chắn Hậu Tây Du không chỉ là truyện giễu nhạo cho vui, căn cứ vào số phận mà kiểm duyệt dành cho nó, cũng như căn cứ vào những bài báo cùng thời gian ấy, cụ thể là bài viết của Thanh Tịnh về các Cuộc Tây Du, bài của Trạng Quỳnh Báo công kích việc ông Phạm Quỳnh vận động trở lại Hiệp Ước 1884; và bài nghị luận sắc sảo của Hoàng Đạo, phân tích mặt phản động của việc quay lại Hiệp Ước kể trên (xem chuyên đề Hoàng Đạo trên Da Màu). Theo Tú Mỡ: “... Lý do chính trị là lúc ấy cái chính phủ Nam triều cải tổ đang vận động để Pháp đình trở lại thi hành triệt để hiệp ước Pháp-Nam 1884 mà thực dân Pháp trong hơn 50 năm đã được đàng chân lân đàng đầu, cướp hết quyền lực về kinh tế, tài chính, quân sự, ngoại giao, đến nỗi cái triều đình Huế thực tế chỉ còn lại quyền cai quản đám mũ cánh chuồn, lũ lính sà cạp vàng, cúng tế tổ tiên nhà Nguyễn, tế Nam Giao, phong hàm cho công chức Annam, phong sắc cho bách thần... Bây giờ chính phủ bảo hộ muốn giờ trở lại dân để “Pháp-Việt đề huề”, cùng lo phòng thủ Đông Dương, trong lúc tình hình quốc tế thay đổi, gay go, phức tạp. Có những đế quốc mạnh hơn Pháp, như Đức, Nhật, Mỹ đang tranh giành thế lực với Pháp ở Đông Nam Á, đang thêm thường nhóm nhỏ miến mỗi Đông Dương béo bở. Cho nên Pháp phải gây lại uy tín cho triều đình Huế, hòng lấy lòng người Annam. Phong Hóa châm chọc vua Bảo Đại hồi loan, con cưng của Pháp, lẽ dĩ nhiên Pháp không thể để yên như trước” (Tú Mỡ, 32-33). Và như vậy, ẩn dụ nằm trong HTD là chống đối gián tiếp chính quyền thực dân đương thời. Mở đầu với một thông điệp mang tính nước đôi và kết thúc với một yêu cầu truy cứu liên văn bản (Tú Mỡ, Thanh Tịnh, Trạng Quỳnh Báo, nhận định sau đó của HĐ...), hành trình của Hậu Tây Du không đóng lại với các gạch chéo X, ngược lại nó là một chuyến viễn du thú vị qua nhiều chứng cứ thu thập được, như một câu hỏi nằm sau bề mặt giễu nhại. Việc thiếu vắng một kết thúc cụ thể càng làm tăng tính mờ, tính bất định của văn bản, một sáng tác mà đối tượng đả kích không hẳn là một cá nhân, mà là một chế độ, một quan niệm sống, và cả một hệ thống quan lại và thực dân liên kết lại. Kết thúc bằng một trang lớn bỏ trắng với hai gạch chéo, việc kiểm duyệt đục bỏ có lẽ, theo tôi, là kết thúc hay nhất và thích hợp nhất cho HTD. Nó nói lên tinh thần chống đối của HĐ và của TLVĐ, cho thấy tự do tư tưởng và tự do ngôn luận là những quyền TLVĐ không ngừng tranh đấu và cho đến tận bây giờ quyền ấy vẫn còn là một viễn tưởng xa vời trong xã hội Việt Nam.

3. Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu- phóng sự giả hay tiểu thuyết thật?

Kéo dài từ PH số 139 đến 159, mục tiêu của Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu (NCPVKTKH) là lật tẩy những nét giả dối, tiêu cực, và vô hiệu của chế độ quan trường, và đả phá những cách nghĩ đã bám rễ vào truyền thống văn hóa của người Việt. NCPVKTKH gồm 3 phần: Đi Thăm Mũ Cánh Chuồn phỏng vấn giới quan lại từ thượng thư Phạm Quỳnh đến tổng đốc Vi Văn Định và tổng đốc Hoàng Trọng Phu (sau hai bài phỏng vấn hai vị tổng đốc này thì PH bị đóng cửa mất 3 tháng). Đi Thăm Mũ Ni là cuộc điều tra các chùa chiền như chùa Quán Sứ, chùa Bà Đá. Đó cũng là thời gian PH tường thuật nhiều tin không hay về tăng giới như thầy

tu ăn thịt, làm tiền bằng cách bán thuốc phiện lậu, lấy tiền phật tử nhờ lên đồng, xuống xóm chị em bị bắt quả tang, sư có vợ, vợ sư có chùa, ở chung với sư trong chùa, vv.. qua những bài phóng sự của Trọng Lang. Đi Thăm Mũ Giáy là cuộc phỏng vấn những người đã chết, trong đó có Khổng Tử, Đức Phật, và Diêm Vương. Qua những cuộc đối thoại này, HĐ chất vấn giá trị của đạo Khổng, tính cách tiêu cực chịu đựng của đạo Phật, và những ý tưởng mê tín về đời sống sau cái chết. Đoạn đối thoại với Diêm Vương giễu nhại tính luân lý của sự trừng phạt ở một “kiếp sau” tương tự:

“Trong một phố vắng, trước một cái vườn hoa trồng tường vi và dâm bụt, lâu đài của đức Diêm Vương trông có vẻ đồ sộ nguy nga. Chỉ hiếm lối kiến trúc giờ kim giờ cổ, làm tôi nhớ đến kiểu nhà bánh khảo ở cõi dương.

Đức Diêm Vương còn trẻ và có vẻ tân thời hơn tòa nhà lối trung dung của người nhiều. Người đương vận áo sơ-mi cụt tay, thấy tôi, bắt tay niềm nở chào hỏi:

- Ông tha lỗi cho, tôi vừa đánh xong một sét ten-nít. Ông có muốn đánh, tôi xin hầu.

Tôi cáo từ, hơi lấy làm ngạc nhiên. Đức Diêm Vương như biết ý, cười bảo tôi rằng:

- Ông không nên lấy làm lạ, nếu ông thấy một người mới như tôi còn ở một tòa nhà cũ kỹ và không có mỹ thuật. Nhưng hẳn ông biết, cá nhân tiến bộ bao giờ cũng chóng hơn hoàn cảnh.

Tôi lại càng ngạc nhiên. Một ông Diêm Vương mà ăn nói như một ông sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội!

- Cứ lấy sự kinh nghiệm còn non của tôi mà suy xét, người cõi âm không khác người cõi dương một tí gì.

Đức Diêm Vương mỉm cười trả lời:

- Ông vẫn chưa biết điều ấy ư? Ông há lại không biết rằng không phải vì hết thở mà tâm tính người ta thay đổi đi. Chết xuống cõi âm, người đời vẫn y nguyên như khi ở trên trần. Họ xuống đó thì họ lại đem những điều xấu của họ theo xuống. Sự chết thật không có ích gì cho họ. Ông để ý mà xem, ông sẽ lại thấy họ ích kỷ, tham lam, hám hư danh và ưa giả dối. Nói tóm lại, họ vẫn là người...

- Tôi ở trên trần vẫn thường nghe nói địa ngục là nơi trừng phạt những người có tội đối với lương tâm. Sự đó không có hay sao?

- Địa ngục chỉ có ở trong trí tưởng tượng người ta. Họ nói dối nhau để cho bớt cái tính tàn ác thiên nhiên của họ, chứ thực ra chúng tôi làm gì có thì giờ rỗi mà xét đến công việc trừng người chết xuống đây. Họ dọa nhau những hình phạt ghê gớm: như bỏ vạc dầu, cưa đôi người.

Nhưng chúng tôi nào có ác tâm như họ đâu, mà lấy sự đau đớn của người khác làm sự vui sướng của mình. Thực ra thì chết xuống đây, người nào đem nét xấu của người ấy xuống là họ đã đem theo cái hình phạt của họ rồi...” (PH 155, ngày 27 tháng 9, 1935)

HĐ đưa ra một cách nhìn khác và một giải đáp khác mang tính triết học thông qua câu nói của Diêm Vương. Có thể hiểu rằng, nếu như có luân hồi, thì đó là sự luân hồi của tội lỗi, địa ngục nằm ngay trong kiếp này, trong con người mình, trong những tính xấu như ghen ghét, tham lam, nhỏ nhen, của chính mình. Sự giải thoát đích thực cũng nằm ngay trong bản thân, trong khả năng của con người khi muốn vươn tới những điều hướng thượng. Mục tiêu của Đi Thăm Mũ Giáy không phải để giễu nhại hay báng bổ thánh thần mà là lấy lại quyền tự chủ của con người từ tay thánh thần và trao quyền ấy lại cho con người, làm họ mạnh mẽ hơn và đẹp đẽ hơn trong đời sống.

Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu là một thiên phóng sự giả, trừ bài phóng sự Ông Nghị Linh- Một Quái Trạng Ở Trong Nghị Viện (viết theo sự thực, PH 159, 25/10/1935). Như thế, dù có được nhìn nhận như một tiểu thuyết thật hay không, tập phỏng vấn này tự nó đã mang tính cách hậu hiện đại, ở chỗ nó tự xác nhận và cùng lúc tự phủ định bản chất của nó, là phỏng vấn, tức một cuộc hỏi đáp và trò chuyện giữa hai nhân vật có thật, hay cùng thời đại, và còn sống. Tính hậu hiện đại của NCPVKTKH nằm ở chỗ không thể tách rời nội dung tường thuật ra khỏi hình thức của thể loại, là phỏng vấn giả tưởng. NCPVKTKH kết hợp những yếu tố của văn hóa đại chúng, vừa tường thuật, vừa đối thoại kịch giễu nhại của Saturday Night Live

trên đài NBC, vừa tựa tựa kiểu phỏng vấn và dẫn chuyện của đạo diễn Michael Moore trong Bowling for Columbine, hay Roger&Me, hay Fahrenheit 9/11. Trong những bộ phim gọi là “tư liệu” này, Moore đặt song song những dữ kiện thật và những tài liệu do ông “sáng chế”. Việc ông tháo tung những trật tự trong bài diễn thuyết của một đối tượng và sắp đặt lại theo một logic khác, việc ông xử dụng phương pháp ẩn dụ, so sánh, chọn lọc chi tiết và sắp xếp lại theo một trình tự hợp lý riêng của tác phẩm, tất cả để nhắm đến mục đích chính là nói lên một sự thật theo cách hiệu quả nhất và tạo ấn tượng mạnh nhất. Thủ pháp này cùng lúc cho thấy những dữ kiện giả hay sự sáng tạo cũng đóng một vai trò quan trọng tương đương trong việc trình bày sự thật như là những dữ kiện thật. NCPVKTKH của HĐ cũng mang hình thức diễn đạt của loại phim tư liệu “giả” tuy dựa trên sự kiện có thật. Với giọng điệu đùa cợt, nửa hư nửa thực, tạo nghi vấn cho người xem và đọc, HĐ đã làm một điều tương tự như Moore, từ hơn bảy mươi năm trước, qua thủ pháp cắt ráp ngôn ngữ, hình ảnh, và phát biểu của những nhân vật được phỏng vấn. Vẫn với phong cách hậu hiện đại không coi mọi thứ quá trầm trọng, HĐ muốn làm bật lên sự tương phản giữa giả và thật, giữa lời nói và việc làm, tính cách giả trá của chính trị, thủ đoạn, các âm mưu thực dân, sự thỏa hiệp của trí thức, sự như nhược của nghị viên và triều đình, và sự tha hóa của cái gọi là truyền thống, tôn giáo, và ý thức hệ Khổng Nho.

4. Trước Vành Móng Ngựa, khi một thể loại bị đưa ra xử án.

Trong bối cảnh văn học thập niên 1930 cho đến 1975 ở VN, tập Trước Vành Móng Ngựa (TVMN) được nhìn như một ghi chép ở tòa án. Có thể đọc nó như phóng sự tường thuật. Có thể “coi” TVMN như từng màn xử án riêng rẽ, có thể “xem” nó như kịch bản, và cũng có thể đọc chung tất cả như đọc một tiểu thuyết với nhiều nhân vật chung một chủ đề xuyên suốt. Lối đọc tôi muốn thử nghiệm là “xem” TVMN như một tổng thể với những phân cảnh cắt và ngưng mang hiệu ứng điện ảnh và tâm lý. Với cách đọc như thế, tổng thể TVMN là câu chuyện dài về chế độ tòa án thời Pháp thuộc, nhân vật tái xuất hiện trong tất cả những chương hồi là viên chánh án, người thông ngôn, lục sự. Những nhân vật thay đổi trong từng chương khác nhau là những bị cáo trong phiên tòa. Những màn xử trong tòa án đẩy người đọc vào ngay tâm điểm ngôn ngữ của nhân vật, khác với lối viết như một tường thuật mang tính tự sự. Khi chúng ta đã rơi vào không khí của phiên tòa, giọng kể trong TVMN sẽ biến mất, đẩy người đọc trở thành người xem, người tham dự buổi xử án, trực tiếp nghe nhìn màn kịch ở trước vành móng ngựa:

“Không có gì buồn và chán nản bằng một phiên tòa xử “tù rượu”, nghĩa là những người bị cáo về tội buôn rượu lậu. Cũng không có gì làm cho ta nghĩ ngợi băng khuâng hơn. Một giấy người khốn khổ, ốm yếu, áo nâu tả, váy đụp, không dám ngời hẳn lên chiếc ghế dài để riêng cho tội nhân, sợ làm bẩn mặt ghế của nhà nước, một giấy người hốc hác, hôi hám như những tang chứng hoạt động của sự lam lũ, nheo nhóc ở nơi bùn lầy, nước đọng, trông tưởng như một lũ ma đói hiện hồn lên trách thảm cái phú quý của những người khác.

- Mày có nấu rượu lậu không?

- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Phạt hai nghìn quan tiền tây.

Sự thất vọng và tinh thần nại đều hiện cùng một lúc lên nét mặt gầy gò xanh xao của một người nông phu rét run trong manh áo mỏng sờn vai, vá nhiều chỗ. Anh ta đã rời vành móng ngựa còn quay cổ lại như muốn nói điều gì, nhưng có lẽ biết rằng cũng đều vô ích, nên lại bước chân đi.

- Mày có cơm rượu lậu không?

- Bẩm, con không nấu rượu lậu...

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Bị cáo nhân, một bà lão, kêu van:

- Bẩm, con già nua, quan thương cho.

Viên thông ngôn:

- Già nua mặc kệ, về việc đoan, không ai thương xót đâu. Ra!

Bà lão thờ dài, nước mắt rưng rưng muốn khóc, cổ van lớn:

- Bẩm, những hai nghìn, con nghèo khổ, con lấy đâu con giã?

Viên thông ngôn:

- Toà xử rồi. Không bằng lòng thì chống án. Đi. Đi ra!

Thấy bà lão còn trụ trụ, viên thông ngôn quát:

- Đội xếp đâu! Lôi nó ra!

Người đội xếp sấn sổ lại, kéo bà lão ra ngoài, để đến phiên người khác.

Một người đàn bà, áo tứ thân rách, váy đụp, vừa đứng dậy vừa vạch yếm cho con bú.

- Mà có cơm rượu lậu không?

- Bẩm không.

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mà.

- Bẩm không, ở ruộng con đấy ạ.

- Thế là đủ rồi.

- Bẩm, ruộng con cách xa nhà con lắm. Người ta thù con, người ta bỏ vào đấy ạ.

- Có biết ai bỏ không?

- Bẩm không.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Rồi kế tiếp nhau, năm sáu chục người nhà quê ra chịu tội. Ông Chánh án không mấy khi phải nghĩ ngợi khi lên tiếng:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Sau cùng đến lượt một người gù lưng ra van lạy:

- Bẩm, con tàn tật...

- Tàn tật mặc anh. Có cơm rượu lậu không?

- Bẩm có.

- Anh đã bị cáo hai lần rồi. Sao lại còn tái phạm?

- Bẩm, con chỉ có nghề làm rượu. Con tàn tật, bỏ nghề ấy thì con chết đói mất.

- Không biết. Hai nghìn quan tiền phạt."

(Ngày Nay số 5, ngày 10 tháng 3 năm 1935)

Người đọc trở thành người đến xem từng phiên tòa xử, mở ra với một vụ án và đóng lại với một bản án. Tất cả những màn xử vừa đứng độc lập vừa nằm trong chuỗi liên kết của tổng thể là bản cáo trạng về chế độ thuộc địa và những luật lệ vô nhân áp đặt lên người dân bản xứ. Những phần cắt nối tạo ấn tượng về một sự liên kết ngầm mà người xem/ người đọc giữ nhiệm vụ tự suy diễn và giải mã. Sự cắt hay đóng một phân cảnh và nối tiếp với một phân cảnh khác trong tòa án có tác động thị giác của kéo màn và hạ màn trên sân khấu. TVMN như vậy là một tổng thể bị nứt rạn, rất gần với những tiểu thuyết đương đại vì tính cách phân mảnh, đứt quãng, và (dường như) thiếu sắp đặt trước. Về hình thức của thể loại, việc xử lý cắt/ ráp/ nối của tập phóng sự cho thấy tính linh động và năng động trong cấu trúc của một tập hợp (dường như) không theo trật tự nào: người đọc có thể bắt đầu ở bất kỳ một màn kịch nào, không có sự ưu tiên, tất cả các màn kịch đều có giá trị tương đương, tạo ra vô số văn bản tùy theo cách đọc, nhắc nhở đến tính cách bất ngờ và bất chợt của tập hợp những hiện thực và kinh nghiệm trong đời sống. Tính cách trực tiếp không bị tác giả hay người kể chuyện chen vào giữa người đọc và nhân vật khiến TVMN ở lưng chừng giữa các thể loại phóng sự, văn xuôi, tiểu thuyết, kịch, và nghệ thuật thị giác cùng lúc.

Kết luận:

Việc khó định dạng và phân loại những tác phẩm kể trên đến từ việc chúng không thuộc cố định vào một thể loại, mà chúng tham dự vào nhiều thể loại cùng lúc. Và điều này là một đặc điểm của văn chương hậu hiện đại. Một trong những quan tâm của người viết đương đại là hình thức diễn đạt. Sự thương lượng/cân nhắc/chọn lựa hình thức diễn đạt thể hiện tương quan của người viết với hiện thực. Tương quan giữa HĐ với hiện thực là tương quan của một người am hiểu luật và chất vấn những bất công trong luật pháp. Với tương quan ấy, hình thức diễn đạt thích hợp nhất có lẽ là nhìn và trình bày mọi thứ dưới ánh sáng giễu nhại, đã kích, châm biếm, mỉa mai. Hoàng Đạo viết Hậu Tây Du hay Những Thiên Phóng Sự Không Tiền Khoáng Hậu, không để đã kích là một cá nhân nào, mà nhắm tới việc mở ra những phán đoán mới, thúc đẩy và khuyến khích những thảo luận mới về sự bất công và bất bình đẳng trong xã hội, với tính hệ thống, cơ chế của một xã hội nệ cổ và được hậu thuẫn của chế độ thuộc địa. Người chọn thể loại giễu nhại là kẻ mang tâm trạng canh thức và báo động về mọi biến cố đáng cảnh giác trong xã hội, đời sống, hiện tượng, và con người. Họ cảm thấy hối thúc phải thể hiện thái độ phản kháng. Họ viết không phải để thỏa mãn tâm trạng cá nhân, mà viết với quan tâm cho công chúng, người đọc. Nhiều khi người viết phóng sự giễu nhại không được nhìn nhận chính thức như một nhà văn. Nhưng thực sự họ là nhà văn, họ là nghệ sĩ, người nghệ sĩ che dấu nghệ thuật của họ dưới hình thức hài hước. Những nghệ thuật ấy bao gồm việc so sánh một cách táo bạo, ẩn dụ, tượng hình, lật mặt nạ, làm lộ tẩy, khắc họa chân dung những nhân vật, chọn lọc và xếp đặt với mưu đồ tạo kịch tính. Do đó, tất cả những biện pháp nghệ thuật của Hoàng Đạo là những kỹ thuật để viết tiểu thuyết dù ông đang viết phóng sự, như trong cuốn Trước Vành Móng Ngựa, hay khi ông thực hiện cuộc phỏng vấn tưởng tượng trong Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu, hay khi ông viết lại một câu chuyện liên văn bản từ văn hóa đại chúng trong trường hợp Hậu Tây Du và Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa. Nói như vậy không có nghĩa là những sáng tác này là những tác phẩm hậu hiện đại. Nhưng với con mắt đã quen nhìn, đọc, và xem hậu hiện đại, chúng ta sẽ phát hiện ra những thuộc tính HĐ trong những văn bản cũ, như trường hợp cuốn Don Quixote của Cervantes đầu thế kỷ 17 hay Tristram Shandy của Lawrence Sterne vào thế kỷ 18. Cuối cùng, sau một tháng “khai quật” những gì HĐ đã viết từ PH-NN, cho đến lúc này, con người HĐ toàn diện vẫn còn là một tảng băng ngầm, những gì chúng ta biết đến HĐ vẫn chỉ là một lớp băng mỏng trên bề mặt (nhận định của nhà văn Phạm Phú Minh). Tiểu luận này nằm trong nỗ lực khai phá dần tảng băng ngầm ấy.

Tài liệu Tham Khảo:

Dentith, Simon. *Parody*. London: Routledge, 2000. Print.

Hutcheon, Linda. *A theory of parody: the teachings of twentieth-century art forms*. New York: Methuen, 1985. Print.

Thế Uyên. “Đọc và Đặt Lại Vị Trí Hoàng Đạo.” *Thế Kỷ 21*. 199. Nov. 2005: 74-87. Print.

Thụy Khuê. “Hoàng Đạo, Người Trí Thức Dấn Thân.” *Thế Kỷ 21*. 199. Nov. 2005: 28-36. Print.

Võ Hồng. “Gặp Tự Lực Văn Đoàn.” tạp chí Văn 107&108. Apr 1968: 37-38. Print.

Đọc lại Hoàng Đạo Nguyễn Mộng Giác

Tôi đã về hưu gần một năm nay. Trước khi được rảnh rỗi toàn thời gian, như nhiều người khác, tôi cũng có những “kế hoạch lớn”: nào là rón viết cho được một bộ tiểu thuyết về kinh nghiệm lưu vong của mình và thế hệ mình, nào là rón viết một bộ nghiên cứu văn học hải ngoại. Trong một lần trả lời phỏng vấn, tôi có đại dột kể về những “kế hoạch lớn” ấy, kể xong chợt thấy mình hổ to, nên mới thêm câu nói thông: “nhưng không biết lực có tông tâm hay không.”

Quả nhiên, “lực bất tông tâm” thật. Vừa được cho về hưu non là phải bắt đầu lo lắng cho sức khoẻ. Đến lúc bệnh tật “không gây thành chuyện lớn”(1) định bắt tay vào “kế hoạch lớn” thì mới

thấy chẳng có cái gì là “lớn” trên đời này nữa. Khám phá ấy làm cho căn bệnh lười bùng phát. Còi thối ra hiệu khởi hành nhiều lần mà vận động viên cứ giậm chân tại chỗ. Cuối cùng, tự an ủi: viết không được thì đọc vậy!

Tôi đọc lại những tác phẩm thời trẻ mình say mê, yêu thích. Kết quả: tôi thấy tuổi trẻ thật dễ tính, ăn thứ gì cũng thấy ngon, dù là một quả ổi xanh chấm muối. Những tác phẩm một thời mê hoặc bây giờ đọc lại thấy quá đơn giản, đơn giản như những chuyện đời xưa từng làm sáng những đôi mắt trẻ thơ. Người nghèo thì bao giờ cũng hiền lành lương thiện. Người giàu thì lúc nào cũng tham lam tàn ác. Anh thì ăn hiếp em. Vợ thì ăn hiếp chồng. Quan lại thì lúc nào cũng ngu si, dâm dật. Thế giới hiện ra rõ ràng đen trắng, không có vùng xám mơ hồ. Tôi hoang mang, chẳng hiểu “tôi bây giờ” đúng hay “tôi thời trẻ” đúng. Càng hoang mang hơn khi cái ưa thích về văn chương, âm nhạc... của mình quá khác với thị hiếu chung của đám đông. Nhiều bài hát đang thịnh hành bị tôi chê là nhạc sến. Nhiều tác phẩm “tân kỳ, mới mẻ” theo nhận định của rất nhiều người có thẩm quyền, tôi tìm đọc, chỉ thấy toàn đồ giả. Kể cả những cái tân kỳ một thời làm rúng động Sài Gòn.

Ngược lại, có những người và việc thời trẻ tôi cứ yên tâm như thế như thế, bây giờ đọc lại, mới thấy thành kiến của mình sai. Như trường hợp nhà văn Hoàng Đạo.

Phải nhìn nhận là Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh là hai nhà phê bình đã áp đặt thành kiến của mình lên nhiều thế hệ suốt nửa thế kỷ qua, Hoài Thanh tạo thành kiến về thơ, Vũ Ngọc Phan về văn. Giờ bộ *Nhà Văn Hiện Đại*, chúng ta tìm thấy ngay nhận định áp đặt của Vũ Ngọc Phan về Hoàng Đạo, cả về tác giả lẫn tác phẩm. Vũ Ngọc Phan viết:

“Người ta nhận thấy Hoàng Đạo rất thiết tha với những sự công bình trong xã hội, nên tiểu thuyết của ông ngả hẳn về mặt bình dân. Nhưng cái khuynh hướng thương xót người nghèo của Hoàng Đạo vẫn còn là cái khuynh hướng của người phú hào nghiêng mình xuống hạng thấp kém hơn mình. Cái khuynh hướng ấy của ông phô diễn rất rõ trong tiểu thuyết của ông”(2).

Phần cuối đoạn viết về Hoàng Đạo, Vũ Ngọc Phan tổng luận:

“Hoàng Đạo là một nhà văn sở trường về nghị luận, về châm biếm hơn là về tiểu thuyết; ở hai loại trên ông phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn, còn ở loại tiểu thuyết, ông không được giàu tưởng tượng cho lắm.”(3)

Vũ Ngọc Phan chê Hoàng Đạo ở hai điều:

Thứ nhất, Hoàng Đạo không có tài viết tiểu thuyết như hai người anh em khác trong Tự Lực văn đoàn là Nhất Linh và Thạch Lam. Nguyên do là Hoàng Đạo “không được giàu tưởng tượng cho lắm.”

Thứ nhì, tư tưởng chính trị của Hoàng Đạo chủ yếu vươn tới lý tưởng công bình xã hội. Nhưng thế đứng của Hoàng Đạo là thế đứng của người ở giai cấp trên nhìn xuống xót thương kẻ kém hơn mình.

Vũ Ngọc Phan khen Hoàng Đạo “sở trường về văn nghị luận, châm biếm,” vì khi viết theo các thể loại này, tác giả “phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn.”

Để kiểm chứng những thành kiến trên, tôi đã tìm đọc lại những tác phẩm Hoàng Đạo đã tái bản ở hải ngoại như Con Đường Sáng, Mười Điều Tâm Niệm, Bùn Lầy Nước Đọng, cũng như những bản photocopies các bài viết của Hoàng Đạo trên Phong Hoá và Ngày Nay (lưu trữ tại thư viện Hà Nội) nhà văn Thơ Thơ cho mượn.

Tôi đồng ý với Vũ Ngọc Phan về những lời phê bình cuốn tiểu thuyết Con Đường Sáng. Tôi có cảm tưởng Hoàng Đạo viết cuốn sách này sau khi đọc tác phẩm Anna Karenine của Leon

Tolstoi, vì nhân vật Duy rất giống với nhân vật Levine của nhà văn Nga. Tôi cũng nghĩ chẳng những Tolstoi ám ảnh Hoàng Đạo, mà còn ám ảnh cả Nhất Linh, Khái Hưng. Vì thế mới có cặp vợ chồng Hạc và Hảo trong Gia Đình, mới có Dũng và Loan trong Đôi Bạn và Đoạn Tuyệt, mới có cảnh một buổi chiều cuối năm ở đồn điền Độ, từ trên nhà đồi mấy người bạn thân giàu lòng trắc ẩn vừa uống rượu mùi vừa nghe tiếng kêu ới ới của những người dân quê nghèo khổ từ dưới đồi vọng lên, lòng người nào cũng lâng lâng xót thương cho những số phận hẩm hiu. Ngay cả về sau, lúc đã trải qua những kinh nghiệm thất bại chua chát trong hoạt động chính trị, viết bộ Dòng Sông Thanh Thủy, Nhất Linh vẫn không bỏ được mẫu người làm chính trị lãng mạn đó. Lối xây dựng nhân vật lý tưởng ấy có trách nhiệm trong việc tạo thành kiến “người phú hào nghiêng mình xuống hạng thấp kém hơn mình,” hoặc đi xa hơn, mẫu đạo đức chính trị “không thành công thì thành nhân.” Nhiều nhà bình luận chính trị hoặc sử gia cũng đã dùng thành kiến ấy giải thích sự thành công của phe Cộng sản Việt Nam trong quá trình tranh giành quyền lực với phe Quốc gia trong những năm đầu thập niên 40, nhất là sau khi chiến tranh thứ hai chấm dứt và mờ mịt cao trào đấu tranh giành độc lập ở các nước thuộc địa. Người ta bảo: Không thua sao được khi một bên chỉ chăm chăm muốn “thành nhân,” còn bên kia thì phải “thành công” với bất cứ giá nào, chính trị là một nghề nghiệp toàn thời gian chứ không phải là nghiệp dư.

Nhưng tôi nghĩ định giá Hoàng Đạo như một nhà văn là đã cư xử bất công đối với ông. Trong ba anh em (Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam), ông là người từng trải, am hiểu thực trạng xã hội Việt Nam nhất; “phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn” nhất; có ý thức hành động rõ ràng nhất; nghĩa là ông có tất cả các tiêu chuẩn để trở thành một chính trị gia xuất sắc. Nhất Linh có hoạt động chính trị, nhưng hoạt động chính trị theo cung cách của một nhà văn. Hoàng Đạo có viết văn, nhưng viết văn theo cung cách của một người làm chính trị. Hai anh em bổ khuyết cho nhau, nên khi Hoàng Đạo mất đột ngột, Nhất Linh không thể hoạt động chính trị hữu hiệu được nữa. Ông liên tiếp gặp nhiều thất bại, muốn qui ẩn cũng không yên, nhiều khi tham dự trong cái thế bị động hơn là chủ động. Chính Nhất Linh về cuối đời cũng hối tiếc về chuyện theo chính trị mà bỏ bê văn chương.

Cho nên giá trị văn chương của Hoàng Đạo không thể tìm trong tiểu thuyết, mà ở những bài viết thuộc thể chính luận và phóng sự. Tôi nhận ra điều này nhờ đọc lại Trước Vành Móng Ngựa, Bùn Lầy Nước Đọng, và những sưu tập nhà văn Thơ Thơ cho mượn, sưu tập những bài phóng sự và nhận định chính trị Hoàng Đạo cho đăng trên Phong Hóa và Ngày Nay. Trong các thể loại (nặng về lý tính hơn cảm tính) này, chúng ta mới thấy hết cái thông minh, sắc sảo của Hoàng Đạo. Trong cái bể khổ mê mông của đồng bào, nhất là những người dân quê suốt đời đói rét mà không có một tia hy vọng le lói ở chân trời, Hoàng Đạo chọn ra được những mẫu tiêu biểu nhất, sống động nhất, kiệm lời mà nói được nhiều nhất. Về điểm này, Hoàng Đạo không thể nào thua Nam Cao, Vũ Trọng Phụng. Xin thử đọc bài “Hai nghìn quan tiền tây” của loạt phóng sự “Trước vành móng ngựa”:

“Không có gì buồn và chán nản bằng một phiên tòa xử ‘tù rượu,’ nghĩa là những người bị cáo về tội buôn rượu lậu. Cũng không có gì làm cho ta nghĩ ngợi bằng khuôn hơn.

Một giấy người khốn khổ, ốm yếu, áo nâu tả, váy đụp. không dám ngồi hẳn lên chiếc ghế dài để riêng cho tội nhân, sợ làm bẩn mặt ghế của nhà nước, một giấy người hốc hác, hôi hám như những tang chứng hoạt động của sự lam lũ, nheo nhóc ở nơi bùn lầy, nước đọng, trông tưởng như một lũ ma đói hiện hồn lên trách thăm cái phú quý của những người khác.

- Mày có nấu rượu lậu không?
- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Phạt hai nghìn quan tiền tây.

Sự thất vọng và tính nhẫn nại đều hiện cùng một lúc lên nét mặt gầy gò xanh xao của một người nông phu rét run trong manh áo mỏng sờn vai, vá nhiều chỗ. Anh ta đã rời vành móng ngựa còn quay cổ lại như muốn nói điều gì, nhưng có lẽ biết rằng cũng đều vô ích, nên lại bước chân đi.

- Mà có cơm rượu lậu không?

- Bẩm, con không nấu rượu lậu...

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Bị cáo nhân, một bà lão, kêu van:

- Bẩm, con già nua, quan thương cho.

Viên thông ngôn:

- Già nua mặc kệ, về việc đoan, không ai thương xót đâu. Ra!

Bà lão thở dài, nước mắt rưng rưng muốn khóc, cổ van lớn:

- Bẩm, những hai nghìn, con nghèo khổ, con lấy đâu con giả?

Viên thông ngôn:

- Toà xử rồi. Không bằng lòng thì chống án. Đi. Đi ra!

Thấy bà lão còn trù trù, viên thông ngôn quát:

- Đội xếp đâu! Lôi nó ra!

Người đội xếp sắp sỏ lại, kéo bà lão ra ngoài, để đến phiên người khác.

Một người đàn bà, áo tứ thân rách, váy đụp, vừa đứng dậy vừa vạch yếm cho con bú.

- Mà có cơm rượu lậu không?

- Bẩm không.

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm không, ở ruộng con đấy ạ.

- Thế là đủ rồi.

- Bẩm, ruộng con cách xa nhà con lắm. Người ta thù con, người ta bỏ vào đấy ạ.

- Có biết ai bỏ không?

- Bẩm không.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Rồi kể tiếp nhau, năm sáu chục người nhà quê ra chịu tội. Ông Chánh án không mấy khi phải nghĩ ngợi khi lên tiếng:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Sau cùng đến lượt một người gù lưng ra van lạy:

- Bẩm, con tàn tật...

- Tàn tật mặc anh. Có cơm rượu lậu không?

- Bẩm có.

- Anh đã bị cáo hai lần rồi. Sao lại còn tái phạm?

- Bẩm, con chỉ có nghề làm rượu. Con tàn tật, bỏ nghề ấy thì con chết đói mất.

- Không biết. Hai nghìn quan tiền phạt.” (4)

Lời kể trên đây không hề có chút “thương xót” của “người phú hào” cúi xuống nhìn “hạng thấp kém hơn mình” như nhận định của Vũ Ngọc Phan. Ngược lại, có cái đau xót, cái phẫn uất của người trong cuộc. Đó là những xúc cảm thật, quá thật, đến nỗi đọc xong, chữ nghĩa Hoàng Đạo (lúc ấy còn lấy bút hiệu Tứ Ly) có sức mạnh thúc đẩy người ta hành động. Người đọc Trước Vành Móng Ngựa bị buộc phải tự hỏi: Phải làm cái gì chứ! Hoàng Đạo đã làm xong phận sự nhà văn rồi.

Nhưng ông không dừng lại ở đó. Ông tự thấy trách nhiệm của mình không chỉ là nêu ra thảm cảnh của dân tộc, đặc biệt là dân nghèo ở nông thôn, mà còn phải tìm hiểu nguyên do của thảm trạng, và tìm cho ra biện pháp giải quyết. Tức là văn chương phải đi đôi với hành động. Tháng Chín năm 1938, Hoàng Đạo cho xuất bản cuốn Bùn Lầy Nước Đọng, vừa bày bán thì bị chính quyền thuộc địa Pháp ra lệnh tịch thu và cấm lưu hành. Đây là một tiểu luận chính trị nhằm mổ xẻ phân tích thảm trạng của nông thôn Việt Nam, sau đó đưa ra các phương thức giải quyết. Tiểu luận đề cập tới thực trạng nông dân Việt Nam trên ba phương diện:

Phương diện hành chính và chính trị: quan trường, tiếng trống ngũ liên, miếng thịt giữa làng, phá đình, tự do với dân quê.

Phương diện kinh tế: Sinh kế ở thôn quê, nỗi lo hàng năm, thuế dinh điền, tự do uống rượu, đội không quân Nam Việt, công nghệ, công điền, đồn điền, di dân, nạn cho vay nặng lãi ở thôn quê.

Phương diện tinh thần: vấn đề giáo dục dân quê, vũng nước tù, tinh thần thể thao, ánh sáng ở thôn quê, hạng trí thức sau lũy tre.(5)

So sánh với những tài liệu học tập chính trị của đảng cộng sản Đông dương về vấn đề dân cày, vấn đề thuộc địa cùng thời gian này, thì trình độ lý luận và nhận định của Hoàng Đạo về nông thôn thuộc địa cao hơn, sáng sủa hơn, nhiều sức thuyết phục hơn.

Sức phổ biến những tư tưởng chính trị ấy lại rộng rãi, không thu hẹp trong vòng hội kín như phe cộng sản. Đôi lúc, Hoàng Đạo cũng tỏ ra rất cực đoan, như chủ trương “theo mới, hoàn toàn theo mới, không chút do dự” và cho rằng “đình làng không còn có cơ gì để sống sót trong

lúc mọi vật chuyển dời. Nó là một vật đã quá cổ... Thời đại này không phải là thời đại của nó nữa, ta còn đợi gì mà không phá nó đi” (6).

Những tư tưởng cực đoan như thế, thời nào, cũng có hấp lực đối với lớp trẻ. Chưa kể những giấc mơ lãng mạn, phiêu lưu. Thế nhưng lúc thời cơ đến, những người làm chính trị như Hoàng Đạo lại không vận động được quần chúng thành những tổ chức có sức mạnh. Vì sao thế?

Câu hỏi mở ra một vùng trời khác, đầy giông bão hiểm nguy. Xin cho tôi dừng ở đây, mép ranh an toàn.

1. Mượn thơ Mai Thảo, bài Đỗ Bệnh:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện

Ta lại cùng cơ thể chuyện trò

Đỗ nó chớ gây thành chuyện lớn

Nó nghĩ sao rồi nó lại cho

Bệnh ở trong người thành bệnh bạn

Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân

Gối tay lên bệnh nằm thanh thản

Thành một đôi ta rất đá vàng.

2. Nhà Văn Hiện Đại, Nxb Khoa học Xã hội 1989, tập 2, trang 841

3. Nhà Văn Hiện Đại, Nxb Khoa học Xã hội 1989, tập 2, trang 845

4. Đăng trên Ngày Nay số 5 ra ngày 10 tháng 3 năm 1935

5. Bùn Lầy Nước Động, Nxb Đời Nay, phần Mục Lục

6. Bùn Lầy Nước Động, Nxb Đời nay, trang 42

(Trích từ Thế Kỷ 21 số 199, Tháng Mười Một 2005)

Ký ức về ba tôi

Ng Tuyền

Ng. Tuyền (Nguyễn Minh Thu)

Năm tôi lên 7 tuổi thì ba tôi bị Pháp bắt, giam ở Sở Liêm Phóng Hà Nội. Hôm đó tôi đang bệnh nặng, sốt li bì, nhưng nhờ vậy lại sung sướng được hưởng sự săn sóc ân cần của mẹ tôi. Mẹ tôi thường dành sự chăm sóc cho hai em nhỏ hơn, nhất là em trai tôi “Con của Mẹ”. Còn tôi, tôi lại hạnh diện được mọi người trong nhà gọi là “Con của Ba”. Có lẽ vì tôi là con gái đầu lòng, nên ba tôi hơi “cưng” hơn một chút chăng?

Tôi ngạc nhiên khi thấy mẹ tôi nằm lăn ra trên giường bên cạnh giường tôi, và khóc thật thảm thiết, chưa bao giờ mẹ tôi khóc nhiều như vậy. Bà quên cả cho tôi uống thuốc. Mãi sau trong ngày nghe người lớn nói chuyện, tôi mới biết Pháp đã bắt ba tôi ngay tại phòng khách dưới nhà. Tuy còn nhỏ, tôi cũng ý thức được tầm quan trọng của tai họa này cho gia đình, qua những phiền muộn lo âu và khóc lóc của mẹ. Nhất là khi nhận được tin ba bị tra tấn, bằng điện. Sau một thời gian giam cầm, Pháp gửi một số nhà Ái Quốc Cách Mạng, các đồng chí của ba tôi và ông đến “trại an trí” tại Vụ Bản, Hòa Bình. Tôi chỉ nhớ có Họa sĩ Nguyễn Gia Trí, nhà văn Khái Hưng và ba tôi.

Khoảng 4, 5 giờ sáng hôm đó, hai em tôi và tôi đã bị mẹ tôi dựng dậy để ra ga tiễn ba. Sau khi

cả gia đình trút xuống từ một chiếc xe kéo, tôi đã thấy bên kia hàng rào kẽm gai là ba tôi và các bạn của ông. Ngực đeo số tù, ông trông gầy đi. Nhưng ở cặp mắt sâu và sáng lại xuất hiện một niềm vui – có lẽ vì được gặp lại chúng tôi, dù chỉ qua hàng rào kẽm gai – và một đôi chút riêu cợt nữa, trong ánh mắt. Tôi cảm thấy an tâm. Ba vẫn không sao cả. Ba vẫn vui vẻ, khỏe mạnh, và tinh thần vẫn vững vàng, và vô cùng bình tĩnh. “Ba kìa! Vầy ba đi các con.” Mẹ tôi bảo. Tôi ao ước giá chi được chạy đến ôm hôn ông, hay lại gần ông hơn chút nữa. Nhưng không được. Tôi đưa tay lên vẫy. Ba cũng vẫy lại chúng tôi. Rồi họ lừa ba tôi và các bạn ông đi.

Những ngày tháng sau đó, tôi và các em thay phiên được mẹ tôi đưa lên Vụ Bản thăm ông. Ba tôi phải làm một số công tác lao động, như vào rừng đốn củi... Dù sao thì cũng dễ chịu hơn những ngày bị giam ở Sở Liêm Phóng. Vào rừng có lính canh, tuy nhiên việc canh chừng này không nghiêm nhặt lắm. Tôi nghe mẹ nói sau này nếu bị giữ lâu hơn, ông sẽ tìm cách trốn đi, nhưng rồi sau hai năm, ông được trở về với gia đình và quản thúc tại Hà Nội. Đó là năm 1943.

Bình tĩnh, đó là điểm nổi bật ở ba tôi. Ông dường như không bị chi phối bởi hoàn cảnh, chưa bao giờ tôi thấy ông nóng nảy, hay bồn chồn lo lắng. Hay vì tôi không được sống gần ông nhiều, hoặc ông đã từ già cõi đời này quá sớm, nên tôi chưa có dịp chứng kiến điều đó?

Hồi Nhật oanh tạc Việt Nam, gia đình tôi có một chiếc xe hơi nhỏ và cũ, ba tôi thường dùng để đưa gia đình di tản từ Hà Nội vào làng Bưởi cách đó không xa, nơi bà ngoại tôi có một cái trại nhỏ. Sau này cả gia đình vào ở hẳn đó một thời gian, nhưng lúc đầu thì chỉ khi còi báo động hú lên, ba tôi mới lái xe chở gia đình đi Bưởi. Có một lần, xe mới ra tới ngoại ô Hà Nội, máy bay Nhật đã tới bắt đầu oanh tạc. Xe phải ngừng bên lề đường. Bé đưa em nhỏ nhất của tôi, ông ra lệnh cho tôi và Ánh, người em kế xuống nằm dưới ruộng lúa. Thấy ông bình tĩnh, chúng tôi bớt hoảng sợ, cảm thấy an tâm nữa, mặc dầu bom nổ tử tung ở chung quanh.

Mẹ tôi là con một nên trước khi cho phép kết hôn, bà ngoại tôi đã ra điều kiện là ba tôi phải ở gửi rể. Bà tôi có 2 căn nhà sát nhau ở đường Lý Thái Tổ (Amiral Courbet cũ), nên để cho ba mẹ tôi ở một căn, bà tôi ở căn nhà bên cạnh. Hai nhà có cửa thông sang nhau trên lầu và ở trong sân. Hồi đó ba tôi đang viết báo, tòa soạn đang cần chỗ chất giấy in. Nghĩ rằng nhà rộng có thể chứa giấy in báo, và có lẽ cũng nghĩ rằng bà tôi đã cho căn nhà này, thì nó thuộc quyền sở hữu của ba mẹ tôi, nên ông để người ta chở giấy đến. Khi thấy mấy người phu khuân từng chồng giấy lớn vào nhà, bà ngoại tôi chạy vội sang, lớn tiếng: “Không được! Giấy chất như thế sẽ làm sập nền nhà của tôi.” Bà ngoại tôi, tuy là người tốt bụng, song cũng rất nóng tính. Cũng có mặt lúc ấy, tôi sợ hãi nhìn ba tôi, nghĩ sắp có chuyện lớn. Nhưng không, ba tôi chỉ hòa nhã, lễ độ nói ông sẽ cho người chở giấy đi ngay. Và xin lỗi bà tôi nữa. Ông cũng không phân trần số giấy ấy không thể nào làm sập nhà được. Ông luôn luôn chế ngự được cảm xúc, giữ bình tĩnh trong mọi tình huống. Tôi thật phải tạ ơn trên đã không gửi cho ông những thử thách quá lớn đối với sức chịu đựng cho đến ngày ông vĩnh viễn ra đi.

Thời cuộc biến chuyển thật nhanh. Nhật chiếm đóng Việt Nam. Không được lâu. Quân Tàu trong phe Đồng Minh tới giải giáp Nhật. Những cuộc khủng hoảng Nội Các. Vua Bảo Đại thoái vị. Cách mạng tháng Tám. Việt Minh lên nắm chính quyền. Sự chống đối của các đảng phái Quốc Gia. Tôi nhớ hồi đó ba tôi luôn luôn ở trên tòa báo đường Quan Thánh, một trụ sở của Việt Quốc. Tôi ít khi thấy mặt ông ở nhà. Hết rồi những buổi chơi ném giấy với ông qua chiếc bàn ping-pong! Ông một phe, ba chị em tôi một phe – mà một lần cú xuống nhật giấy, tai ông móc phải một cái đinh ở bàn, máu chảy ròng ròng. Chúng tôi sợ hãi rút lui – may sao lúc đó mẹ tôi về bằng bó cho ông, và mắng cho chúng tôi một trận.

Cái bàn viết trong phòng làm việc của ông cũng bị dẹp bỏ từ bao giờ. Hồi còn “thanh bình”, tôi vẫn thường trèo từ ghé lên, ngồi xồm trên bàn – mặt bàn có phủ kính – nhìn xuống những giấy

tờ, bản thảo ngồn ngang, tự nhủ “Nghề này thích thật! Lớn lên mình sẽ làm nghề này.”

Những khi ba tôi có mặt ở nhà, rất nhiều người lui tới, phần lớn là thanh niên. Họ đều vũ trang, đeo súng: các thành viên trong Quốc Gia Thanh Niên đoàn, hay Lục Quân Yên Bái, hay các vệ sĩ thì phải?

Rồi Việt Minh biểu dương lực lượng với đoàn Nhi Đồng diễn hành trên đường, “trống ếch khua vang”. Khí thế bừng bừng. Tôi ao ước được xuống nhập bọn với họ, nhưng không thể, vì ba tôi là một tên tuổi quan trọng trong hàng ngũ Quốc Gia. Tức bực, tôi bèn xoay ra “tổ chức” một đoàn thể tại gia, mà đương nhiên tôi là người cầm đầu. Thành viên của đoàn là hai em tôi và anh Ba người giúp việc. Mỗi người phụ trách “canh giữ” một nơi trong nhà. Tôi tay cầm súng gỗ, hông đeo băng đạn giả chạy lằng xằng kiểm soát. Có lần khách đến chơi kéo chuông, tôi chạy ra mở cửa, hãnh diện với trang y của mình. Các bà bạn của mẹ tôi trở mắt nhìn cô bé ăn mặc và hành động thật “tomboy” thời đại ấy. Ba tôi, vì bận công việc, vì xa gia đình luôn, có lẽ không ngờ rằng hoàn cảnh nước nhà lúc ấy đã ảnh hưởng không ít đến nếp sống và suy nghĩ của các con.

*

Theo mẹ tôi thì người ngoài thường phê bình Hoàng Đạo là một con người lạnh lùng, dè dặt. Có người còn cho là ông kiêu căng nữa. Vậy nên khi tiếp xúc với ba tôi, người ta hơi e ngại, và không cảm thấy thoải mái lắm. Thật ra, điều này chỉ người trong gia đình biết, cái bề ngoài lạnh lùng, dè dặt đó là do bản tính nhút nhát, ngại tiếp xúc và nói chuyện với người ông không được biết nhiều.

Một lần đi dự tiệc cưới một người bạn, khách được mời rất đông, mà phần nhiều lại là những người trong giới giàu có trường giả. Đám cưới tổ chức ở nhà hàng trong khách sạn Métropole, nơi chỉ những người thật nhiều tiền, loại snobbish, trường giả học làm sang mới đặt tiệc. Ba tôi miễn cưỡng tham dự, mặc dầu không thích thú. Có lẽ vì nề mẹ tôi. Ăn xong, mẹ tôi kể, ba tôi kéo mẹ tôi ra một cửa hông, không chịu chào từ biệt và chúc mừng cô dâu chú rể. Ông bảo khách đông thế mình không chào cũng không ai để ý. Thực ra, ông ngại phải xã giao thêm dăm ba câu nữa với những người mà ông không ưa thích, sau khi đã phải chịu đựng thù tiếp mấy tiếng đồng hồ với các thực khách khác. Và, chủ nhân có để ý. Chú rể, một người bạn của mẹ tôi, sau này có trách mẹ tôi rằng cặp vợ chồng này biến đi đâu mất sau khi ăn trong buổi tiếp tân...

Đó chỉ là một người bình dị. Tất nhiên ông biết thưởng thức những món ăn đặc biệt, nhưng món ông ưa thích nhất lại là bún riêu đậu rán. Khi mời khách đến nhà dùng cơm, ông thường thuyết phục mẹ tôi cho làm món này. Thực khách ngồi vào bàn, tùm tùm nhìn nhau, cho là ba tôi lập dị. Cũng có người cho ông là ông quê mùa nữa! Đúng ra, ông nói ngồi trên hè phố thưởng thức một tô bún nóng trong gió lạnh, mới thật tuyệt vời!

Thế nhưng ông lại rất ghét món cà cuống – hấp hoặc chiên – một món ăn chơi khá đặc biệt của người miền Bắc mà bà ngoại tôi đôi khi cho ăn. Ba tôi bảo là ăn gián (cockroach). Muốn trêu ông, mỗi khi được ăn món này, tôi lại khoe: “Ba ôi! Hôm nay con được ăn cà cuống.” Ông chỉ nhăn mặt, buông thõng hai tiếng: “Sale type!”

*

Đó là những ngày thật xa, những ngày mà gia đình đi nghỉ mát trên bãi biển Sầm Sơn. Và những buổi sáng đi tắm biển. Chính nơi đây ba tôi đã tìm ra hai nhược điểm của đứa con gái đầu lòng. Ông muốn chữa lành hai căn bệnh này cho tôi: sợ độ cao và sợ nước. Trong khi hai em tôi chạy ào xuống nước biển xanh, dưới ánh nắng ban mai trong suốt, thì tôi chần chừ rồi lùi lại phía sau với sô và xẻng – đồ chơi của trẻ em trên bãi biển – rồi ngồi chơi cát

ở một vũng nước lớn mà thủy triều rút đi còn để lại trên bờ. Ba tôi đến nắm tay tôi, dịu dàng bảo:

“Đừng sợ. Nắm tay ba dẫn đi.”
“Đến chỗ sâu, ba cho con vào bờ nhé.”

Ông gật đầu. Yên lòng, tôi để ba tôi dắt đi. Nhưng nước chỉ mới đến ngang bụng, tôi đã la lên đòi vào. Ba tôi bế tôi lên và tiếp tục ra xa hơn, xa nữa, mặc cho tôi la hét. Ông còn nháy sóng, ngụp xuống nước với tôi trên tay. Lần khác, ông cho tôi ngụp xuống nước, rồi mới xốc tôi lên sau khi tôi đã uống vài ngụm nước biển. Tuy hiểu ba tôi muốn cho tôi làm quen với biển, và rồi có thể sẽ dạy tôi bơi, nhưng lúc đó tôi thấy ghét ông lạ!

Khi phải leo núi, tôi lùi dần đi sau hết mọi người, tới chân núi là ngừng hẳn. Sầm Sơn có hòn Trống Mái, hai hòn đá lớn đứng cạnh nhau, mà Khái Hưng đã lấy làm tựa đề cho một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của ông. Một hôm gia đình tôi leo lên đó chụp hình. Tôi đứng bám chặt lấy một tảng đá dưới chân núi. Ba tôi bèn bế tôi trèo lên núi, và khi tới đỉnh rồi, ông đặt tôi xuống. Ông dang ra xa, khiến tôi không còn cách nào bám vào ông được nữa. Cho đến năm 1975, chúng tôi vẫn còn giữ được một tấm hình chụp Hoàng Đạo và tôi trên Hòn Trống Mái. Ba đứng cách xa tôi, hai tay chống vào sườn, cười thích thú. Và tôi, một đứa nhỏ đứng co ro, gần như muốn ngồi thụp xuống vì sợ hãi. Tấm hình đó đã mất cùng với ngôi nhà bị niêm phong và tịch thu khi những người cộng sản chủ trương lấy nhà của dân miền Nam cấp cho cán bộ ngoài Bắc vào.

Tiếc rằng thời gian tôi ở gần ông quá ít để được huấn luyện thêm, nên cả hai căn bệnh trên đều không được chữa lành. Tới nay, tôi vẫn không biết bơi (dù rất thích biển) và vẫn sợ trèo núi.

*

Xa hơn nữa, là những ngày bố mẹ tôi mới có một mình tôi. Thời gian “độc tôn” này của tôi cũng chỉ kéo dài có 18 tháng. Ba tôi phải đi vào Đà Nẵng làm việc khi mẹ tôi đang có mang em trai tôi. Lúc đó, ông làm lục sự tại tòa án, thời mà ông đầu tư góp kinh nghiệp để viết cuốn “Trước Vành Móng Ngựa”. Gần Tết mẹ tôi đem tôi vào Đà Nẵng thăm ông.

Miền Trung là đất của Vua quan. Sự tôn kính trọng vọng quan lại ở mức độ rất cao. Các quan lớn đi ra ngoài, nhất là trong những dịp lễ lớn, đều mặc áo thụng xanh, đeo bội tinh, mề đay, thẻ bài đầy ngực. Ba tôi bảo mẹ tôi đi đặt cho tôi một cái thẻ ngà, trên khắc mấy chữ “Hàn Lâm Viện Tu Tu”. Mẹ tôi kể tôi rất hãnh diện với cái thẻ ngà đó, đòi đeo suốt ngày. Ngày Tết tôi mặc áo dài gấm xanh, đeo thẻ ngà, chạy tung tăng. Khách đến chơi, có cả các quan, thấy tôi diện kiểu đó bèn tò mò đọc mấy chữ khắc trên thẻ. Có người bảo nhỏ ba tôi: “Sao lại Tu Tu? Phải là Hàn Lâm Viện Biên Tu chứ!” nhưng cũng có người hiểu Ba tôi muốn chế nhạo quan trường đó thôi, và tức giận vì bị chơi khăm.

Cũng trong thời thơ ấu này, tôi đã được hưởng những săn sóc đặc biệt của ba tôi. Ông có một cái bếp cồn trên bàn nhỏ đầu giường, dùng để luộc trứng cho tôi ăn, vì tôi rất thích trứng luộc mềm (soft-boiled eggs). Mỗi sáng thức dậy, vì chưa biết nói, tôi chỉ tay vào bếp cồn ra dấu, thế là ông luộc cho tôi một quả trứng. Ăn một quả còn thèm, tôi lại chỉ vào bếp cồn nữa, và chiều con ông lại luộc thêm. Cứ thế cho đến một ngày, khi rửa mặt cho tôi, mẹ tôi thấy mũi bị vàng, kỳ cọ mãi cũng không sạch. Bà đem tôi đi khám, bác sĩ hỏi: “Bà có cho cháu ăn trứng không? Thường xuyên bao lâu một quả?” Mẹ tôi đáp, “Một hoặc hai quả mỗi buổi sáng.” Bác sĩ lắc đầu cười, “Quá nhiều! Gan nó bị ảnh hưởng đấy. Chỉ mỗi tuần một quả thôi.”

*

Lớn hơn một chút, tôi thích đợi đến giờ ông đi làm về để chạy ra đón bố. Tôi thường lên lầu ra bao lơn đứng chờ ông. Nhìn ra đầu phố, thấy bóng một người tầm thước, hơi gầy, trong bộ complet màu nhạt xuất hiện ở góc phố, tôi chạy vội xuống nhà dưới, mở cửa ra ngoài đón ba tôi. Tôi chạy vội nên nhiều khi ngã xấp ngã ngựa. Ông bèn đỡ tôi dậy, dắt về nhà, vừa đi vừa hỏi chuyện tôi. Có lần ông trao cho tôi một cuốn Sách Hồng, truyện nhi đồng của Tự Lực Văn Đoàn hồi đó. Cuốn truyện tựa đề “Lan và Huệ”, tác giả là Hoàng Đạo.

“Ba tặng con, hở ba?”

“Ừ, ba tặng con đó.”

Tôi sực nhớ đến cuốn “Cắm Trại” của Khải Hưng, cũng loại Sách Hồng. Trên trang đầu, tác giả cho in dòng chữ “Tặng em Triệu” (Triệu là tên con trai ông).

“Con muốn ba đề tên con vào, đề tặng con kia.”

“Về nhà ba sẽ viết tên con vào.”

“Con muốn ba in kia.”

Ba tôi bèn giải thích rằng cuốn này đã in rồi, thôi để lần sau viết cuốn khác ba sẽ in tên con. Nhưng ba tôi không viết Sách Hồng nữa, và tôi chẳng bao giờ có được cuốn sách tặng in tên mình như tôi hằng ao ước.

*

Có lẽ ít người biết rằng Hoàng Đạo lại rất mê đọc tiểu thuyết kiếm hiệp Tàu. Thật vậy, tôi vẫn đi thuê về cho ông đọc chung. Hôm tôi mượn cuốn Phong Thần về, đưa khoe ba tôi, ông cầm lấy đọc ngay. Tôi ngập ngừng một chút rồi phản đối:

“Ba! Con đi thuê về mà. Con chưa đọc.”

“Quyển này, con không đọc được.”

Ba tôi nghiêm giọng trả lời.

“Sao vậy, ba?”

Tôi hơi lo, đoán trong truyện có những điều một đứa trẻ mười tuổi không nên biết. Ba tôi suy nghĩ một chút, rồi trả lời:

“Vì cuốn này ba phải đọc trước đã.”

“Sau đó, con đọc được không?”

“Được chứ!”

Thế là ba tôi đã tranh đọc trước cuốn sách!

*

Sau khi từ trại An Trí Vụ Bản trở về, tính chất tinh thần ba tôi dường như có thay đổi. Trước kia, ông không hề tin tưởng bất cứ gì có tính cách thần linh, siêu thực. Ông cho rằng tín ngưỡng – để đi đến mê tín – đem lại cho người dân một nước lạc hậu nhiều hại hơn lợi. Ông không đã kích tôn giáo, mà chỉ đã kích những hủ tục liên hệ đến tôn giáo. Tuy nhiên ta cũng dễ thấy ông không hề tin một tôn giáo nào, khi đọc những phần “Đi xem mũ ni” và “Đi xem mũ giáy” trong thiên phóng sự “Những cuộc điều tra phỏng vấn không tiền khoáng hậu” đăng trong báo Phong Hóa.

Vào những năm cuối đời, Hoàng Đạo đã làm hòa với tôn giáo, trở về với tín ngưỡng. Trong một buổi lễ quy y đầu Phật tổ chức tại nhà bà ngoại tôi, ba tôi đã dự lễ này cùng toàn thể gia đình. Tất cả đều đã được vị sư chủ lễ đặt cho Phật hiệu. Đạo hiệu của ba tôi là Phúc Vân, cũng phù hợp với tên Tường Long của ông.

Lần cuối tôi được trông thấy ba tôi là ngày ông sửa soạn ra đi với phái đoàn hòa giải của Chính Phủ Liên Hiệp. Ba tôi đứng xoay mặt vào tủ gương thất cà vạt, nói chuyện với mẹ tôi về nhiệm vụ sắp tới của mình. Tôi nhìn vào khuôn mặt ba tôi trong gương, không thể ngờ rằng đó là lần cuối. Việc hòa giải thất bại, ba tôi phải lánh sang Trung Quốc và không bao giờ trở về nữa.

*

Ba tôi đã mất đi đột ngột trên một chuyến xe lửa từ HongKong về Quảng Châu, sau khi tiễn mẹ tôi và em trai tôi sang thăm trở về Việt Nam. Đang đọc báo, ông gục đầu xuống vĩnh viễn ra đi. Không một người thân bên cạnh. Có thể là vì bệnh tim? Hay vì một lý do nào khác? Nghi vấn này chưa được giải đáp, và có lẽ chẳng bao giờ được giải đáp. Nơi yên nghỉ cuối cùng của ông là một nghĩa trang ở trấn Thạch Long, nghe nói sau này Trung Cộng đã giải tỏa để làm khu dân sinh. Năm xương tàn của ông đi về đâu, tôi nghĩ đó không phải là điều quan trọng nhất. Bởi vì cái phần tinh anh của Hoàng Đạo vẫn tồn tại trong các tác phẩm của ông, nhất là trong các bài báo nghị luận tranh đấu thời đó. Tinh thần hài hước, tài châm biếm tuyệt vời vẫn còn đó. Hình ảnh của Hoàng Đạo, khuôn mặt nghiêm nghị với vàng trán bích lập, và đôi mắt sáng trầm tư vẫn sống trong tâm hồn những người thân yêu của ông còn sót lại trên thế gian này.

Phụ đính:

Ánh sáng

- Phở có nóng không bác?
- Nóng.
- Vậy bác bán cho tôi ba xu.

Cậu bé đặt sáu đồng trinh lên mặt gánh, lặng yên đứng nhìn người bán phở nhấc môi bánh nóng hôi hôi đặt vào bát. Hơi nóng trong nồi nước dùng bay tỏa ra từng đám trắng, gió chiều thổi tạt về đầu phố.

Bằng đứng phía cuối gió, đương thẩn thờ cúi xuống nhìn cỏ, bỗng giật mình ngược mắt lên. Vô tình ngọn gió đã đột ngột đem theo mùi thơm ngào ngạt làm giác quan chàng rung động. Bằng quen tay thò vào túi, và sực nhớ rằng đồng hào cuối cùng chàng đã tiêu hết từ chiều hôm trước, cả gia tài chỉ còn một đồng trinh.

Lại một làn gió thơm đưa tới, nhẹ nhàng vờn mớ tóc rối của Bằng. Như đột nhiên nghĩ đến một việc cần, Bằng hấp tấp rảo bước đi thật nhanh. Qua gánh phở, chàng ngoảnh mặt chăm chú nhìn một bông hồng lách qua giậu sắt, rung rinh trước gió, hình như không nghe thấy tiếng hàng phở chào:

- Mời thầy mua cho một bát.

Thực thì Bằng vẫn nghe rõ lắm. Nhưng chàng không muốn lên tiếng từ chối trong khi lòng chàng rạo rức nôn nao. Chàng đói. Chàng đói lắm: từ sáng đến giờ, chưa có một hột cơm nào trong bụng, mà cứ thế lang thang hết phố này sang phố khác.

Bằng lang thang đi tìm việc làm. Đã hai tháng nay, từ hôm Sở dầu thải hơn sáu chục người làm công, không có ngày nào là Bằng không đi như vậy. Chàng chỉ biết có một nghề đánh máy chữ và tính sổ, mặc dầu cha mẹ chàng xưa kia chuyên nghề làm ruộng. Đáng lẽ như người khác,

Bằng bây giờ đã vác cày ra đồng, khó nhọc kiếm lấy miếng ăn dưới ánh nắng thiêu, trong những ruộng lầy. Nhưng thuở nhỏ chàng chăm chỉ và thông minh hơn trẻ khác, nên cha mẹ chàng cố nuôi chàng ăn học, có mấy sào ruộng bán dần đi hết. Bằng vì thế trở nên một thầy ký. Công việc có nhẹ nhàng nhưng cảnh người làm công, cảnh bức bách. Có điều mỗi lúc về quê, họ hàng đối với chàng đều có vẻ trọng vọng tôn kính. Còn chàng chắc cũng an phận, nếu kinh tế không khủng hoảng. Nhưng đã gần một năm nay, sở nào cũng nghe thấy nói đến việc thải người làm. Trong Sở dầu, anh em thường thì thăm bàn đến một cách sợ sệt. Duy ai nấy cũng thăm tưởng, thăm mong rằng có thái cũng không đến mình. Bỗng một hôm, đương lúc mọi người cặm cụi làm việc, người loong toong chạy vào:

- Mời các ông lên quan Đốc gọi.

Trong phòng giấy rộng rãi, sang trọng, ông Đốc đứng nghiêm trang trong bộ áo là nếp thẳng thắn. Ông cảm ơn mọi người đã làm hết phận sự, rồi ông tỏ nỗi lòng ông băn khoăn, khổ sở mấy hôm vừa qua:

- Các ông ạ, sự khủng hoảng bắt buộc chúng tôi phải rời các ông, tôi lấy làm tiếc vô hạn. Tôi mong sẽ có ngày kia, kinh tế vững chãi và các ông sẽ lại về làm ở đây.

Nói xong, ông Đốc xem vừa ý lắm, thất lại cái cà vạt, vuốt lại mái tóc mượt, vẻ mặt sung sướng khoan khoái, ông bước lên xe ô tô hòm giục tài xế đưa đến một khách sạn sang để dự bữa tiệc chiều.

Trong khi ấy, các ông Ký bị thải ngỡ ngác nhìn nhau, rồi buồn bã người nào trở về nhà nấy với mâm cơm cà và rau muống luộc.

Ngày theo ngày, những ngày dài dằng dặc, những ngày ngồi rỗi với một tâm hồn chán nản, với cuộc tương lai mập mờ bất trắc. Mâm cơm cà và rau muống dần dần cũng không có nữa. Bằng đã tới cái cảnh ngao ngán ấy. Về quê làm nghề nông thì không còn một thửa ruộng - Bằng cũng tự biết không đủ sức cày sâu, cuốc bẫm - và làm thợ thì không biết nghề gì, Bằng chỉ còn mong tìm được một chân bàn giấy. Chàng tiêu dần hết cả tiền dành dụm, mà không có chút hy vọng nào.

Ngày hôm nay, chàng không còn một đồng xu dính túi. Đã vậy, chủ nhà, bà Cai Đá, lại nhất định đòi tiền thuê nhà, và sau một hồi thuyết lý mĩa mai, bà ta hẹn lại cho Bằng đến sáng mai phải trả, nếu không thì đứng trách.

- Đứng trách!

Bằng nhếch mép cười một cách chua chát, tâm trí đầy rẫy nỗi uất ức, tức giận. Chàng ngẫm nghĩ:

- Dốt nát ngu xuẩn như cụ Cai Đá thì chỉ việc ngồi duỗi mà sống một cách sung sướng đầy đủ, còn mình muốn làm vất vả cả ngày để nuôi thân mà cũng không được. Ông trời bất công thực.

Bằng ngửa mặt nhìn lên không trung. Trời chiều trong xanh như ngọc thạch. Mấy đám mây hồng nhẹ nhàng trôi. Bằng cảm thấy rõ sự vô lý của lòng oán hận một cảnh vật vô tình, thần nhiên...

Bỗng chàng giật mình. Một tiếng còi gắt gỏng, một câu nói bản và một cái xe ô tô vụt qua trước mặt chàng. Chỉ chậm một giây nữa thì Bằng bị ô tô cán phải. Thì ra chàng bước xuống đường nhựa lúc nào không biết.

Sợ hãi, Bằng lùi lên bờ hè, mới hay mình ở trước vườn hoa nha Đốc lý. Một nhọc, chàng ném mình xuống một cái ghế dài gần đấy, ôn lại cái nạn vừa xảy ra:

- Thật là chết hụt!

Ngẫm nghĩ, chàng tắc lưỡi:

- Chà! Chết mà lại hay... Sống khổ sở thế này thì cũng chẳng nên sống làm gì.

Thở dài, chàng xua đuổi ý nghĩ chán nản nhìn ra chung quanh. Trời đã nhá nhem tối, những bông cúc trắng rung rinh trong ánh sáng mờ mờ khiến Bằng nhớ đến cảnh xa hoa của tết năm nào.

Có tiếng nói sẽ như đáp lại ý nghĩ của Bằng:

- Lạy thầy đón tay làm phúc.

Trông người ăn mày hốc hác, rách rưới, đứng chĩa tay trước mặt,

Bằng nở một nụ cười buồn tênh, lắc đầu ra hiệu rằng mình không có tiền. Người ăn mày vẫn nhẩn nhục đứng lải nhải xin. Bằng đứng dậy móc túi lấy đồng trinh còn lại ném cho, rồi vừa đi vừa nói một mình.

- Thế là hết.

Chàng lần theo những phố đông đúc, trong lòng thấy vui vui vì đã cứu một người nghèo khó hơn mình. Thấy đói và mệt, chàng dừng lại nhìn một cửa hàng bán vàng bạc, tò mò ngắm nghía những chiếc nhẫn dát kim cương lóng lánh bên cạnh mấy đôi xuyên huyền nạm vàng.

- Nếu ta có một chiếc xuyên kia nhỉ?

Bỗng một ý nghĩ bất chính nảy ra trong trí Bằng. Như muốn tránh sự cám dỗ, chàng ngoảnh nhìn sang một cửa hàng ở dãy bên kia phố. Trong khung kính, mấy miếng xúc xích đang lơ lửng trên vài chiếc bánh tây ngon lành, và những chiếc bánh sữa đường phoi màu vàng ngọt dưới ánh điện sáng trưng. Bằng rùng mình, tưởng tượng ra một bữa tiệc long trọng, những chiếc bánh đặt trong giỏ mây bên cạnh những cốc pha lê trắng muốt, những đĩa thịt thơm tho. Bằng rùng mình, vì ý nghĩ chiếm đoạt tiền của người khác đã hình thành trong óc chàng và xui giục chàng thò tay vào lấy trộm chiếc xuyên.

- Họ có mất chiếc xuyên cũng không sao, mà ta lại được một bữa cơm ngon.

Bằng thò đầu vào cửa hàng bỏ vắng, bỗng chàng nhìn thấy bóng trong gương, mặt mày len lét, bơ phờ. Chàng kêu rú lên một tiếng rồi cắm cổ chạy như tội nhân đi trốn.

Về đến nhà, Bằng mới hoàn hồn, chàng nằm vật xuống phản, thở hồng hộc, như vừa mới thoát khỏi một cái nạn to: thiếu chút nữa, chàng đã thành một thằng ăn cắp. Nhưng nghĩ đến cách sống ngày mai, Bằng càng bối rối. Biết làm gì mà nuôi được thân bây giờ, ngoài việc bất chính? Hay là đi hành khất? Bằng nhớ lại người ăn mày ở vườn hoa Đốc lý, nhớ lại cái nạn ô tô suýt nữa xảy ra. Chàng than thở:

- Nó chẳng đê chết đi cho rảnh chuyện.

Một tư tưởng vụt ra trong trí, khiến chàng thẫn thờ lẩm nhẩm:

- Âu là...

Rồi Bằng ôm mặt nước nở khóc.

*
* *

Mặt trời đã lên cao. ánh nắng êm đềm xuyên qua cửa sổ. Bà Cai Đá trỗi dậy, với lấy ống nhỏ, gọi con sen:

- Đò, mày chạy xuống đòi thầy Bằng tiền nhà đi.

Rồi bà lẩm bẩm:

- Lần này mà không trả thì bà bảo cho. Đã hai tháng của người ta rồi, mà cứ chây ra, người đâu mà trơ đến thế!

Con sen vừa mới bước xuống cầu thang, bà Cai Đá khoác vội cái áo dài, chạy liền theo, nét mặt hầm hầm.

Đến cửa phòng Bằng ở, bỗng bà đứng dừng lại, ngạc nhiên. Bà trông thấy Bằng ngồi trên thành cửa sổ tay gõ dịp xuống tường, miệng hát nghêu ngao...

- Thế nào, thầy trả tiền nhà tôi đi chứ?

Như không nghe thấy câu hỏi của bà Cai, Bằng cúi hẳn người ra ngoài, nhìn chòm lá long nảo phấp phới rung rinh trước gió, tươi cười như một cô con gái nhí nhảnh. Bằng không hiểu sao mình vẫn còn sống mà ra đây nhìn ánh sáng và chàng lấy làm lạ rằng sao lúc này chàng lại cảm thấy một cách đầm ấm hơn mọi khi, cái vui, cái đẹp của đời.

Rút từ tập truyện ngắn *Tiếng đàn*,
Nxb. *Đời Nay*, Hà Nội, 1941

Một gia đình

Độ ấy, tôi hay đi chơi tối. Sau bữa cơm chiều, tôi đứng hóng mát ngoài hiên một lát, rồi đi bách bộ về phía chợ Hôm. Nhà tôi ở một ngõ hẻm lách gần bờ sông, phải đi qua những phố rộng, lặng lẽ và tối tăm dưới những vòm lá cây đen sẫm. Từng quăng, một ngọn đèn điện nhỏ, lác lác như người say rượu, lay động một vùng sáng mờ mờ vàng. Tôi lặng yên bước, nghe tiếng gót giày vang lên trong đêm vắng. Thỉnh thoảng ngược mắt nhìn qua kẽ lá, một miếng trời xám hay vài ngôi sao ánh sáng trong và mát. Thong thả, tôi đi vào bóng tối, trong lòng bình tĩnh như vào nhà một người bạn. Đêm ở Hà thành dịu dàng, thân mật khác hẳn với những đêm âm thầm, mệnh mang đầy sự kinh hoàng của thôn quê.

Ra đến phố Huế, tôi có cái cảm tưởng vào một thế giới khác, rộn rịp, đầy ánh sáng. Tiếng cười ồn ào, lẫn với tiếng xe cộ, tiếng rao hàng. Bóng người đi lại. Trước những gian hàng sáng trưng, một đám người ngồi nói chuyện hay một bọn trẻ con nô giỡn. Những cảnh tượng ấy tôi đã quen lắm, nhưng mỗi lần tôi lại thấy trong lòng đầm ấm hơn lên. Sự cô tịch, dầu êm ái bao nhiêu, cũng vẫn giấu chút hương buồn. Và bỗng rời sự quạnh quẽ đến một nơi đông đảo, sáng sủa, lòng người tự nhiên vui vẻ lên, sung sướng hơn, như sống lại cái cảm giác xa xôi của ông cha đời thái cổ trước ánh lửa trại.

Những lúc ấy, sự vui vẻ ngọt ngào hơn, nếu ta được nghe những giọng điệu du dương của cung đàn tiếng hát. Có lẽ vì thế mà không bao giờ tôi quên được vợ chồng nhà chị Tạc. Tôi không biết chị ở đâu, nhưng cứ vài ba hôm, vợ chồng chị lại đến ngồi ở góc đường, hát xẩm.

Chồng kéo nhị hay gảy đàn bầu, vợ hát. Thằng cu con, độ sáu, bảy tuổi, nhem nhuốc, cái áo cánh nâu rách ngắn để hở rốn, ngồi nghịch cái chậu thau đã han rỉ, dùng để đựng tiền.

Lần đầu tới gặp cái gia đình nhỏ ấy là một buổi tối oi bức. Không một ngọn gió. Hơi nóng hấp ở đất xông lên, nồng nực, đầy cát bụi. Tôi sắp sửa gọi xe để đi tìm ít gió mát ở nơi khác, bỗng ngay đầu phố cất lên tiếng hát của chị Tạc, trong vắt như nước suối, ngân nga, gọi lên một cảm giác mát và nhẹ nhàng. Tiếng đàn bầu họa theo, vang lên những tiếng khóc trong. Lũ trẻ con đương chơi bóng trên hè dừng lại. Một đứa kêu:

- A! Xăm. Lại nghe đi.

Chúng chạy xô ra đầu phố, rồi đứng đờ đờ, ngây ra nhìn và nghe. Mấy người hóng mát ở gần đấy, dừng câu chuyện ngồi lặng yên lắng tai. Mọi người đều quên cả nóng bức. Tiếng hát mỗi lúc một cao, người đến xem mỗi lúc một đông.

Chị Tạc giọng đủ giọng, chị đi từ giọng Bắc, nhanh nhẹn, lưu thoát, sang giọng Nam, chứa đầy nỗi buồn mênh mang. Toàn những âm điệu hồn nhiên, rung động lòng người, đưa tâm hồn đến những thế giới tình cảm xa xăm, đầy thơ, đầy mộng, đầy hương thơm. Chốc chốc, chị ngừng hát, nhưng trong yên lặng, dư âm của lời ca vẫn còn xao xuyên trên dây đàn của linh hồn. Giọng trong trẻo của chị Tạc bắt theo điệu đàn trong khiến tôi mê mẩn tâm linh như hòa hợp với những thời kỳ vãng mung lung. Tôi sống lại cả một thời thơ ấu, đương ẩn náu trong nơi vô giác của tâm linh; tôi say sưa hưởng hết cả hương vị của những tiền kiếp nào, xa xôi, mịt mù, và trùm qua ký ức ấy, một tình cảm nhớ thương không bờ bến.

Từ hôm ấy, không mấy ngày tôi không đến nghe vợ chồng chị Tạc. Thằng cu con đã quen mắt, thấy tôi là nó cười, bỏ chiếc chậu thau chạy lại. Có khi tôi đưa nó một xu, một trinh, nhưng thường thường tôi mua cho nó một chiếc kẹo. Nó thích lắm, giựt lấy rồi vội vàng chạy về chỗ, cắn, nhai cả cái giấy bọc. Vợ chồng chị Tạc biết tính tôi, thi nhau khoe tài, chồng nấn nót từng tiếng đàn, vợ cất giọng thật trong theo những điệu tôi chưa từng nghe. Thế nào cũng có một vài điệu chèo là những điệu tôi ưa nhất. Những điệu ấy, chị Tạc hình như quen lắm. Tôi thấy lúc chị dễ dàng hát thay đổi những bài chị đã thuộc, mặt chị khác hẳn đi. Mắt chị ngày thường lơ đãng, bỗng sáng hẳn lên, khuôn mặt trái xoan rần reo quá sớm như trẻ lại. Tôi sực nhớ đến câu bình phẩm mà tôi đã được nghe một buổi chiều nào:

- Nhà chị xăm này hình như ngày xưa đi hát chèo thì phải!

Có lẽ chỉ là một câu đoán phỏng của một người nghe thấy chị Tạc hay ca giọng chèo, nhưng tôi không thể dừng nghĩ ngợi bằng khuâng. Lắm khi, ngồi nghe chị, tâm trí tôi vẫn lơ trôi theo dòng tưởng tượng. Chị Tạc là một đào có tiếng của một gánh chèo, nhí nhảnh, nũng nịu, một nụ cười tinh ranh luôn luôn nở trên môi thắm. Chị theo gánh hát đi hết nơi này đến nơi khác; qua những cánh đồng lúa non, gió thổi giạt xuống như tấm thảm nhung lay động, qua những ngọn đồi tím, trơ trụi mấy cây thông giơ thân hình khắc khổ, men những vùng cát trắng, những ruộng muối đỏ, mơ màng nhìn những cánh buồm nâu cất hình lên mặt biển màu ngọc bích. Chị đi, vui vẻ, không lo, không nghĩ, như một con vật non, sống cái đời phiêu bạt, chìm đắm trong tiếng hát, cung đàn. Đêm đêm chị lại thay hình trở nên cô công chúa nồn nà dưới dải mũ rung rinh ánh sáng, hay cô thôn nữ thơ ngây, áo nâu non, thắt lưng cá vàng, ngồi bán nước dưới gốc đa. Con mắt sắc của chị đã say đắm bao nhiêu trai làng khăn lượt, áo thâm; giọng hát trong của chị đã đem lại cho bao nhiêu người vất vả một chút quên, quên những nỗi cực khổ hằng ngày để đắm đuối trong âm thanh.

Thế rồi, một ngày xuân ấm, lộc cây đầy nhựa, chị gặp người yêu.

Tôi nhìn anh Tạc, gầy ốm trong mảnh áo rách, nước da đen xám vì dãi dầu. Thừa ấy, có lẽ anh là một trang niên thiếu phong nhã, yêu âm nhạc, cảm thanh sắc, bỏ nhà cửa theo gánh hát của cô đào xinh xắn đã cướp đoạt lòng anh. Hai người đã sống trong ái tình; những đêm thanh vắng, chị đã biết bao lần cất tiếng ca nổi lòng u ẩn để riêng anh rạo rức nghe; những buổi chiều vàng rục, linh hồn của hai trẻ đã từng hòa hợp với lá, với cỏ xanh non hơn dưới ánh nắng sắp tàn.

ánh chiều qua, ánh chiều lại qua. Chuỗi ngày ái ân bao giờ cũng ngắn ngủi. Thời khắc trôi, và trôi theo tuổi trẻ, tình yêu và hy vọng. Gánh hát tan. Anh chị đưa nhau về ẩn một nơi thôn quê trầm tịch, nhưng người ta không thể chỉ sống bằng ái tình và nước lã. Hai người đã cố tìm việc làm, đã dày dạn nắng mưa, đã biết đời cực nhọc.

Cũng như những con ve không biết phòng xa, anh chị đã phải sống trong sự cùng khổ. Bây giờ đây, sống tạm bợ cho qua ngày, hai người có lẽ không còn nhớ những tình cảm ngây ngất, những giây phút mãnh liệt thuở trước nữa. Sự nghèo khó đã in vết răn trên trán. Người lam lũ chóng khô héo. Tôi ngồi nhìn vợ chồng chị Tạc, bây giờ không tìm thấy dấu vết cuộc đời xưa. Trên nét mặt hai vợ chồng, tôi chỉ còn nhận thấy vẻ nhẩn nhục của những người nghèo khó. Không lúc nào hai vợ chồng còn nở được một nụ cười vui vẻ; họa hoằn một đôi khi tiếng trinh, tiếng xu ném vào chậu thau liên tiếp, vẻ mặt hai người mới sáng lên một chút. Lúc đó, chồng nấn cung đàn, vợ cao giọng hơn lên, nhưng chỉ còn là mong đợi được người ta thưởng nhiều hơn. Không bao giờ chị còn hát cho chị nghe nữa, cho chồng chị nghe nữa, mà chồng chị cũng không còn rạo rức như xưa; chị, ngày nay, chỉ còn hát để mà nuôi thân.

Những ngày hè oi nồng đã hết, và cũng đã hết những ngày trong sáng của mùa thu ngắn ngủi. Gió bắc đã bắt đầu đuổi lá bàng trên những con đường vắng, và tiếng sếu kêu lạnh đã vang động trong đêm khuya. Con gái nhà giàu mặc thử những bộ áo nhung ấm, con nhà nghèo rét run trong mảnh áo rách.

Đêm đến, đường sá vắng tanh, không có vẻ đông đúc rộn rịp nữa. Cuộc sinh nhai ngoài phố càng thêm khó khăn; càng ngày càng thấy vắng người dừng chân nghe vợ chồng chị Tạc. Họ vội vàng đi về những căn nhà ấm cúng, hưởng sự êm đềm của gia đình, không ai nghĩ đến những cảnh đời thiếu thốn chung quanh. Tiếng xu rơi vào chậu thau mỗi đêm một hiêm, và tiếng hát của chị Tạc không thấy cao lên nữa.

Thỉnh thoảng, tôi vẫn gặp hai vợ chồng chị, nhưng gió mỗi lúc một rét, tiếng đàn tiếng hát mỗi lúc một nhanh; và những buổi mưa phùn lạnh lẽo thì điệu Nam ai gần hóa ra điệu Bình bán. Thằng cu con trời rét mà vẫn mặc có cái áo cánh rách; mẹ nó chỉ bó thêm vào mình nó một manh chiếu con để che gió. Tuy vậy, tôi vẫn thấy nó run cầm cập và bỏ cả chậu thau, nép mình vào người mẹ cho ấm. Chị Tạc vừa ôm con lên lòng vừa hát; chị cũng thấy lạnh, môi chị đã thâm lại, chốc chốc chị lại dừng, ho khan lên một tiếng ngắn. Một vài phút sau, không có ai, vợ chồng cuốn chiếu dắt nhau đi, không biết đi về đâu nữa. Nửa tháng sau đến chỗ cũ, tôi không thấy vợ chồng chị Tạc như mọi lần. Thu mình trong áo, tôi nghĩ rét mướt đã đuổi anh chị đi phương khác kiếm ăn và cũng không để ý đến nữa.

Một hôm, có việc về chơi người anh em ở Bạch Mai, tôi rẽ qua xem nghĩa trang Hợp Thiện. Trời đã xế chiều, ánh nắng còn thếp vàng những ngọn cây cao. Cỏ tươi thắm. Hoa vạn thọ vàng thắm. Bỗng tôi rùng rợn thấy lạnh lẽo cả tâm hồn, nhưng không dám phân tách rõ cái cảm giác lạnh lẽo ấy.

Trời tối dần. Về phía mộ làm phúc, tôi chợt thấy một đám ma người nghèo. Ba, bốn người phu đương khiêng một cái quan tài mộc, theo sau một người lớn và một đứa trẻ. Một nỗi buồn thấm thía đến tận đáy lòng tôi khi tôi nhận ra cha con anh Tạc. Tôi sực nhớ đến tiếng ho khan của chị

Tạc những đêm đông giá lạnh, và tôi chợt hiểu vì lẽ gì ít lâu nay tôi không gặp vợ chồng chị. Trong lúc ấy, áo quan từ từ đặt xuống hố, tôi nghe tiếng rút dây rờ ràng trong sự yên lặng của buổi chiều. Rồi có tiếng khóc rên rỉ, đem lại một nỗi buồn mênh mông.

Mộ đã đắp xong. Đột nhiên tôi thấy những nét trắng của mấy bông huệ rung trong bóng tối, như sự xao động cuối cùng của một linh hồn sắp tiêu diệt. Người tôi lúc đó dễ xúc cảm như một cốc pha lê mong manh, sẽ động là có tiếng vang. In sâu vào trí nhớ những chấm đỏ thẫm của hương, mùi thơm mát trong gió. Anh Tạc, thằng cu con, mấy người phu trở nên những vết lờ mờ không rõ, nhòa trên nền cỏ đen. Không một tiếng động. Im lìm. Trong một giây, tôi có cái cảm giác người và vật sắp tan vào bóng tối.

Có tiếng nói. Như một sự quái lạ:

- Cho chúng tôi tiền để chúng tôi về. Tối rồi.

Câu nói thản nhiên của bọn phu trong cái không khí âm thầm tôi nghe như một sự xúc phạm. Lặng lẽ, tôi bước lại, cho chúng một hào, và còn bao nhiêu tiền trong túi tôi dốc cả vào tay thằng cu con.

Từ hôm ấy, tôi không gặp cha con anh Tạc lần nào nữa. Có lẽ anh lang thang với chiếc đàn lè loi, với những nỗi đau khổ ngấm ngấm, cha con không chết đói là anh không còn mong mỏi gì nữa.

Và từ đấy, tôi cũng bỏ mất cái thú đi hóng mát buổi chiều.

Rút từ tập truyện ngắn *Tiếng đàn*,
Nxb. *Đời Nay*, Hà Nội, 1941

Dưới làn sóng

Đã mười hôm, mưa tầm tã. Mực nước lên cao dần. Trống họ đê đánh liên thanh không dứt. Tiếng trống đều đều gọi trong linh hồn dân quê những nỗi hãi hùng man mác, nghe buồn thảm như tiếng trống ngũ liên một đêm tối trời. Dân phu từng đám trên đê, đắp cù, đan tre trong không khí yên lặng ghê sợ. Mấy ông kỳ mực, quần ống cao ống thấp, ngồi xổm dưới túp lều trống gió, vẽ mặt bơ phờ nhìn theo chiếc xe "quan" đi về phía huyện lỵ. Chiếc xe tay khấp khểnh nhọc mệt lăn trên con đường gồ ghề; một chú lính lệ tay xách chiếc túi chạy theo sau.

Trong một đám dân phu, Mịch đang nai lưng làm việc. Anh vác từng thúng đất đào ở một thửa ruộng gần đấy đem lên mặt đê để đắp cù. Thình thoảng, mệt, anh đứng lại thở, nhìn ra mặt sông, lắc đầu lo ngại. Sông đỏ mênh mông, chảy từ từ như một huyết quản khổng lồ của một con quái vật nào. Mịch đưa mắt theo những đám bọt vẩn, những thanh củi lạc từ từ trôi về miền hạ du, mơ màng nghĩ đến cảnh rừng thẳm âm u là nơi mưa lũ đuổi những lá, những cành các thứ cây lạ trôi về. Cảm giác ấy thoáng qua trong óc Mịch như một tia chớp rồi Mịch lại quay trở lại với công việc. Mịch hí hục vác, nhanh nhẹn, nhịp nhàng, không hề nghĩ đến cái có bắt Mịch ra đây làm việc công.

*

* *

Trưa hôm ấy, trời hửng nắng. Mọi người trông nhau, tươi tỉnh hẳn lại. Mịch vui vẻ ngồi ăn bữa cơm trưa. Anh đói nên ăn rất ngon miệng. Vài bát cơm khoai, mấy con cá kho muối, anh thấy hương vị đậm đà, nên lúc giở cơm đã hết, anh chép miệng nói một mình:

- Giá có cơm nữa mà ăn nhỉ!

Bỗng Mịch nghĩ đến gia đình. Anh băn khoăn tự hỏi:

- Chẳng biết hôm nay mẹ cái ốc có mò được con cua nào không? Rõ khổ... Mình ở đây còn có cơm ăn, chứ mẹ con nó biết nuôi nhau bằng cái gì?

Mịch thờ dãi nghĩ đến cảnh nhà bần bách.

Có vài sào ruộng công để cày cấy thì đã đem cầm cố đi cả; anh chỉ còn nghề làm mướn để sinh nhai. Nhưng anh không bao giờ bận lòng oán thán, vì yên chí rằng ở trên đời, sự khổ sở, cơ cực là phận của anh, còn sung sướng, thong thả là phận của người khác.

*
* *

Chiều đến, công việc hộ đê có vẻ uể oải. Mấy ông kỳ mục, được hôm tạnh ráo, ngồi đánh tổ tôm với nhau trong điểm. Dân phu thì tụm năm tùm ba ngồi trên bờ đê than thở.

- Nước năm nay to y như năm Dần...

- Có lẽ hơn, bác ạ.

Ai nấy buồn bã nhìn ra ngoài đê. ánh tà dương viền bạc đám mây xám nằm ngang phương tây, nhuộm tía mấy đám mây lơ lửng trôi ở trên không, phản chiếu xuống mặt sông, mặt đê, xuống cánh đồng lúa non rợn xanh đến chân trời. Không một ngọn gió trong không khí nặng nề. Lòng sông mênh mông cũng ngừng lại không chảy nữa. Người và vật chìm đắm trong một giấc mơ êm tĩnh lạ thường...

Bỗng trong đám mây xám, Mịch nhác thấy một tia chớp. Một lúc sau, trời tự dưng tối sầm lại; màu nước, màu mây biến ra nhợt nhạt trong một thứ ánh sáng mờ ảo. Mặt sông gợn sóng. Mây kéo lên khắp trời. Khoảnh khắc, dưới ngọn cuồng phong, sóng bạc đầu theo nhau nổi lên trên mặt sông mỗi lúc một mau. Mưa đổ xuống như thác. Trời tối hẳn. Tiếng trống hộ đê lại bắt đầu gieo nổi kinh hoàng vào lòng người. Lẫn trong tiếng tre sột soạt, tiếng sóng ì ầm vỗ vào mạn đê, tiếng trống nghe bỗng trầm như tiếng kêu cứu của một người hấp hối. Thịnh thoảng, trong khoảng trời mù mịt, hiện ra một bó đuốc gieo ánh sáng đỏ thê thảm ra chung quanh rồi biến đi, khiến đêm tối lại càng thêm tối. Mịch, thân thể ướt át, đứng ở mạn đê cầm cọc tre xuống một cách mạnh mẽ, nhưng tuyệt vọng. Anh cảm thấy sự kinh khủng bao bọc lấy mình, như nom được sự hung hãn dị thường của những sức mạnh huyền bí vô cùng của trời đất. Trước những mãnh lực tàn khốc ấy, Mịch có cái cảm tưởng rõ rệt rằng cả anh và những người khác bên cạnh đều nhỏ nhất, yếu hèn như giống kiến, giống trùng, không thể cản trở hay kháng cự lại được.

Như đáp lại tư tưởng của Mịch, gió gào một khắc một mạnh. Hạt mưa nặng rơi trên chiếc nón lá bắn nước tung tóe ra chung quanh, gió thổi tạt vào một phía, khiến chàng tối tăm cả mặt mũi. Mỗi khi Mịch cúi xuống đổ đất, anh lại nghe thấy tiếng sóng vỗ mạnh vào mạn đê như tiếng gầm giận dữ của một con mãnh thú trong cơn điên cuồng.

Bỗng cách Mịch vài trăm thước, ầm lên một tiếng lớn vang động như sấm. Theo ngay sau một tiếng kêu thất thanh rơi vào trong bóng tối. Giật mình, dân phu ai nấy đều dừng tay, yên lặng. Họ đều có cái cảm giác rằng một tai nạn ghê gớm vừa tới. Trước mặt họ, những hình ảnh khốc hại thoáng hiện ra, những hình ảnh họ đã từng biết: cánh đồng lúa xanh mềm biến đổi ra hồ nước mênh mông, nhà cửa đổ sụp trôi theo dòng nước, đàn bà trẻ con nheo nhó chạy lút... Mịch sực nhớ đến vợ con. Anh kinh động lo lắng. Nhà anh ở ngoài đầu làng, gần cây đa lớn bên đường và nếu nước chảy xiết về, anh sợ không đủ vững.

- Phải về, phải về mới được.

Tiếng nước reo mỗi giây một rõ. Mịch hồi hộp nhìn lên. Hai bên bờ hội khẩu, dưới ánh trăng mờ tỏ của vài bó đuốc bật ngọn trước luồng gió dữ, bóng người lung lay trên nền trời đen thẫm, dật nên một cảnh tượng ghê sợ. Mịch rùng mình. Anh nhìn con nước xối vào cánh đồng ầm ầm như thác ngàn đổ, mãnh liệt không có sức nào cản nổi. Anh nhìn chung quanh. Toàn những bộ mặt nhợt tái diễn tả bao nhiêu nỗi khủng khiếp ngấm ngấm.

Hơn một giờ sau, Mịch mới tìm được chiếc thuyền nan. Anh nhân lúc lính vô ý, trốn thoát nhảy xuống thuyền, tâm trí để hết đến việc trở về làng. Một tay anh cầm gáo tát nước ứ ra ngoài, còn một tay ra sức chèo. Trong đêm tối, hạt mưa nặng vẫn ào ào đập lên chiếc nón lá, gió vẫn thổi mạnh. Con thuyền bị trôi băng trên mặt nước, Mịch phải để ý giữ gìn từng li từng tý mới khỏi sóng đánh úp. Anh thuộc đường lắm nên khi ngược nước, chiếc thuyền con có chèo chành nhưng đi vẫn thoát.

Nửa giờ qua. Mịch thoáng thấy bóng cây đa cổ thụ in đám lá đen kịt lên màu trời đen xám. Lòng anh hồi hộp, phấp phồng. Anh vẫn biết trong lúc nguy kịch, trong làng không còn ai nghĩ đến vợ con anh. Anh chỉ còn cậy vào sức mình. May mà vài mươi con sào nữa là anh về đến nhà. Vợ anh chắc lúc này đang ngồi ẵm con trên nóc túp lều tranh. ý tưởng ấy khiến Mịch chèo thêm mạnh tay. Giây phút, con thuyền đã vượt qua con đường bên gốc đa. Ngọn nước kéo chiếc thuyền về phía dưới, anh ra sức chèo ngược lên, con thuyền ở giữa hai cái mãnh lực gần bằng nhau đứng im một chỗ. Bỗng Mịch nghe trong khoảng đêm tối một tiếng kêu cứu, tiếng kêu hốt hoảng bao hàm bao nhiêu nỗi kinh khủng. Chàng ráng hết sức, vượt qua ngọn sóng, giơ tay vợ lấy một cành đa. Con thuyền nhẹ bỗng lên, những đợt sóng réo theo nhau chạy về phía dưới. Mịch bật bỗng nhìn về nhà, kêu:

- Mẹ cái ốc đâu?

Tiếng gió trả lời anh. Anh gọi luôn mấy tiếng nữa cũng không ai đáp lại. Lòng Mịch rạo rức; trái tim anh đập rất mau. Hết sức, anh dún mình đưa con thuyền đề sóng đâm ngang vào bụi tre mà anh biết là ở cạnh cổng nhà, rồi hai tay anh với cành tre giữ thuyền lại. Mất tre đâm vào cánh tay, anh cũng không thấy đau. ánh sáng của bó đuốc nhỏ chiếu tỏa ra chung quanh. Mịch rên lên một tiếng khổ não. Anh đăm đăm nhìn về phía nhà và chỉ trông thấy vũng nước đỏ ngầu lấp lánh dưới ánh đuốc. Mắt mở to, anh trừng trừng nhìn lên mặt sóng bấp bênh chiếc mái nhà lật ngược. Tuyệt vọng, Mịch sực nhớ đến tiếng kêu ban nãy, tiếng kêu cuối cùng của vợ anh có lẽ đang ẵm con thơ. Mịch run bắn cả người, hai tay rời cành tre. Một làn gió mạnh, một đợt sóng qua. Chiếc thuyền nghiêng ngửa, Mịch không vững chân, ngã ngửa người vật xuống...

*

**

Vài giờ sau, vầng thái dương xán lạn mọc lên trong bầu trời quang đãng, âu yếm nhuộm hồng mấy sợi mây tơ chằng lên trên da trời màu bạch nguyệt, dịu dàng mơn trớn cánh đồng nước lặng sóng như mặt hồ. ánh sáng buổi bình minh tinh khiết như hồi thiên địa mới sơ khai. Nếu

không có vài chiếc thuyền thỉnh thoảng lách vào mấy ngọn tre xơ xác, những sự khùng bố hồi hôm có lẽ khách du chỉ cho là một giấc mơ dữ dội.

Rút từ tập truyện ngắn *Tiếng đàn*,
Nxb. *Đời Nay*, Hà Nội, 1941

Tiếng đàn

Xuân không nhớ vì lẽ gì rằm tháng giêng năm ấy Xuân lại vào Huế. Song những cảm giác mênh mông lạnh lẽo đã kích thích tâm hồn Xuân hôm đó. Xuân không bao giờ có thể quên được. Cứ mỗi buổi chiều, lúc sương lam lặng lẽ trùm lên ngọn tre, lòng Xuân lại rung động, da thịt Xuân lại cảm xúc tất cả nỗi buồn trụy lạc tiết phát ở tòa Thành Cổ ủ rũ bên bờ sông Hương.

Chiều hôm ấy Xuân yên lặng ngồi trong khoang thuyền, một chiếc thuyền dài, đi êm như lướt trên mặt sông lặng. Mặt trời đã lặn; đằng xa, về phương Tây, sau rặng thông in hình mờ mờ trên đỉnh núi Ngự Bình như mấy nét chấm phá trong bức tranh thủy mặc Tàu, da trời nhuộm màu xanh non. Gần hơn, những đám cây đã bắt đầu đen sẫm in bóng xuống mặt nước xám, nặng nề chảy. Cảnh vật im lìm như đợi rơi vào đêm tối. Riêng Lương, bạn Xuân, đương ngả nghiêng trên mạn thuyền, hai tay nhét túi quần, cười cười nói nói hỏi chuyện cô lái đò. Câu chuyện có lẽ đậm thắm lý thú lắm, vì chốc chốc hai người lại nhìn nhau rồi cùng bật lên một chuỗi cười giòn rơi vào sự yên tĩnh, vang ra trên mặt sông rồi lẫn vào bóng tối.

Lương bỗng quay lại phía Xuân:

- Nhà thi sĩ ngồi nghĩ gì đấy mà trông bí mật như cặp mắt cô gái Huế vậy? Ra đây mà nghe chuyện mạn mà của cô lái, rồi cô sẽ ca cho một vài bài.

Xuân ngạc nhiên:

- Ồ! Thế ra cô lái cũng biết ca, quý hóa nhỉ!

Cô lái lấy tay che miệng, khúc khích:

- Chúng em có biết ca gì mô. Mấy thầy có muốn nghe, em cho đi kêu chị Huyền của em, thì mấy thầy đầu khó tính thế mô cũng phải vừa lòng.

- Thế thì còn gì hay bằng nữa.

Cô lái bèn đẩy thuyền vào bờ. Xuân nhìn cái thân hình mềm mại lộ sau bộ quần áo mỏng, gió thổi bạt cả về một phía, trong lòng bỗng rạo rức một ý nghĩ thèm muốn. Ngay lúc ấy, cô gái quay lại nhìn Xuân, lẳng lơ mỉm cười. Xuân rùng mình, cảm thấy hết cả sự trụy lạc của một gái giang hồ dữ khách, và không ngăn nổi một tình tình khinh miệt nó khiến chàng lạnh lùng quay nhìn nơi khác.

Lúc đó, thuyền đã ghé sát vào bờ. Cô lái cầm mạnh chiếc sào xuống nước, và một đứa bé ở trong khoang chui ra vịn thềm gạch leo lên đường, nhanh nhẹn lách qua một cái giậu thưa rồi đi khuất sau đám cây. Trong lúc nhá nhem, Xuân thấy thoáng qua trong trí cái ý nghĩ lạ lùng là đương sống một đời mơ màng, không rõ là thực hay chỉ là hư mộng. Những thân cây lớn đứng lặng yên bên bờ sông, Xuân trông như phủ một lượt nhung đen in trên một nền màu xám thẫm. Con sông Hương loáng đen, từng chỗ lấp lánh những làn sóng rung động ánh những ngọn đèn xa mới thấp.

Cô lái đồ tình tứ rời chiếc sào chui vào khoang thấp đèn. Dưới ánh lửa, khuôn mặt mồm mím của cô ửng hồng. Xuân nhận thấy đôi mắt dài và ướt, cặp môi thắm như vết máu và cái cổ tròn và xinh. Như đoán biết Xuân đương tò mò nhìn, cô lái quay lại mỉm cười, lên tiếng nhẹ nhàng:

- Mời ông vào xơi tạm vài miếng thuốc.

- Vâng.

Lương nhanh nhẩu vừa cười vừa trả lời thay bạn. Chàng cúi mình chui vào trong khoang, ngả đầu xuống chiếc gối rua trắng, nhìn chung quanh mình một lượt, rồi nức nở khen:

- ở đây êm ấm nhỉ. Y như một cái ổ uyên ương. Mà sạch sẽ làm sao, tôi có lời mừng cô lái.

- Dạ, thầy dạy quá.

- Không, không quá một tí nào. Với một cô lái xinh đẹp thế kia, thì có gì là quá đáng được!

Cô lái sung sướng, nói lảng:

- Ông tiêm lấy nhé.

- áy chết, ai lại thế. Cô làm ơn cho.

- Em vụng lắm ạ.

- ở tay cô thì vụng thế nào cũng là ngon.

Câu chuyện quanh quẩn ở một nơi. Câu nói bông đùa của bạn, đáng điệu kiêu cách của cô gái giang hồ, Xuân thấy nhỏ nhen, như nhóp cả nền nên thơ của đêm tối. Xuân không hiểu vì đâu hôm nay chàng có những tư tưởng hắc ám, Xuân đổ lỗi cho cái tính ương gàn của mình, cái tính phân tách từng cử chỉ, hay đặt một ý tưởng sau giọng nói, dáng ngồi của người, và cố nhìn cảnh vật bằng con mắt lạc quan, cố tìm vẻ có duyên của cô lái và tính tình vui vẻ của bạn, chàng bỗng rời bỏ mũi thuyền để vào trong khoang. Nhưng lúc chàng dịch lại gần bàn đèn, chàng thấy chập chờn trong trí cái tư tưởng so sánh thân mình với một con thiêu thân bay đến ngọn lửa sáng...

- Mời ông ngồi sát vào đây.

Cô gái vừa nói vừa dịch lại gần Xuân, ngồi sát vào người chàng.

Một mùi thơm rẻ tiền ở người cô thoát ra chẹn lấy cổ họng Xuân.

Lương ranh mãnh nhìn hai người, cợt nhả:

- Mới quen hơi mà đã thân mật nhỉ.

Cô lái chữa thẹn:

- Ai thân mật?

Cô vừa nói vừa mỉm cười liếc Xuân. Nhưng Xuân đương mơ màng nhìn ra ngoài. Một thứ ánh sáng huyền ảo làm mờ mấy ngôi sao lấp lánh trên ngọn cây. Ngọn gió mát nhẹ nhàng lại. Trăng lên.

Xuân nghe rõ ở bên thuyền có tiếng rì rầm. Chàng nhô đầu ra thì vừa một người con gái bước xuống thuyền, im như cái bóng.

- Chị Huyền đấy à?

- Phải.

- Mời chị vào trong này.

Lương ngồi nhóm dây giương mắt nhìn. Huyền dỏng dỏng cao, người hơi gầy một chút, vẻ kín đáo tẻ, trái ngược hẳn với cô lái.

Đôi con mắt sắc mơn màng đăm đuối như đương theo đuối những hình ảnh trong mộng, không đoái nhìn đến cảnh vật chung quanh.

Huyền khép nép ngồi xuống mái thuyền thu áo lại, rồi lạnh lùng nhìn vào quăng không, trong khi người kếp nấn lại cung đàn. Ai nấy đều im bật. Nụ cười ở trên môi cô lái không nở ra được to.

Ai nấy như bị đè nén bởi một bầu không khí huyền bí, sắp gọi ra một việc gì lạ lùng.

Thế rồi trong sự yên lặng, tiếng đàn độc huyền bắt đầu réo rắt. Tiếng trong như ngọc, âm lên trong đêm thanh, lan ra ngoài hòa với ánh trăng. Rồi như hoàng oanh đua hót, Huyền bỗng cất tiếng hát hòa theo một tiếng đàn khác, trầm hơn, réo rắt hơn, giàu tình cảm hơn. Xuân cảm thấy trong lòng một cảm tưởng ngạc nhiên như đứng trước bức tranh tuyệt tác hay đọc một câu thơ bất hủ... Cái cảm tưởng ngạc nhiên ấy hết, nhường chỗ cho sự êm ái của tâm hồn. Những tiếng bỗng, trầm quán lấy tâm hồn Xuân, đem đi một nơi nhẹ nhàng, thanh không. Toàn thân Xuân khi ấy chỉ còn là thính giác, rung động theo tiếng đàn giọng ngân. Muốn cho thoải mái, chàng ngả lưng xuống ván thuyền, nhìn ánh trăng trôi theo dòng nước. Chiếc thuyền lặng lẽ trôi, chốc chốc mái chèo nhẹ nhấc lên, đem theo những giọt trăng ấy là sự đọng lại của tiếng hát trong vạt lẩn trong cung đàn. Tiếng hát vang ra khắp không trung, cảnh vật, tan ra trong khoảng sông rộng, sáng như tấm gương, ngừng lại trong những đám cây tối hai bên bờ: có khi bay cao lên trên ngọn đồi xa, rồi như theo gió đưa mãi lên, quyến luyến lấy đám mây tơ dệt đen trên nền trời xanh sáng, chập chờn trước mảnh trăng trong. Xuân khinh khoái để tiếng đàn đưa đến những cảm giác mê man, những cảm giác trong suốt và lạnh lẽo như bóng trăng dưới nước, và đè trên tất cả những cảm giác ấy, một thứ buồn mênh mang, không bờ bến.

Hết điệu Nam bằng đến Nam ai. Tiếng độc huyền càng réo rắt. Nỗi buồn Xuân cảm thấy mỗi lúc mỗi lớn, tràn ngập hết cả tâm hồn.

Chàng cảm như nghe thấy cung đàn đã từ đời thuở nào, ở một tiền kiếp xa xăm. Chàng vẫn không biết có cảm giác nào in sâu vào trí nhớ hơn là thính giác. Một giọng hát, một điệu đàn đã làm rung động lòng ta trong một giây, một khắc, có thể làm sống lại cả một quăng đời tình cảm và phủ lên trên một màn sương buồn nhẹ nhàng như nhớ tiếc những sự mong manh đã mất. Nhưng Xuân không ngờ tiếng đàn đêm nay lại gọi trong trí chàng những thời đã tiêu diệt.

Xuân rùng mình nhắm mắt lại. Trong hai dây cây đen im lặng soi bóng xuống gương sông, chàng thoáng nhìn thấy nhấp nhô những hình kỳ dị trên một tòa Thành Cổ, kiến trúc của người Chăm. Tiếng đàn độc huyền vẫn vang lên theo điệu hát, một điệu hát đều đều như tiếng than của một thiếu phụ nhớ người yêu, thỉnh thoảng một tiếng vượt cao lên nghe như một tiếng nấc trong. Huyền nét mặt vẫn lạnh lùng, nhưng Xuân ngạc nhiên nhìn y phục nàng, một thứ y phục sắc sỡ. Hai cánh tay nàng để trần, Xuân trông thấy tròn và trắng, đặt khoan thai lên trên cái xiêm thêu. Chàng thấy hiện ra trước mắt cảnh nước Chiêm Thành mới bị diệt vong và chàng tự nhiên yên chí rằng Huyền là một cô công chúa Chăm bị người Nam đả thắng ép ra ngồi hầu

rượu và ca những bài hát họ chưa hề nghe. Công chúa lạnh lùng như Huyền bây giờ, nhưng trong lòng tê tái những nỗi tủi nhục chua cay, oán hờn, nhớ thương, cất lên những tiếng ai oán náo nùng như tiếng khóc. Quân sĩ người Nam ngông nghênh tự đắc, nghe giọng than buồn thảm đều ngơ ngác, vừa đê mê vừa kính cẩn trước điệu ca cuối cùng. Tâm hồn họ lỗ mãng và chất phác, họ càng cảm một cách sâu xa thấm thía, trong cái cảnh trí hư thực của một đêm trăng, nỗi buồn man mác ẩn trong tiếng ngọc trong và êm. Xuân thầm nghĩ trong đám lỗ mãng chất phác ấy, có một người tâm hồn thi sĩ và người ấy, có lẽ là ông cha mấy mươi đời Xuân, nên Xuân đêm nay, trong cảnh này, rung động tâm linh đến cực điểm, đến sự đau đớn.

Nhưng, dẫu đê mê kính cẩn, dẫu linh hồn thi sĩ, người chất phác kia sau khi khóc với tiếng đàn than dài cả công chúa, đã đem cái thân yếu ớt mềm mại kia làm cuộc vui chốc lát. Xuân thấy máu bông bột trong huyết quản, như tiếng vang xa xôi của máu người thiên cổ đương ao ước được thỏa mãn cái mộng tưởng xưa.

Xuân bồng giật mình, Lương rón rén đến bên chàng thì thầm:

- Xuân trông mà xem.

Xuân còn ngơ ngác, Lương đã đưa mắt bảo khẽ:

- Huyền ấy mà. Trông như pho tượng vậy. Không có chút tinh thần nào, không mảy may cảm động, lạ thật. Ca những tiếng réo rất như thế mà mặt vẫn điềm nhiên lạnh lùng như không, thì thật là một sự quái gở.

Xuân mỉm cười mơ màng:

- Thì vãn. Huyền có là người nữa đâu, Huyền là một nữ thần, nữ thần của thi ca và âm nhạc. Mà nữ thần, thì còn cảm động làm sao được.

Lương cả cười như được nghe một câu khôi hài. Tiếng cười giòn giã vang lên, lẫn át tiếng hát và phá tan cái không khí du dương, mơ mộng, như câu trả lời của sự thực hiện có cho quá khứ hư ảo. Huyền dừng hát, rồi xin nghỉ.

Ngọn đèn thuốc phiện kêu cao, Lương ung dung tiêm thuốc mời Huyền hút, Xuân hết đổi ngạc nhiên lúc thấy Huyền nhận lời, ngả người sát vào người chàng, gối đầu lên vai chàng, tóc xoa cả lên mặt chàng. Nhưng lúc ấy chàng không thấy trong mạch máu bông bột khí phách của kẻ thắng trận nữa; chàng chỉ thấy trong lòng tê tái như kẻ bị thua vì chàng chợt nhận ra Huyền là người cùng nước, và tiếng ca ban nãy là tiếng than của thời đại chàng đương sống. Một nỗi buồn nản mệnh mông tràn ngập vào tâm hồn Xuân như nước triều trên bãi biển xa vắng. Xuân lắng tai nghe tiếng sóng vỗ róc rách bên mạn thuyền, chàng tưởng là dư âm của điệu tàn đã hết, thì thầm than thở những nỗi nhớ nhung vẫn vơ, Xuân cảm thấy bao nhiêu nghị lực rớt lại trong người chàng đều tiêu tan trong tiếng sóng vỗ. ảnh hưởng của điệu ca vong quốc hun đúc lên bởi cái hoàn cảnh ủy mị, hay là trong người chàng đã mang sẵn dây đàn buồn sẽ gảy đã rung thành tiếng? Xuân không chìm đắm trong sự phân giải đau đớn, chỉ cố xuất tẩn lực để thoát khỏi cái khối nặng đương đè nén linh hồn. Xuân phải dùng hết can đảm mới nâng được đầu Huyền đặt lên gối, vùng trở dậy chui ra mũi thuyền. Lương ngạc nhiên nhìn theo, thấy Xuân đứng thờ mạnh, và cất tiếng hát nghêu ngao...

Sáng hôm sau, tinh sương, Xuân đã từ biệt bạn lên đường, Lương giữ thế nào cũng không được. Xuân đứng trên xe lửa, lặng nhìn hoàng thành lui dần về phương xa, như chìm đắm vào một nơi hoang mang đầy những sự sa ngã, đầy nỗi buồn thảm của sự diệt vong. Xuân sung sướng đón lấy ngọn gió mát mà chàng coi như hơi thở của một sự sống bình dị.

Rút từ tập truyện ngắn *Tiếng đàn*,
Nxb. *Đời Nay*, Hà Nội, 1941

Chán nản

Chuông đồng hồ thông thả buông chín tiếng vào giấc ngủ mê mệt của Nhân. Sực tỉnh, chàng uể oải vươn vai, ngáp một cái dài. Rồi gấp hai tay ra sau gáy, chàng ngược nhìn lên đỉnh màn, lò đờ đưa mắt theo một con muỗi đang bay tìm lối ra, luôn luôn chạm cánh vào đường lưới. Sau bức màn trắng mát, Nhân lặng nhìn màu hồng nhạt của cái diềm màn gấm và màu xanh tím của bức tường kẻ hoa. Chiếc quạt trần quay trong bầu không khí êm tĩnh. Nhìn sang tay phải, cái tủ gụ chạm, lồng kính, lò mờ phản chiếu ánh sáng buổi sớm lọt qua khe cửa hiên vào trong phòng.

Nhân nhắm mắt lại, thân thể và tâm trí nặng nề như dính xuống đệm, không cất lên được. Trong óc chàng, những hình ảnh ngày hôm trước phảng phất hiện ra rồi mất đi, không mấy may thú tự. Nhân mang máng sống lại những giờ ngồi ngắm cá vàng mà chàng tưởng dài không bao giờ hết, và buổi tối nhạt nhẽo chàng đã qua bên cạnh Lan, vợ chàng, trong rạp hát.

Muốn tránh những ý tưởng gợn nản, Nhân ngồi nhòm dậy. Mệt mỏi, chàng lẩm nhẩm nói một mình:

- Dậy làm gì bây giờ?

Miệng tuy nói vậy, Nhân vẫn xỏ chân vào đôi giày bông êm ái, bước xuống giường lê sang phòng tắm. Chàng rửa mặt bằng một thứ xà phòng thơm mát, đoạn mặc vào mình một bộ quần áo vải nhẹ, mềm và rất đắt tiền. Những công việc ấy, Nhân làm hằng ngày, nay đã trở nên một thói quen, nên cử chỉ chàng lúc này đều đều như một cái máy. Sống trong sự xa xỉ từ thuở nhỏ, Nhân coi những thứ phụ vật kia như một sự cần dùng không thể thiếu, và chàng cũng không thể tưởng tượng ra thiếu nó được.

Nhân cầm lấy bình nước hoa, phun lên mái tóc, chợt nghe thấy tiếng vợ ở phòng bên cạnh:

- Cậu ăn sáng thức gì để tôi bảo nó đi mua.

Nhân bỗng có cảm giác rằng câu nói ấy, với cả giọng âu yếm và hơi có ý bảo hộ, chàng đã nghe nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần. Chàng lấy làm khó chịu.

Nhân buột miệng trả lời:

- Ăn gì cũng được.

Nghe mình nói, Nhân giật mình như nghe tiếng người khác. Câu trả lời ấy đã thành ra một câu sáo, ngày nào cũng dùng tới. Tuy Lan biết chồng không bao giờ trả lời một cách khác, nàng sáng nào cũng hỏi để cho có câu nói, để phá sự yên lặng nó phân biệt, chia rẽ linh hồn những người sống cạnh nhau. Nhân không để ý đến, có khi lại vui vẻ trả lời, nhưng hôm nay chàng đột nhiên cảm thấy một cách sáng suốt rằng câu nói vô vị kia chỉ kéo lại gần nhau hai linh hồn trống rỗng, thờ ơ, lạnh nhạt.

Nhân sực nhớ lại. Chàng lấy Lan không phải vì tình yêu. Cha mẹ chàng đã thấy chàng lớn tuổi, sợ rằng sẵn của đằm ra chơi bời phung phí, nên cưới vợ để giữ chàng ở nhà, cũng như nhiều nhà giàu cho con hút thuốc phiện để của khỏi chạy ra ngoài ngõ. Nhân sống trong cảnh giàu sang, không lo nghĩ, không bận bịu, chỉ có việc ngồi quần trong phòng lau lọ sứ hay ra sân

ngắm núi non bộ, rồi đến chiều, ăn xong, xe ô tô đưa đi hóng mát hay đưa đến rạp hát. Chàng sống trong cảnh ấy, như cây mọc trong hang tối, không biết ngoài còn có ánh sáng nữa.

Những hình ảnh mập mờ về dĩ vãng theo đuổi ám ảnh Nhân cho đến lúc ăn sáng. Chàng ngồi lặng yên cầm thìa khuấy cốc cà phê sữa, chán ngán nhìn những đĩa bánh bày la liệt trên bàn.

Bống Lan nói:

- Trông cậu hôm nay làm sao ấy.

Nhân chớp mắt, trả lời vợ vẫn:

- Không, tôi có làm sao đâu.

- Mặt cậu trông bơ phờ như người mới ốm dậy.

- Có lẽ vì tôi ngái ngủ...

Nhân nói dối để được yên thân. Chàng bống dưng nhận thấy rằng chàng không làm thế nào tỏ cho vợ biết được nỗi phiền muộn của mình, mà vợ chàng cũng không sao hiểu được nỗi phiền muộn ấy.

Uống xong cốc sữa, Nhân tự hỏi:

- Bây giờ biết làm gì được?

Chàng không tìm thấy câu trả lời.

- Làm gì được bây giờ, Nhân tự nhắc lại câu hỏi ấy. Đi chơi phiếm chăng? Hay là đến nhà anh em bạn?

Nghĩ đến đấy, Nhân tưởng tượng ra những việc sắp tới. Chàng thấy hiện rõ trước mặt một cảnh tượng chán nản: mấy người ngồi uống nước nói chuyện suông, rồi xoay ra tổ tôm đờ buồn... Cho đờ buồn, cả đời chàng rút cục chỉ có thế.

Như trả lời ý nghĩ của Nhân, Lan vừa cầm thỏi son đánh môi vừa nói:

- Lại chơi đờng bác Đốc đi, mình.

Nhân ngáp, thẫn thờ đáp:

- ừ thì đi.

Lan vẫn ngồi, gọi với vào nhà trong:

- Vú già bảo anh tài đánh xe ra để tôi và cậu đi.

Rồi hai người ngồi yên lặng, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng.

Sự yên lặng sắp trở nên nặng nề, thì người tài xế vào mời hai vợ chồng lên xe.

*

* *

- Mời hai bác xơi nước.

- Vâng ạ, bác để mặc chúng tôi.

Nhân nghe vợ nói, nghĩ đến sự dự đoán của mình. Thấy Nhân ngồi im, bạn vốn vã hỏi:

- Thế nào, bác có trúng số không?

- Không.

- Chúng tôi cũng chẳng trúng số nào. Thật là mất tiền toi.

Câu chuyện ngừng lại. Lan nói:

- Bác mất tiền thì cũng là mất tiền Nhà nước. Cuối tháng, bác lĩnh lương thì cũng như lấy lại chứ gì.

Nhân cũng xen vào một câu:

- Độ này công việc có bận không, bác?

- Cũng không bận lắm, nhưng bằng sao được bác, tự do, muốn làm gì thì làm. Sung sướng thật.

Nhân mỉm cười chua chát, không trả lời.

Câu chuyện dần dần tẻ ngắt. Nhân chán ngán sắp đứng dậy thì bạn nói:

- Hai bác ở lại đánh tổ tôm chơi.

Lan nhanh nhẩu đáp:

- Ừ phải đấy. Chúng mình ở lại đánh vài hội cho vui.

Trái với mọi hôm, Nhân từ chối nói là có việc bận.

Lan bảo:

- Vậy tôi ở lại. Mình đi đâu thì đi, rồi đến chiều lại đón tôi đi xem chớp bóng.

Bên sập gụ, một đũa đầy tứ gái đã đứng chia bài. Nhân từ giã bạn, chán nản bước ra. Vợ chàng gọi giật lại, nhắc:

- Cậu nhớ đến đón tôi đấy. Chớp bóng kỳ này hay lắm, nghe đâu là chuyện một ông tiên tìm thuốc trường sinh thì phải.

*
* *

Chiếc xe ô tô hòm nhẹ nhàng đi. Nhân vẫn vợ nhìn hai dãy nhà theo nhau chạy về đằng sau, nghĩ đến câu nói của vợ. Chàng nói thầm một mình:

- Đi tìm thuốc trường sinh... Đời mình ngán ngủi thế này mà còn không biết làm gì, lại còn muốn một đời bất diệt...

Buồn bã, chàng trông những người qua đường đông đúc chen nhau đi, ngẫm nghĩ:

- Họ đi đâu? Chắc họ đi cho có chuyện như mình, và đời họ chắc cũng như đời mình, nhạt nhẽo, phẳng lì, buồn tẻ.

Nhân tò mò nhìn dáng điệu, nét mặt từng người để tìm chứng cho cái thuyết của mình. Lúc đó, xe ô tô đi qua phố Hàng Than. Chàng từ đằng xa đã để ý đến một bọn phu xe, đương đẩy những chiếc xe chất đầy than.

- Mình may giàu có mà sống còn không thấy vui nữa là họ! Không biết làm sao họ sống được...

Xe ô tô vượt qua dãy xe than. Nhân nhìn lại, ngạc nhiên. Mấy người phu, đàn bà lẫn đàn ông, vừa nói chuyện vừa cười vang cả phố. Trên những khổ mặt nhem nhuốc, đầy bụi than, nét cười trông có vẻ lạ kỳ. Bỗng nhiên, Nhân, tuy đời vật chất đầy đủ, xa hoa, tuy không phải mó tay vào việc gì, Nhân nhìn thấy mình háo hức như thèm thường, ghen tị những người phu kia nhem nhuốc, vất vả những tiếng cười giòn và trong.

Rút từ tập truyện ngắn *Tiếng đàn*,
Nxb. *Đời Nay*, Hà Nội, 1941

Tiếng pháo xuân

Đêm hôm ba mươi Tết. Một đêm lạnh lẽo, mưa phùn, gió bắc. Nhà hàng phố đã bắt đầu đóng cửa. ở một góc tường dưới cái mái hiên lớn, Minh co ro trong chiếc bao tải rách, miệng lâu nhàu kêu rét. Hắn tra tay vào túi, lấy ra một miếng pháo xiết ấn lên vĩa hè. Không thấy kêu, hắn cầm soi lên ánh đèn, lẩm bẩm:

- Rõ đen. Nhặt được miếng pháo ước.

Minh quăng bánh pháo xuống rãnh, ngả mình trên ngưỡng cửa, co hai chân lại, hai tay giao lấy nhau đưa lên miệng hà hơi cho ấm. Lạnh lùng, hắn nhìn mưa phùn từng lớp trắng bay qua ngọn đèn điện treo giữ phố, se sẽ rung rinh trước gió, đưa mắt theo khoảng ánh sáng đục bập bênh trên nền trời đen tối như một đám bọt vẫn trên mặt biển mênh mông.

Hắn rùng mình. Hắn vừa nghĩ tới số phận của một đứa trẻ không cha mẹ, sống lạc loài trong sự lo sợ, trong sự đói rét. Số phận hắn là số phận của một đám bọt ánh sáng lênh đênh trôi trong biển trời đen thẫm, không chút tình thương yêu, không một tia hy vọng. Hắn bỗng cảm thấy hết cả nỗi khổ của đời cơ cực. Những cảm tưởng ấy thoáng qua như cơn gió lạnh ở đâu lại, lùa vào khe cửa rồi biến mất.

Lát sau, Minh đã kéo ở trong bọc ra một nắm xôi nhai ngấu nghiến một cách ngon lành. Hắn tò mò nhìn sang dãy bên kia phố, dừng mắt lại một cửa hàng tạp hóa còn chong đèn. Trong khung ánh sáng, hiện ra một cảnh tượng êm đềm, đầm thắm.

Qua mấy cái tủ hàng, Minh trông thấy rõ người nhà rộn rịp dọn lễ giao thừa. Một người đàn bà hãy còn trẻ đương đặt bát thủy tiên trong suốt lên ban thờ sáng trưng. Dưới đất, một cô gái vào trạc tuổi Minh đương cúi húi đốt trầm trong một cái đỉnh đồng. Khói trầm thông thả bốc lên, thông thả quuyền lầy mấy đóa hoa hải đường lộng lẫy, mấy chậu cúc vàng, lầy cành đào trong cảnh bồng lai. Hắn mê man mơ thấy màu lam của hương trầm, màu vàng chói lọi của câu đối, say sưa với màu hồng nhạt của lá màn phủ trước bàn thờ, với những sắc lấp lánh của cái tủ chè khảm kê bên cạnh.

Bỗng Minh thấy người đàn bà quay lại phía hắn, nói gì với một người vú già đứng hầu ở chân sập. Nét mặt đều đặn, bà có vẻ hiền từ, phúc hậu. Minh chợt nhớ đến mẹ, rồi trong trí hiện ra ngay hình ảnh một người hốc hác xanh xao, nằm lịm đi trong một túp nhà tranh lụp xụp ngoài

bãi, trên chiếc chõng tre xiêu vẹo. Đó là hình ảnh mẹ lúc hấp hối Minh còn mang theo trong trí. Tuy vậy, hắn nhận thấy nét mặt người đàn bà ấy hao hao giống mặt mẹ hắn. Khi người đã đi khuất sau ban thờ, Minh lại để ý đến người con gái đốt trầm. Thấy cô bé nhí nhảnh vui cười, chạy hết chỗ này đến chỗ khác, Minh cảm thấy vui vẻ trong lòng, hình như chính hắn đương soạn sửa đến đón rước năm mới. Minh tưởng tượng cùng với cô bé rửa chén chè trong chậu đồng, cùng với cô bé sửa lại mấy bông hoa cắm trong lọ sứ...

Đêm dần dần khuya. Minh mắt vẫn ráo hoảnh, giương to nhìn vào trong gian nhà ẩm áp. Chợt thấy một người ra đóng cửa hàng, Minh tức tối nhìn như một người thù hắn. Từ từ, người ấy đặt hết cánh cửa này sang cánh cửa khác. Minh cố ngھển cổ nhìn bức tranh hoạt động đáng yêu một giây một thu nhỏ lại. Còn một chỗ hở, là hắn còn nhìn vào trong nhà, như người hấp hối cố cầm hơi để sống thêm vài phút nữa.

Đến khi trông thấy hai cánh cửa cuối cùng che kín mắt cảnh đời tưởng tượng, Minh như bị xô đẩy vào trong sự tối tăm lạnh lẽo. Hắn rên sẽ một tiếng, òa lên khóc. Đáp lại, đồng hồ nhà ai thông thả đánh mười một tiếng: tiếng lanh lảnh như ai oán rơi vào trong đêm tối vô hạn.

Minh thiếp đi từ bao giờ không biết. Hắn dụi mắt, ngạc nhiên nhìn chung quanh. Hắn thấy nằm trên một cái giường nhỏ giải đệm, trên mình, đặt một cái chăn chiên êm và mềm, trắng tinh và viền đỏ. Chung quanh, bài trí giản dị mà trang nhã. Ngay đầu giường, một ngọn đèn nhỏ chiếu ánh sáng nhạt lên cái tủ gương bóng loáng, làm nổi bật lọ cúc đặt trên cái án thư lên màu xám của bức tường hoa.

Minh ngồi nhồm dậy. Bỗng có tiếng hỏi:

- Con đã dậy đấy à?

Minh nhìn qua cửa màn thấy người đàn bà khoan thai bước vào, dáng điệu giống hệt mẹ đẻ của mình. Hắn vừa toan cất tiếng gọi mẹ, chợt nhìn lại, hóa ra người đàn bà mà hắn nhìn trộm ban chiều đương sửa lễ giao thừa trong cửa hàng tạp hóa. Minh lại càng thêm ngạc nhiên, vừa toan hỏi, thì người đàn bà đã vén màn, dịu dàng bảo:

- Con cứ nằm xuống đấy. Con có đói không?

- Dạ, bằm...

Người đàn bà ngắt lời:

- Thì con hãy nằm xuống nào. Mẫn ơi, đem bát sữa lên cho em.

- Dạ.

Một cô con gái - cô con gái đốt trầm ban tối - bước vào, hai tay bưng một chén sữa hơi bốc nghi ngút. Minh trông thấy, khoan khoái đến cực điểm, và lấy làm lạ lùng hết sức.

Người đàn bà nói:

- Con đừng lấy làm lạ. Mẹ ra coi đóng cửa, thấy con nằm bên kia vỉa hè, rét mướt, khổ sở, mẹ thương quá... Con có muốn nhận mẹ là mẹ nuôi không?

Minh nghẹn ngào không biết nói thế nào. Người đàn bà âu yếm bưng bát sữa đưa cho Minh uống. Bấy giờ Minh mới nhận ra rằng mình đã mặc một bộ áo mới, sạch sẽ và thơm tho.

Trong lòng Minh lúc ấy vui sướng lạ thường. Hắn có cái cảm tưởng rằng vẫn sống trong sự êm ấm, đầy đủ như bây giờ, còn những ngày gió lạnh sương buốt, những ngày nắng cháy sém da, những ngày nhin đói nhin khát chỉ là một giấc mơ dữ dội. Hắn từ từ uống để cho vị thơm ngọt của sữa từ từ thấm nhuần vào da thịt.

Người đàn bà âu yếm bảo:

- Mẫn ở đây với em rồi đưa em đi chơi... mẹ còn ra sắp sửa giao thừa nhé.

Không bao giờ Minh có cảm giác êm thú bằng lúc ấy. Bao nhiêu những điều mơ ước, những sự thiếu thốn bấy lâu, bỗng nhiên bùng mất, Minh thấy đầy đủ quanh mình, như đợi Minh thường thức. Minh sung sướng nghĩ thầm:

- Giá ta không thấy rõ ràng thì có lẽ còn ngờ là chiêm bao.

Rồi Minh mỉm cười một mình. Cô Mẫn cũng mỉm cười theo như một tấm gương phản chiếu cái diễm phúc đột ngột của Minh. Một lát sau, hai chị em cười cười nói nói, rủ nhau ra nhà ngoài.

Những đóa hoa hải đường mơn mớn, những cốc thủy tiên thơm ngát, và cánh đào lộng lẫy bên nét chữ vàng câu đối vẫn say sưa trong đám khói lam. Minh say sưa đón lấy hương trầm vẩn vít quanh mình, và cảm thấy sự sung sướng làm nẩy nở từng thớ thịt.

Bỗng có tiếng pháo mừng xuân nổ, và có tiếng quát Minh nghe rất gần:

- Có bước ngay không, pháo nổ vỡ đầu ra bây giờ!

Khoảnh khắc, những màu tươi thắm chung quanh, đóa hải đường, cốc thủy tiên đều biến mất. Trước mắt, Minh không thấy mái tóc mây của cô chị gái xinh, mà chỉ thấy nét mặt giận dữ của người bếp nhìn chòng chọc vào mình. Minh chưa kịp hốt hoảng, đã bị người ấy đập một cái và mắng:

- Bước ngay!

Liền ngay tiếng pháo bắt đầu nổ. Người bếp châm xong ngòi tràng pháo, đã lui vào trong nhà. Minh bị pháo bắn vào tay, vào mặt, vội vã cầm đầu chạy thẳng sang trước cửa, như để cầu cứu với người đàn bà hiền từ đã nhận mình là con.

Minh ngừng mặt lên. Người đàn bà hiền từ ban nãy đứng nhìn hắn, hàm hàm quát tháo:

- Năm mới của người ta! Đồ chết dẫm. Muốn sống thì bước ngay, không có bà cho thì rũ tù.

Cố nén tiếng khóc đang nức nở trong lòng, tiếng khóc của sự thất vọng không cùng, Minh ôm đầu chạy thẳng vào đêm tối...

Rút từ tập truyện ngắn *Tiếng đàn*,
Nxb. *Đời Nay*, Hà Nội, 1941